

Giải quyết khủng hoảng căn cước để ra khỏi bế tắc chính trị

Nguyễn Gia Kiểng

Nếu không tự đổi mình thì phải nhìn nhận đổi lập dân chủ Việt Nam đang rất bối rối. Các tổ chức đổi lập hải ngoại không nhiều và không phải tất cả đều là những tổ chức dân chủ đúng nghĩa. Trong nước, phong trào dân chủ không tiếp nhận được nhiều người mới trong khi giữa những khuôn mặt quen biết, vốn đã không bao nhiêu, thì sự gắn bó có phần giảm đi thay vì tăng lên.

Qua những trao đổi gần đây, một người đấu tranh rất tích cực bày tỏ với tôi sự thất vọng đối với hầu hết các khuôn mặt dân chủ và với tình trạng của phong trào dân chủ nói chung. Một thân hữu có uy tín khác nhận định : "Nói bi quan là còn nhẹ đấy, số người tự coi là dân chủ đã thưa thớt mà lại còn chệch bai nhau, bồi nhọ nhau, có khi chỉ vì những chuyện nhỏ nhặt, chưa nói là còn có những thành phần thực sự không đáng tin cậy. Mạnh ai nấy làm, chẳng ra hàng ngũ, lớp lang gì cả".

Sự rã rượi này thoạt nhìn có vẻ nghịch lý. Mức độ đàn áp của chính quyền cộng sản đã giảm rõ rệt. Chính chế độ cộng sản cũng đang chao đảo. Phân hóa nội bộ đã đạt tới cao điểm, và đà phân hóa này khó có thể đảo ngược bởi vì đảng cộng sản không còn một nhân vật nào đủ uy tín để hòa giải và hàn gắn các phe phái. Kinh tế cũng đang khủng hoảng nặng, đời sống của đại bộ phận dân chúng suy sụp, bất mãn lên cao như chưa từng thấy trong hơn hai mươi năm qua. Mọi người, kể cả đa số đảng viên cộng sản, chờ đợi một thay đổi. Bối cảnh này đáng lẽ phải rất thuận lợi cho đổi lập dân chủ.

Nhưng nếu nhìn kỹ hơn một chút thì không có gì phải ngạc nhiên. Quả nhiên chính sách đàn áp đã là một lý do khiến một kết hợp dân chủ không hình thành được, nhưng nó không phải là lý do duy nhất. Tại hải ngoại không hề có đàn áp, nhưng sau 33 năm vẫn chưa có được một tổ chức chính trị có tầm vóc. Một cách lương thiện, có thể nói rằng chính sách đàn áp đổi lập của đảng cộng sản vừa là một nguyên nhân vừa cung cấp một biện minh cho sự yếu kém nội tại của đổi lập dân chủ Việt Nam. Tại hải ngoại người ta nói rằng muốn đấu tranh thì phải ở trong nước, quốc nội là chủ lực, hải ngoại chỉ có vai trò yểm trợ. Còn ở trong nước người ta biện luận rằng vì chính quyền cộng sản đàn áp thẳng tay nên không làm gì được. Sự giảm sút của mức độ đàn áp đã có tác dụng buộc những người dân chủ Việt Nam phải đối diện với chính mình.

Ngày nay nếu muốn và biết hành động một cách khôn ngoan chúng ta có thể xây dựng được một lực lượng dân chủ hiện diện ở cả trong lẫn ngoài nước, và đủ mạnh để áp đặt tiến trình dân chủ hóa. Lực lượng này cũng sẽ có sức thu hút với chính các đảng viên cộng sản mà đa số, theo tôi, cũng muốn đất nước được quản trị một cách dân chủ và lương thiện. Trở ngại chính cho sự hình thành của lực lượng dân chủ này phải được tìm kiếm trong chính con người Việt Nam, kể cả những người dân chủ.

Và nhiều người đã tìm kiếm. Đã có nhiều bài nghị luận đặc sắc của các tác giả có uy tín nói đến khủng hoảng lòng tin, khủng hoảng đạo đức, khủng hoảng nhân cách. Những suy tư đó nhiều khi đưa đến những kết luận thực tiễn, như trước hết phải tập trung cố gắng nâng cao dân trí đã, hay chỉ có thể hy vọng là đảng cộng sản tự vỡ hay tự tách.

Nhưng nếu như thế thì tương lai dân chủ Việt Nam rất mờ mịt, bởi vì nâng cao dân trí là một cố gắng dài hạn. Nếu trong suốt một thế hệ - cứ tạm lấy cột mốc 1975 - chúng ta vẫn chưa đi đến đâu, thậm chí có người coi người Việt Nam đã xuống cấp chứ không cải thiện, thì đến bao giờ mới nâng được dân trí lên tới mức độ cần thiết để cuộc vận động dân chủ có thể thực sự bắt đầu ?

Còn chờ đợi đảng cộng sản tự vỡ hay tự tách cũng rất khó, bởi vì nó đi ngược với một nhận định đã được lập lại nhiều lần trong nhiều khảo cứu tâm lý, xã hội cũng như chính trị, và qua các kinh nghiệm lịch sử : đó là không thể chờ đợi những người đang thụ hưởng một thực tại xã hội tự nguyện hành động để thay đổi thực tại đó. Trong chiều sâu, con người luôn luôn hành xử một cách thuần lý, do đó không muốn và cũng không thể thay đổi một thực tại đang có lợi cho mình, ngay cả nếu trong thâm tâm mình thấy thực tại này là tệ hại. Dĩ nhiên vẫn có những người đủ lương thiện và dũng cảm để chống lại một chế độ đang có lợi cho mình, nhưng họ là một thiểu số rất nhỏ và không thể áp đặt được sự thay đổi.

Một cách nhìn khác về tình trạng bản thân hiện nay của đổi lập dân chủ Việt Nam là coi nó như là hậu quả tất nhiên của một giai đoạn xét lại bất buộc. Niềm tin của tôi là phong trào dân chủ, và đất nước, sẽ vươn lên sau cuộc xét lại này.

Tôi cũng đã tìm nguyên nhân yếu kém của phong trào dân chủ trong chính con người Việt Nam và nhận định rằng chúng ta thiếu văn hóa tổ chức. Giải thích "văn hóa tổ chức" là một giải thích lạc quan. Nó không cho rằng dân trí Việt Nam thấp, nó chỉ xác định một yếu tố thiếu trong văn hóa của chúng ta và cần được học hỏi : *văn hóa tổ chức*. Nó cũng dễ hiểu vì sinh hoạt tổ chức là một môn học không được giảng dạy trong các trường học Việt Nam, do đó người ta có thể có học vị và kiến thức cao mà không biết đến ngay cả sự hiện hữu của nó. Dầu vậy nó rất cần thiết và cũng không khó ; một người bình thường có thể học những điểm chính trong một thời gian vừa phải.

Một trong những khái niệm cơ bản của môn tâm lý xã hội, cốt lõi của văn hóa tổ chức, là khái niệm căn cước. Những điều thường được gọi là khủng hoảng đạo đức, khủng hoảng nhân cách, v.v. thực ra chỉ là những thể hiện cá biệt của một khủng hoảng nền tảng hơn : khủng hoảng căn cước (identity crisis). Người ta không biết mình là ai, có thể và phải sống như thế nào, có thể và phải làm gì. Căn ghi nhận là đã có nhiều người, ở những góc nhìn khác nhau cảm nhận được cuộc khủng hoảng căn cước này. Một thí dụ : có một tờ báo điện

tử có phẩm chất cao lấy cuộc khủng hoảng này làm tên gọi cho mình : Talawas. Ta là cái gì ? Một chất vấn về căn cước.

Nhưng khái niệm căn cước là gì ?

Đó là toàn bộ những yếu tố định nghĩa mỗi người và cho phép mỗi người ý thức về sự hiện hữu của mình. Mỗi người đều mang một căn cước và được nhìn như một căn cước. Mỗi chúng ta đều có một căn cước cá nhân và nhiều căn cước tập thể. Những căn cước tập thể này mô tả chúng ta là thành viên của tổ chức nào hay thuộc thành phần nào. Thí dụ một người Việt Nam, theo đạo Phật, công nhân hãng Nam Thành.

Hai điểm quan trọng cần được đặc biệt nhấn mạnh. Một là phần lớn những hành động của ta đều nhằm cải thiện một yếu tố nào đó trong căn cước cá nhân, căn cước của ta là chính ta. Hai là căn cước cá nhân chủ yếu gồm những căn cước tập thể, cho nên khi những căn cước tập thể này quá ít, hoặc không rõ ràng thì chính căn cước cá nhân cũng nghèo nàn, mờ nhạt hay rối loạn.

Trước hết cần một định nghĩa cho căn cước tập thể.

Đó là một phần của mỗi người và gồm hai thành tố, một là ý thức rằng mình là thành viên của một tập thể nào đó, hai là giá trị, ý nghĩa và sự gắn bó mà ta dành cho tư cách thành viên này.

Cả hai yếu tố này đều quan trọng. Ý thức rằng mình là người Việt chưa đủ khiến ta thực sự là người Việt. Thái độ và hành động của ta như là một người Việt Nam còn tùy thuộc tình cảm mà ta dành cho sự kiện mình là người Việt.

Trong một hồ sơ nộp cho một cơ quan nhà nước, anh Nguyễn Văn Ba khai anh cao 1m70, tóc đen, mắt nâu, lông mày rậm, sinh năm 1968 tại Sài Gòn, có vợ và hai con, tốt nghiệp trường Đại Học Sư Phạm năm 1991, dạy học tại trường Trung Học Phổ Thông Nguyễn Đình Chiểu cho đến năm 2000, rồi làm kế toán trong công ty giấy dép Nam Thành cho tới nay.

Ngoài những dữ kiện rất cá nhân như chiều cao và màu tóc, ta có thể nhận xét là anh Ba thuộc nhiều tập thể : tập thể những người trung niên, tập thể những người tốt nghiệp đại học, tập thể những người xuất phát từ những gia đình thuộc chế độ Việt Nam Cộng Hòa, tập thể giáo chức, tập thể công nhân hãng Nam Thành. Đồng thời cũng có những tập thể mà anh Ba không khai ra nhưng người ta có thể đoán được : anh ta thuộc loại người tương đối năng động vì đã dám đổi nghề để có thu nhập cao hơn. Rất có thể anh ta thuộc thành phần bất mãn đối với chế độ cộng sản vì đã phải bỏ nghề dạy học, một nghề tương đối được kính trọng, để đi làm công nhân ; hơn nữa trong thời gian đi học anh không tham gia Đoàn Thanh Niên Cộng Sản bởi vì nếu có anh đã khai, điều này chỉ có lợi khi giao dịch với một cơ quan nhà nước.

Thí dụ này cho thấy căn cước của một người chủ yếu là những tập thể mà người đó đã là thành viên, nghĩa là những căn cước tập thể. Mỗi căn cước tập thể, tùy mức độ chính xác, nói lên một khía cạnh của đương sự.

Chúng ta biết rất ít về anh Ba. Lý lịch của anh, cũng giống như trường hợp của đa số người Việt, chỉ gồm những tập thể mà anh là thành viên một cách ngẫu nhiên. Anh không chọn

được ngày sinh, nơi sinh và cha mẹ. Anh học đại học sư phạm có lẽ là vì đằng nào cũng phải học một trường nào đó. Những tập thể trung niên, người miền Nam, có trình độ đại học... không phải là những tập thể do anh chọn và cũng không thể từ chối anh. Và lại, đây chỉ là những tập thể thụ động, những sự xếp loại, không thành tổ chức và không có sinh hoạt. Quan hệ của anh đối với công ty Nam Thành, cũng như với trường Nguyễn Đình Chiểu có thể chỉ là những quan hệ trao đổi lạnh nhạt, anh bán thời gian của công sức để được trả lương nuôi gia đình. Rất có thể anh chẳng có ràng buộc tình cảm nào với hai tập thể này ; chúng không phải là những căn cước tập thể đúng nghĩa đối với anh bởi vì, một lần nữa, cần nhắc lại là một căn cước tập thể đòi hỏi cả ý thức rằng mình thuộc một tập thể lẫn sự ràng buộc tình cảm với tập thể đó. Hai tập thể công ty Nam Thành và trường Nguyễn Đình Chiểu cũng không làm phong phú hơn bao nhiêu căn cước cá nhân của anh Ba. Căn cước cá nhân của anh Ba thật nghèo nàn. Anh gần như một người không căn cước, một con số trong một dãy số.

Anh ta chưa hề tự nguyện dấn thân trong một tập thể có tổ chức nào cả cho nên người ta khó có thể biết anh ta là người như thế nào, có khả năng đến đâu và muốn gì. Chính qua các tổ chức mà mình tham gia và gắn bó mà một người tự tiết lộ về những nguyện vọng, ý chí và khả năng. Tại sao ? Khi một người thực sự muốn đổi hiện trạng - xã hội mà mình đang sống hoặc chỗ đứng của mình trong xã hội - thì phản ứng tự nhiên là tìm những người cùng mục tiêu để kết hợp, tạo sức mạnh để thực hiện mục tiêu chung, và bù lại chấp nhận một số hệ lụy và hy sinh như là cái giá phải trả để đạt nguyện ước. Tổ chức như vậy là dụng cụ của sự thay đổi, một nhíp cầu nối liền một hiện tại phải từ bỏ với một tương lai phải đạt tới. Mặt khác, xét cho cùng thì mọi hành động có chủ ý của chúng ta đều nằm trong một dự kiến tương lai, nghĩa là một thay đổi so với hiện tại, nào đó. Khi dự kiến tương lai này thiếu vắng thì mọi hành động của chúng ta đều mất định hướng và trở thành vô nghĩa. Sự kiện một người không tham gia một tổ chức nào nói lên một điều nghiêm trọng : đây là một người không có dự án tương lai, cuộc sống và những hành động không có ý nghĩa.

Các tổ chức, mà ta gọi chung là xã hội dân sự, không thể thiếu trong cuộc sống của những con người văn minh. Nhưng không phải chỉ có thế. Tổ chức ngoài chức năng dụng cụ của sự thay đổi còn tác động trên các thành viên và thay đổi chính họ. Tổ chức là một môi trường hội nhập gắn bó các thành viên với nhau khiến họ có cùng một số kiến thức và cùng một cách nhìn trên nhiều vấn đề. Tổ chức cũng là một môi trường thi đua, một môi trường trong đó các ý kiến được sản xuất, phê phán và sàng lọc. Ý kiến của các cá nhân riêng lẻ vì vậy thường chỉ là những ý kiến chưa qua thử thách và do đó không có gì bảo đảm là đúng.

Trở lại trường hợp của anh Nguyễn Văn Ba, rất có thể anh không hài lòng với hiện tại nhưng không có chỉ dấu nào là anh sẵn sàng hành động để thay đổi nó. Anh có thể tự nghĩ là mình có phẩm cách và văn hóa hơn hẳn anh chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân Phường, anh cũng có thể nghĩ viên phó giám đốc công ty Nam Thành là một tên thượng đội hạ đạp, anh

cũng có thể nghĩ là mình có một số ý kiến về đất nước. Tuy vậy, tất cả chỉ là những suy nghĩ riêng tư chưa qua thử thách, rất có thể là sai.

Tóm lại, chúng ta không biết gì chính xác về anh Ba. Đây là một con người hầu như không có căn cước. Con người này có thể phản ứng một cách không ngờ trong một hoàn cảnh nào đó. Nguyên nhân khiến căn cước của anh Ba mờ nhạt là sự thiếu vắng những căn cước tập thể. Sự thiếu vắng này có thể là vì xã hội dân sự bị bóp nghẹt và các tổ chức bị cấm đoán dưới chế độ cộng sản nhưng vẫn là một thảm kịch đối với anh Ba. Ai cũng muốn được quý trọng. Cái nhìn của người khác về ta quan trọng lắm, cho nên dù có những người tự nhủ rằng "chỉ ta ta biết, lòng ta ta hay", sự tìm kiếm một căn cước tốt nằm trong bản năng của con người. Vì vậy mới có sự khoe khoang, mới có những người cố học để lấy cho bằng được những bằng cấp cao, v.v. Nhưng quả thực là ít người Việt Nam ý thức được rằng giá trị thực sự của một con người được biểu lộ qua những căn cước tập thể đúng nghĩa, nghĩa là những tổ chức mà mình tự nguyện tham gia.

Trong căn cước của anh Ba có một tập thể khá rõ rệt trong đó, dù không chọn lựa tham gia, anh có đóng góp và cũng chịu nhiều hệ lụy : dân tộc Việt Nam. Nhưng tư cách thành viên trong tập thể này có thể là thảm kịch lớn nhất đối với anh. Đây là một tập thể trong đó không những anh ta không được nói và làm những gì mình muốn mà còn bắt buộc phải đối trá, phải khen những gì mình muốn chê, phải ca tụng những người mình muốn chửi. Tóm lại, phải giấu mặt và mang căn cước giả. Tình trạng này không phải là một đặc sản của chế độ cộng sản. Trong suốt dòng lịch sử, người Việt Nam đã chỉ là những người nô lệ, phải cúi đầu trước vua quan ; sự kềm kẹp có lẽ còn hà khắc và dữ dội hơn nhiều so với ngày nay. Nhưng điều khác là thế giới đã thay đổi. Ngày xưa người ta nghĩ thân phận nô lệ là một định mệnh, ở đâu cũng thế, không có giải pháp nào khác. Ngày nay người ta biết có những cuộc sống xứng đáng hơn. Người ta biết thân phận bị chà đạp của mình là một ngoại lệ chứ không phải là một thông lệ, người ta biết mình là nạn nhân, và người ta rất đau đớn.

Chân dung của anh Ba cũng là chân dung tiêu biểu của đại đa số người Việt Nam hiện nay. Trừ một thiểu số hãnh tiến rất nhỏ nhưng chiếm đoạt và khống chế tất cả, xã hội Việt Nam ngày nay là xã hội của một khối người không được sống thực, cô đơn và bất lực, nhẩn nhục ngoài mặt nhưng nổi loạn trong lòng. Trong cuộc sống bị dồn ép trong sự giả dối đó, mỗi người, để tồn tại, cố gắng bằng mọi phương tiện để khôn hơn người khác, cuối cùng người tốt cũng trở thành kẻ gian. Sự băng hoại đạo đức, khủng hoảng nhân cách chỉ là những biểu lộ của một cuộc khủng hoảng khác : khủng hoảng căn cước.

Tại sao các tổ chức dân chủ không mạnh lên được ?

Trước hết, phải nhắc lại một lần nữa, là phần lớn những người dân chủ không ý thức được sự cần thiết của đấu tranh có tổ chức đến mức độ phải tham gia một tổ chức bằng mọi cách cho nên vẫn tạm hài lòng với lối đấu tranh nhân sĩ hoặc trong khuôn khổ những nhóm bạn bè vài người. Cũng có những người có ý định kết hợp với một số người khác để tiến

tới một tổ chức, nhưng rồi thất vọng và bỏ ý định đó vì khám phá ra rằng những người mà mình muốn kết hợp không như mình nghĩ lúc ban đầu, nghĩa là đã hiểu lầm căn cước. Và cũng có những người đã tham gia những tổ chức nhưng rồi thất vọng và ra đi. Lý do thường được nêu ra là họ thấy tổ chức chẳng ra gì, hoặc có những người chẳng ra gì, nghĩa là họ đã lầm về căn cước của tổ chức. Điều này có thể đúng nhưng không đúng trong mọi trường hợp. Một lý do khác là họ đã đến với tổ chức với một căn cước không trung thực, hoặc chủ quan, hoặc giả tạo, đẹp hơn sự thực, và muốn được đánh giá cao, được có những vai trò quan trọng. Sau một thời gian sinh hoạt, căn cước thực sự của họ được phơi bày, hình ảnh mà họ muốn có không phải là hình ảnh mà tổ chức nhìn thấy nơi họ.

Tuy nhiên, lý do quan trọng hơn cả là một ngộ nhận về bản chất của đấu tranh chính trị, theo đó người ta có thể đấu tranh chính trị mà không cần tổ chức, hoặc một tổ chức chính trị có thể chế tạo ra một cách nhanh chóng khi cần, trong một vài tháng hoặc một vài năm, chung quanh một hay một vài nhân vật có uy tín. Nếu không có ngộ nhận này thì đã không có hiện tượng nhiều "nhà dân chủ" tuyên bố một cách rất tự nhiên là không thuộc một tổ chức nào. Nhưng đấu tranh chính trị bao giờ cũng chỉ là đấu tranh giữa các tổ chức. Không thể có đấu tranh giữa những cá nhân và một chính quyền, hay một đảng cầm quyền. Một khối cá nhân dù đông đảo và nhất trí đến đâu cũng không thể đánh bại được một chính quyền dù rất yếu, rất chao đảo và bị thù ghét. Đây là một qui luật không có ngoại lệ trong lịch sử của mọi dân tộc.

Nhưng một tổ chức chính trị là gì ? Đó là một đội ngũ gắn bó, có phân công và có kỷ luật, được nhìn nhận như là đại diện cho một số giá trị và chọn lựa chính trị. Nó là một căn cước chính trị cho các thành viên và cảm tình viên. Nó chỉ có thể là thành quả của một cố gắng bền bỉ trong nhiều năm.

Căn cước tập thể là cốt lõi của mọi cuộc đấu tranh chính trị ; nó có sức động viên mạnh hơn hẳn những mâu thuẫn quyền lợi. Giai đoạn Pháp thuộc đã là giai đoạn mà nước ta được thăng tiến về mọi mặt, cả đời sống vật chất lẫn phẩm giá con người Việt được cải thiện như chưa từng thấy trước đó. Dầu vậy đã có rất nhiều người Việt Nam sẵn sàng hy sinh tính mạng để chống lại người Pháp và những người này được đại bộ phận quần chúng Việt Nam ủng hộ. Tại sao nếu không phải là vì căn cước Việt Nam ? Một cách tương tự, người Mỹ đã giúp Việt Nam rất nhiều và không hề cướp đoạt một tài nguyên nào của Việt Nam, hơn nữa họ lại can thiệp vào Việt Nam vì một lý do chính đáng là bảo vệ tự do và dân chủ, nhưng vẫn có đông đảo người Việt, kể cả nhiều trí thức lớn, ủng hộ đảng cộng sản "chống Mỹ cứu nước".

Vận động quần chúng nổi dậy hình như là mục tiêu của hầu hết các tổ chức đối lập. Niềm tin căn bản được nhắc lại nhiều lần là ở đâu có áp bức ở đó có đấu tranh. Qui luật này không sai, vấn đề là giữa áp bức và vùng dậy đấu tranh có một thời gian, mà thời gian lại là tất cả trong đấu tranh chính trị. Tại sao phải có thời gian đó và thời gian đó cần có để hoàn thành cái gì ?

Trong một bài viết trước đây ("Chọn lựa giữa vận động quần chúng và chính trị xa lông?", xem *Thông Luận* số 213, tháng 4-2007), tôi đã phân tích điểm này. Muốn có nổi dậy đấu tranh phải có ít nhất ba điều kiện :

Một là khối người bị áp bức ý thức rõ ràng rằng họ là một tập thể gắn bó với nhau trong một số phận chung và chỉ có một giải pháp cho toàn bộ tập thể chứ không thể có giải pháp cá nhân cho mỗi người. Nói cách khác, khối nạn nhân phải có căn cước tập thể đúng nghĩa theo định nghĩa ở phần trên.

Hai là tập thể nạn nhân phải nhận diện được rõ ràng một tập thể địch như là nguyên nhân của những thua thiệt mà họ phải chịu đựng. Nói cách khác, căn cước của tập thể địch đối tượng của cuộc đấu tranh cũng phải được phát hiện.

Ba là phải có một tổ chức đủ mạnh để động viên và chỉ đạo cuộc đấu tranh đòi thay đổi.

Đây không phải là một sáng tạo lý thuyết mới mà chỉ là một kết luận rút ra từ kinh nghiệm lịch sử của mọi dân tộc và đã được sự đồng tình của mọi nhà nghiên cứu chính trị và xã hội có thẩm quyền .

Sau Thế chiến II, Đảng Cộng Sản Việt Nam đã động viên được quần chúng khi họ nhân danh giai cấp bần cố nông bị bóc lột (điều kiện 1) chống lại giai cấp địa chủ bóc lột (điều kiện 2) và vì họ đã có sẵn một đảng được thành lập từ hơn hai thập niên trước (Đảng Cộng Sản Việt Nam được chính thức thành lập tại Quảng Châu năm 1930, nhưng thực ra họ đã bắt đầu hoạt động đấu thập niên 1920). Tại mọi nước khác, các cuộc cách mạng cũng đều đã xảy ra trong những điều kiện tương tự. Cũng cần lưu ý là một chính quyền khó có thể được lấy làm tập thể địch, hay đối tượng đấu tranh, bởi vì nó gồm đủ mọi loại người và do đó không có căn cước rõ rệt. Trong một chính quyền có những cường hào nhưng cũng có những người đáng mến và đáng thương, có Bùi Tiến Dũng cá độ bóng đá hai triệu USD, nhưng cũng có những nhân viên sở giáo dục chạy gạo từng ngày. Các đảng cộng sản tấn công các chính quyền bằng cách cáo buộc các chính quyền đó là dụng cụ của giai cấp bóc lột. Marx mỉa mai các chính quyền như là "ban chấp hành của giai cấp tư sản".

Chưa gây được ý thức căn cước rõ rệt của tập thể ta và tập thể địch, chưa có đội ngũ mạnh mà đã kêu gọi quần chúng nổi dậy, cùng lắm có thể gây được tiếng vang giới hạn nhất thời nhưng chỉ có tác dụng đánh lạc sự chú ý khỏi những cố gắng nghiêm chỉnh, trong đó cố gắng quan trọng nhất là xây dựng tổ chức đấu tranh.

Vậy phải làm gì để đưa cuộc vận động dân chủ ra khỏi bế tắc và vươn lên ?

Không có giải pháp mẫu nhiệm nào cả. Ai nói cứ làm như thế này thế nọ thì chắc sẽ thắng lợi có nhiều triển vọng là một người tâm thần không bình thường. Không thể có giải pháp đơn giản. Cuộc cách mạng dân chủ là một cuộc cách mạng rất lớn và khó khăn, bởi vì nó không chỉ là một cuộc cách mạng chính trị mà còn là một cuộc cách mạng văn hóa. Nó cũng không đi theo con đường duy nhất được biết tới từ

xưa đến nay trong lịch sử nước ta : bạo lực. Nó càng khó vì nếu dân tộc ta có truyền thống chống ngoại xâm thì lại hầu như không có kinh nghiệm đấu tranh thay đổi chính quyền tối do.

Đầu vậy, sự hiểu biết tự nó cũng đã là một nửa của lộ trình. Ít nhất nó giúp ta không phạm thời giờ và nghị lực cho những động vọng vô ích, và không rơi vào sự tuyệt vọng. Nếu chúng ta hiểu rằng khủng hoảng căn cước là trở ngại chính của cuộc vận động dân chủ thì tình thế không đến nỗi bi quan như là nếu xã hội ta đang thực sự khủng hoảng về đạo đức và nhân cách.

Khủng hoảng căn cước chủ yếu là do con người không dám đảm nhận căn cước thực của mình. Người ta không dám đảm nhận, để xây dựng, căn cước của mình - để là chính mình, nói điều mình nghĩ, làm việc mình thấy nên làm - do cảm giác cô đơn và bất lực. Như vậy thì có giải pháp. Đó là đem lại niềm tin rằng những người muốn dân chủ cho đất nước có đội ngũ. Niềm tin này sẽ đem lại cho họ sự dũng cảm cần thiết để đảm nhận căn cước của mình, từ đó tiến đến xây dựng một căn cước tập thể của những người dân chủ. Dám đảm nhận căn cước thực của mình tự nó đã là một vũ khí quyết định. Niềm tin này chỉ có thể đến với sự xuất hiện của một lực lượng dân chủ mạnh, hoặc được nhìn nhận như có tiềm năng trở thành mạnh và đưa cuộc vận động dân chủ đến thắng lợi.

Làm thế nào để xây dựng lực lượng này là một vấn đề còn cần được thảo luận, nhưng ngay trong lúc này nếu chúng ta có thể đồng ý với nhau trên một vài xác quyết thì chúng ta cũng đã khai thông được khá nhiều.

Một là tất cả mọi hoạt động dân chủ phải được đánh giá qua tiêu chuẩn chúng đóng góp gì cho việc xây dựng một lực lượng dân chủ ?

Hai là không có việc một tổ chức được thành lập, do cố gắng mà lớn dần lên và đi đến thắng lợi. Tổ chức chính trị có tầm vóc nào cũng đều là thành quả của một tiến trình sáp nhập và thống nhất liên tục của nhiều tổ chức. Thành công của một tổ chức nhỏ phải được hiểu như là được góp phần xây dựng một tổ chức lớn. Tất cả mọi tổ chức dân chủ hiện nay đều là những tổ chức nhỏ.

Ba là trên lộ trình xây dựng tổ chức, trở ngại lớn nhất là người ta không đến với nhau và với tổ chức với căn cước thực của mình, dù đó điều kiện bắt buộc cho một hợp tác lâu dài.

Giải quyết được cuộc khủng hoảng căn cước này thì cuộc vận động dân chủ có mọi triển vọng ra khỏi bế tắc. Muốn như thế thì mỗi người trong số những người đấu tranh cho dân chủ, còn khá thua thốt hiện nay, cần một cố gắng nội tâm để hòa giải với chính mình, để là chính mình, sống với căn cước thực của mình và đóng góp xây dựng một căn cước thực cho tập thể của mình. Cố gắng nội tâm này sẽ bớt khó khăn nếu mỗi chúng ta tự trang bị cho mình một chút triết lý : điều cao cả nhất trong một đời người là góp phần vào một dự án đổi đời, là làm tác nhân thay vì nạn nhân của đời mình và của lịch sử.

Nguyễn Gia Kiểng

Chết đói - thiếu đói và cơ hội

Nguyễn Huy Đức

Các định chế quốc tế đều đồng loạt lên tiếng báo động về việc giá cả lương thực tăng vọt, và có thể sẽ tăng cao hơn nữa trong tương lai gần. Lý do đưa ra đều giống nhau : nguồn cung không đáp ứng được lượng cầu ; đồng Mỹ kim liên tục mất giá ; một số hành vi đầu cơ tích trữ, và nhất là chính sách dùng nông phẩm làm vật liệu chế biến năng lượng.

Tình trạng này đã đẩy cao tỷ lệ lạm phát nông phẩm. Đặc biệt tại Châu Phi và Châu Á, giá lương thực tăng vọt đã gây ra bạo loạn. Tại Cameroon, nhiều cuộc đụng độ đã gây thiệt mạng cho hàng chục người ; thủ tướng Haiti đã mất chức vì đã không quản lý nổi tệ nạn vật giá leo thang. Phi Luật Tân vừa ban hành án khổ sai cho những phần tử tích trữ gạo trái phép khiến giá cả tăng cao. Với đà này, những thành quả do các chương trình xóa đói giảm nghèo trong những năm qua mang lại coi như đổ xuống sông.

Nguy cơ nạn đói hoành hành ?

Trong năm 2007, giá lúa mì đã tăng lên đến 80.2%, gạo tăng 32.6% và ngô tăng 24.2%. Nếu tính từ đầu năm 2006 thì tỷ lệ gia tăng của ba mặt hàng trên là 220.5%, 219.5% và 278.0%. Trước tiến trình này, những chuyên gia về lương thực đã lên tiếng báo động nạn đói có nguy cơ xuất hiện.

Khi đề cập đến nạn đói, tưởng cũng cần đính chính một vài khía cạnh của vấn đề. Nạn đói (famine hay starvation) là một hiện tượng xảy ra tại một nơi nhất định, trong một thời gian nhất định và vì một lý do nhất định (chiến tranh, nội loạn hay thiên tai). Chính vì vậy, về mặt kỹ thuật, những biện pháp phòng chống nạn đói rất giản dị và, trong thực tế, những giải pháp cũng tương đối dễ thực hiện.

Khó có thể quyết đoán những gì đang diễn ra hiện nay là nạn đói. Thật vậy, hiện tượng vật giá nông phẩm leo thang đã lan tràn khắp nơi trên thế giới. Nó gây nguy khốn cho mọi quốc gia chứ không riêng gì những quốc gia kém phát triển. Tuy không gây ra chết đói, cuộc khủng hoảng này đang đem lại những hậu quả đáng lo ngại : nghèo khó và suy dinh dưỡng. Thật vậy, thay vào "nạn đói" mà thế giới đã từng biết đến trong những thập niên qua, chúng ta đang chứng kiến một hiện tượng "thiếu-đói". Tại một số quốc gia đang trên đà phát triển, thành phần trung lưu đã phải cắt giảm những chi phí khác (văn hóa, giáo dục, sức khỏe) để bảo đảm hai bữa ăn hàng ngày. Nhiều gia đình đã phải hạn chế mua thịt cá và rau quả để có đủ tiền mua bánh mì hay gạo cho gia đình. Đáng buồn hơn, nhiều hộ chỉ có thể có được một bữa cơm, có khi là bữa cháo trong ngày.

Vì cuộc khủng hoảng lương thực này chưa trực tiếp gây ra chết người nên thế giới dường như chưa có những quan tâm đúng mức, và nhất là chưa có những nhận định đúng đắn về hiện tượng này. Trước hết cần nhìn thấy một điều : chu kỳ của giá lương thực rẻ mạt kéo dài suốt 35 năm qua đã chấm dứt. Với sự phát triển của Ba Tây, Trung Quốc, Ấn Độ và của Á Châu nói chung, một khối lượng lớn người tiêu thụ đang

nảy sinh làm tăng thêm nhu cầu lương thực. Phải đón nhận hiện tượng này như một tin vui. Trong sự tiến hóa của nhân loại, đây là lần đầu tiên mà hơn 50% người sống trên quả địa cầu này có được "cơm no áo ấm", một khía cạnh căn bản của khái niệm nhân quyền. Đồng thời, có thể xem đây là một thử thách mới cho nhân loại.

Nhưng nếu nhận diện vấn đề một cách đúng đắn, đây không phải là một khủng hoảng quan trọng. Đi xa hơn nữa, cuộc khủng hoảng này đáng lẽ đã không xảy ra và nếu có xảy ra thì hiện tượng này phải được nhanh chóng bị chặn lại. Vấn đề đã trở nên trầm trọng khi các chính quyền can thiệp vào thị trường nông phẩm. Sự can thiệp này đã bóp méo cơ cấu của thị trường và khiến cho thị trường nông nghiệp trở nên kém năng động hơn.

Đâu là nguyên do ?

Về bản chất, thị trường nông phẩm không dễ dàng uốn chuyển theo tốc độ thay đổi của cung và cầu. Không có gì khó hiểu : sự gia tăng của cầu khó có thể được đáp ứng ngay lập tức vì nhà nông cần từ sáu tháng đến hai năm để gia tăng sản xuất và đáp ứng nhu cầu về lương thực. Ngược lại, khi có những thiên tai làm mất mùa thì cũng phải cần hai ba năm để gây dựng lại các kho dự trữ. Chính vì vậy phản ứng của ngành nông nghiệp không nhạy bén bằng những ngành khác. Mọi điều chỉnh thị trường cần một thời gian nhất định.

Vấn đề trở nên trầm trọng hơn vì sự can thiệp của các chính quyền vào ngành nông nghiệp. Thay vì tìm cách nâng đỡ động hóa nông nghiệp, mọi cố gắng của các quốc gia, nhất là các quốc gia tiên tiến, chỉ nhằm bảo vệ thị trường nội địa bằng những chính sách tài trợ : Chính sách nông nghiệp chung (Politique Agricole Commune) của Châu Âu là một thí dụ điển hình. Từ 40 năm qua, Liên Hiệp Châu Âu đã không ngừng trợ giá cho nông dân, nhất là nông dân Pháp. Theo Cao ủy đặc trách nông nghiệp của Liên Hiệp, ngân sách tài trợ cho nông nghiệp Châu Âu là 40 tỷ Euro/năm. Mục tiêu hàng đầu của những phí tổn này là khuyến khích nông dân Châu Âu bỏ hoang ruộng đất, giâm nuôi trồng để giảm sản xuất. Như vậy nông phẩm sẽ không bị phá giá ! Chính sách bao cấp này không những đã ru ngủ ngành nông nghiệp, hơn thế nữa, nó đã làm mờ nhạt những tín hiệu báo động về sự khan hiếm lương thực. Thật vậy, một khi giá cả nông nghiệp được quy định bằng chỉ thị và sắc lệnh thì nó không còn phản ảnh thực thể cung cầu... cho đến khi thực tế hiện nguyên hình và đòi hỏi những điều chỉnh không có không được.

Ngay cả Hoa Kỳ cũng không ra khỏi quy luật vì là quốc gia không ngừng hỗ trợ ngành nông nghiệp. Theo theo tin của chính phủ Liên Bang, số tiền trợ cấp cho nông dân đã tăng từ 11 tỷ Mỹ kim năm 2003 lên 25 tỷ trong năm 2006, hơn 56%. Hoa Thịnh Đốn đã cho biết nếu không có chính sách bảo trợ như vậy, ngành nông nghiệp của Hoa Kỳ có thể đã bị phá sản. Lý luận này không thuyết phục được ai, nhất là

những quốc gia sống chủ yếu nhờ vào nông sản và đang bị ngành nông nghiệp Hoa Kỳ cạnh tranh một cách thiếu công bằng. Chính vì vậy, sự hỗ trợ giá nông phẩm của các quốc gia phát triển luôn là một đề tài nóng bỏng trong các cuộc đàm phán của Tổ Chức Thương Mại Quốc Tế (WTO).

Tiếp tục sai lầm : OREC - OPEC

Nói tóm lại, nguyên do chính của tình trạng khó khăn về lương thực hiện nay là chính sách trợ cấp của các quốc gia. Nó bóp méo sinh hoạt thị trường nội địa, làm sai lệch sự cạnh tranh trên các thị trường quốc tế. Quan trọng hơn nữa, nó che giấu những tín hiệu và những thông tin mà một thị trường lành mạnh có thể cung cấp cho người nông dân để kịp thời chuẩn bị đối phó với mọi thay đổi có tính cách cơ bản.

Đã sai lầm vì can thiệp vào việc quản lý nông nghiệp trong thời gian qua, các quốc gia lại tiếp tục sai lầm khi còn khủng hoảng lương thực bắt đầu bộc phát. Nhưng lần này thủ phạm không phải là những quốc gia tiên tiến mà là các quốc gia nông nghiệp, phần lớn là những quốc gia kém phát triển. Thật vậy, trong hai năm qua giá gạo đã tăng gấp đôi tại Thái Lan, Việt Nam, Ấn Độ, Trung Quốc. Ảnh hưởng của hiện tượng vật giá leo thang rất lớn đối với các quốc gia này vì thực phẩm và nhu yếu phẩm chiếm từ 60% đến 90% trị giá hàng hóa trong rổ đi chợ của bà nội trợ.

Trong một phản xạ tự nhiên nhưng thiếu khôn ngoan, nhiều quốc gia sản xuất gạo đã ra chỉ thị hạn chế số lượng gạo xuất khẩu. Gần đây, Ấn Độ, Thái Lan và Việt Nam đã áp dụng hạn ngạch xuất khẩu gạo với mục đích đảm bảo nguồn cung cấp nội địa. Trung Quốc cũng chủ trương chính sách hạn chế nghiêm ngặt đối với việc xuất khẩu lương thực nhằm kiểm chế giá trong nước. Thái độ này đã gây nhiều lo ngại trên thị trường lương thực. Hệ lụy tự nhiên của các biện pháp này là giá gạo và giá thực phẩm toàn cầu bị đẩy lên cao. Nó khiến cơn sốt lạm phát lan rộng đến những khu vực khác của nền kinh tế và kích thích hiện tượng đầu cơ tích trữ. Cuối cùng giá thực phẩm trên thế giới cũng ảnh hưởng đến giá nội địa và làm cho người dân của các quốc gia đang chủ trương chính sách như trên ngày càng điêu đứng hơn.

Song song đó, một sai lầm khác đang thành hình với dự án thành lập Tổ chức các Quốc gia Xuất khẩu Gạo. Theo dự đoán, tổ chức này sẽ dựa vào mô hình Tổ chức các Quốc gia Xuất khẩu Dầu thô (OPEC). Miến Điện, Cao Miên, Thái Lan, Lào, và Việt Nam đã nhất trí tiến hành dự án này nhằm mục đích phối hợp hành động nhằm kiểm soát giá gạo trên thị trường thế giới. Tổ chức này có thể sẽ mang tên là OREC (tương tự như OPEC).

Nếu điếm lại những gì mà OPEC đã làm, những thất bại và những chia rẽ mà OPEC đã gặp phải, những sai lầm to tát và những bất lực mà tổ chức này đã vấp phải trong việc kiểm soát giá dầu lửa, người ta có thể mừng tượng được tương lai của OREC và sứ mạng kiểm soát giá gạo của nó.

Nghĩ gì và làm gì ?

Trái với nhận định bảo thủ của nhiều giới chức, thiếu sót là một hiện tượng chứng minh rằng chỉ có thị trường mới có thể định giá một cách lành mạnh và minh bạch. Mọi can thiệp

của chính quyền, dù phát sinh từ lòng hảo tâm, chỉ đem lại tai họa hơn là phúc lợi. Chính quyền, dân chủ hay độc tài, không có quyền năng và không có bản năng làm kinh doanh. Chính vì vậy, một nhà nước lành mạnh không có chức năng nắm quyền bảo trợ giá cả. Làm như vậy chỉ đem lại nhiều khó khăn hơn trong những vấn đề thuần túy kinh tế và thương mại mà thế giới đang và sẽ gặp phải.

Riêng Việt Nam, tình trạng thiếu đói vì vật giá leo thang là một thử thách lớn.

Nhưng đây cũng là cơ hội để ngành nông nghiệp Việt Nam có dịp để biến thể. Hiện nay, ngành nông nghiệp Việt Nam vẫn tồn tại dưới dạng trang trại nhỏ, trong phạm vi gia đình. Một mô hình tương tự sẽ không đủ khả năng nuôi sống người nông dân và chắc chắn sẽ không cạnh tranh nổi với thị trường nông nghiệp thế giới. Có lẽ Việt Nam rất cần hoán chuyển mô hình hiện nay sang mô hình dưới dạng công ty hay tập đoàn nông nghiệp hiện đại. Tiến trình này sẽ thay đổi hẳn bộ mặt nông thôn. Nó thúc giục Việt Nam xúc tiến càng sớm càng tốt cuộc di dân từ thôn quê ra thành thị. Việc giá lương thực gia tăng là một cơ hội tốt cho tiến trình này. Thật vậy, nhờ giá thực phẩm gia tăng, người nông dân có thể tạo cho mình nguồn vốn ban đầu khá giả trong hành trình định cư tại đô thị.

Ngoài ra, hiện tượng vật giá leo thang cũng cho thấy mối liên thuộc giữa thị trường quốc tế và ngành nông nghiệp của một quốc gia. Bảo toàn được lợi tức của ngành nông nghiệp, tránh được mức giao động của thị trường sẽ là một trong những ưu tư hàng đầu của các công ty nông nghiệp Việt Nam trong tương lai. Thay vì trực tiếp can thiệp vào việc kiểm soát giá cả, một nhà nước có trách nhiệm sẽ khuyến khích giới nông nghiệp thành lập những hợp tác xã, những ngân hàng. Đây là những cánh tay tài chánh có chức năng can thiệp vào thị trường nguyên liệu và thực phẩm qua những hợp đồng tài chánh kỳ hạn (Forward contracts) hoặc qua những hợp đồng phái sinh (Futures, options và derivatives) để bảo đảm rằng những giao động về giá cả sẽ không đem lại thiệt hại nặng nề cho nền nông nghiệp nội địa. Nói tóm lại, giá lương thực leo thang là cơ hội vô tiền khoáng hậu để hiện đại hóa nền nông nghiệp của đất nước. Người nông dân Việt Nam trong tương lai sẽ là một doanh nhân. Họ sẽ là những businessmen biết dựa vào những kỹ nghệ tối tân và những kỹ thuật tài chánh tinh vi để làm giàu cho mình và cho xã hội.

Một đề tài cuối : **tốc độ đô thị hóa đất nước**. Đây là một hiện tượng đang phát triển rất nhanh tại Việt Nam. Hệ lụy của nó là đất đai trồng trọt sẽ trở nên hiếm hoi. Chính vì vậy, tăng gia sản xuất là một đề tài nóng bỏng. Muốn giải quyết một cách thỏa đáng khâu này, nông nghiệp Việt Nam cần đầu tư vào những công trình sâu tằm và nghiên cứu để phát minh ra những hạt giống nhiều hiệu năng. Có thể nói mà không sợ sai lầm rằng tương lai nông nghiệp Việt Nam lệ thuộc rất nhiều vào nghiên cứu, ý kiến và sáng kiến.

Không cần nói nhiều, những khái niệm này chỉ có thể nảy nở tại một đất nước tự do, tại những nơi mà người dân làm chủ được cuộc đời mình.

Nguyễn Huy Đức (Paris)

Tại sao vẫn thiếu vắng một Mặt Trận Dân Chủ lớn mạnh ?

Tôn Thất Thiện

Phần I : Tại sao ?

Người Việt Nam phân hóa

Muốn dương đầu hữu hiệu với chế độ cộng sản trong một cuộc tranh đấu dành dân chủ mà không đẩy dân tộc Việt Nam vào một cuộc nội chiến tàn phá mới, cần phải có một mặt trận dân chủ lớn, mạnh. Nhưng, đến nay, sau 30 năm được nghe rất nhiều tiếng kêu gọi đoàn kết, trong nước cũng như ngoài nước vẫn thiếu vắng một mặt trận như thế, và không có dấu hiệu gì cho ta nghĩ rằng tình trạng này sẽ thay đổi trong một tương lai gần. Chỉ cần đọc tin tức mỗi ngày trên Laptop ta cũng thấy rõ ràng, qua thời gian, sự phân hóa giữa người Việt, nhất là ở ngoài xứ, không những không bớt đi, mà lại còn gia tăng. Số bản tin "spam" càng ngày càng nhiều và các tin tức, nhận định, kêu gọi, tuyên bố, tuyên cáo, thông cáo, thông báo, tâm sự, tâm thư, v.v. càng ngày càng dài hơn...

Các "spam" trên đây không phải chỉ do các đoàn thể - đảng, liên minh, phong trào, mặt trận... - mà còn do một số cá nhân, phổ biến, và số cá nhân làm việc này xem lại nhiều hơn các đoàn thể. Phần khác, những đoàn thể phổ biến các bản tin không phải là những đoàn thể có từ lâu và mang tên quen thuộc, mà là những đoàn thể mới lập, tên nghe rất lạ tai. Còn cá nhân thì rất nhiều tên hoàn toàn mới. Tình trạng này đưa đến nhận xét : người Việt ai cũng "tranh đấu" cả, nhưng chỉ muốn tranh đấu một mình, không cần tập hợp chung sức với ai cả, với niềm tin rằng cá nhân mình đủ sức loại bỏ được một chế độ có bảy triệu đoàn viên tổ chức chặt chẽ như chế độ cộng sản, và mang lại tự do hạnh phúc, dân chủ tiến bộ cho hơn 80 triệu dân Việt Nam...

Nếu phân xét một cách hời hợt, ta sẽ cho rằng những đoàn thể và cá nhân trên đây hám danh, trình độ hiểu biết thấp kém, không hiểu gì tình thế. Nhưng, thực ra, họ, cũng như rất nhiều người khác, là nạn nhân của một tình trạng do lịch sử để lại ; họ mang một số khuyết tật căn bản, nhưng không ý thức được tình trạng này, họ không công nhận rằng mình có khuyết tật căn bản như vậy.

Những khuyết tật căn bản nêu trên là khuyết tật không phải của riêng gì một cá nhân mà của đại đa số, nếu không nói là của hầu hết người Việt hiện nay. Nó là một đặc tính tâm lý, một đặc trưng của văn hóa Việt Nam, nằm sâu trong tiềm thức của quần chúng và chi phối hành vi của họ từ hơn một thế kỷ nay. Đây là một vấn đề then chốt của Việt Nam, cần được giải quyết tốt đẹp mới giải quyết được các vấn đề khác, đặc biệt là vấn đề hiện đại hóa, nghĩa là dân chủ hóa và phát triển kinh tế.

Muốn giải quyết tốt đẹp vấn đề, trước hết phải hiểu rõ nó. Điều này đòi hỏi một cuộc suy tư triệt để, thẳng thắn, bình tĩnh và vô tư về tâm lý của người Việt, và một cuộc tư

vấn cũng triệt để, thẳng thắn, bình tĩnh, và vô tư về chính bản thân mình, để thấy rõ người Việt và chính bản thân mình có những tính tốt và những khuyết tật gì, tình trạng này có những ảnh hưởng gì, tại sao có những khuyết tật đó, và làm sao cải thiện tình trạng. Nhưng đây là một việc mà, đến nay, rất ít người làm, một phần vì nó đòi hỏi phải có khả năng phân tích lớn, một phần vì nó chạm tự ái dân tộc và cá nhân : làm như vậy có vẻ phan phui những gì xấu về dân tộc Việt Nam và về chính bản thân mình. Chỉ trong gần đây nó mới được đưa ra cứu xét và thảo luận một cách thẳng thắn, bình tĩnh, tường tận, và vô tư như vậy.

Hai khuyết tật lớn

Một trong những người đóng góp nhiều trong sự soi sáng vấn đề trên đây là anh Nguyễn Gia Kiểng. Anh là một người tiên phong trong sự cứu xét và thảo luận thẳng thắn, bình tĩnh, sâu rộng, tường tận và vô tư này. Trong tác phẩm *Tổ Quốc Ấn Nãi* (TQAN), và trong nhiều bài báo đăng trong *Thông Luận*, anh đã nhận diện hai khuyết tật lớn đã gây ra rất nhiều trở ngại lớn cho sự thành lập một mặt trận dân chủ lớn mạnh có khả năng đóng vai trò một lực lượng đối trọng hữu hiệu trong cuộc tranh đấu với chế độ cộng sản nhằm đem lại tự do dân chủ cho Việt Nam. Hai khuyết tật đó là : *thiếu lòng yêu nước và thiếu óc tổ chức*.

Hai khuyết tật trên đây đã được anh Nguyễn Gia Kiểng mổ xẻ rất chi tiết và anh đã đưa ra những nhận xét đã gây tranh luận sôi nổi, nhưng, vô tư mà nói, nó phản ánh đúng thực tại.

Về khuyết tật thiếu yêu nước, quan điểm của anh Kiểng có thể tóm tắt như sau : *"Người Việt Nam hoặc không yêu nước, hoặc chỉ yêu nước một cách tương đối... Quần chúng Việt Nam chỉ quan tâm đến quyền lợi và sự yên ổn của mình hơn là cho tương lai đất nước... Lòng yêu nước của người Việt Nam không phải là không có nhưng rất mờ nhạt".* Phần khác, *"nếu thực sự yêu nước thì người Việt trước hết phải yêu nhau đã, chứ không thể phủ nhận, mặt sát, lên án, tiêu diệt nhau... [và] chống lại tinh thần hòa giải dân tộc"* (TQAN, tr. 68-69).

Một triệu chứng lớn khác của sự thiếu yêu nước là tâm lý phá hoại và đập phá vô trách nhiệm tiềm năng của đất nước, không *"quý từng con đường nhỏ, từng cây cầu, từng dãy phố, từng căn nhà... tránh những phí phạm và những cuộc chiến tranh làm chết hàng triệu người và tàn phá đất nước"* (TQAN, tr. 5).

Nhận xét trên đây áp dụng cho quá khứ, cũng như cho hiện tại. Trong thời gian gần đây, nhiều cán bộ cộng sản vô mộng đã thẳng thắn công nhận rằng họ đã bị lừa và các cuộc chiến tranh trong những năm 1945-1975 là những sự phí phạm sinh mạng và tài nguyên của đất nước. Và những người thăm viếng Việt Nam đều đồng ý trên một điểm : quần chúng



rất thờ ơ với những vấn đề đất nước, ai cũng chỉ lo cho thân mình ; tranh đấu cho dân chủ được coi như là một chuyện vô vấn. Đến mức có những người không muốn nghe nói đến "yêu nước" nữa vì hai tiếng này đã thành "*bản thủ*" (TQAN, tr. 570). Thái độ này tất nhiên là một trở ngại lớn cho việc vận động quần chúng trong việc thành lập một mặt trận dân chủ lớn, mạnh. Tại sao có tình trạng này là một điểm này sẽ được bàn chi tiết ở đoạn sau.

Khuyết tật thứ hai liên quan mật thiết với văn hóa. Nó là một khuyết tật lớn của xã hội Việt Nam dính liền với chuyển biến lịch sử, đặc biệt là từ cuối triều Tự Đức đến nay. Anh Kiểng đã nghiên cứu tường tận vấn đề này. Những sưu khảo và suy nghiệm của anh đã được thu tóm rõ ràng và gọn ghẽ trong *Tổ Quốc Ấn Nãi* và *Thông Luận*. Vấn đề này cũng được một nhóm tư tưởng gia của Đệ Nhứt Cộng Hòa Việt Nam đặc biệt nghiên cứu trong tác phẩm *Chính Đế Việt Nam*. Nhóm này (từ đây sẽ được gọi là "Nhóm CH-I") cũng đã phân tích vấn đề rất tường tận, và đưa ra những nhận xét rất sâu sắc góp một phần quan trọng vào việc soi sáng vấn đề, nhất là về nguyên do tại sao Việt Nam lại lâm vào tình trạng đó. Một phần lớn của những điều trình bày trong bài này lấy từ những tác phẩm trên đây.

Nhóm CH-I, cũng như anh Kiểng, đã chú tâm vào vấn đề tổ chức vì họ hoạt động chính trị. Hoạt động chính trị là tranh đấu để thực hiện những mục tiêu chính trị-xã hội mà mình muốn. Nó đòi hỏi phải có một ban lãnh đạo gồm một số người đồng thuận về mục tiêu đường lối (lý thuyết), phương thức hoạt động, hợp tác chặt chẽ, và có kỷ luật, để vận động quần chúng, nghĩa là phải có một tổ chức rộng, lớn, và vững. Nhưng đến nay chưa có một tổ chức nào đủ điều kiện trên đây để đương đầu với đảng cộng sản.

Thiếu một văn hóa tổ chức

Nguyên do của tình trạng nói trên là Việt Nam thiếu một văn hóa tổ chức. Chúng ta có một quan niệm rất sơ sài về tổ chức. Chúng ta vẫn thường coi tổ chức là những buổi hội thảo, những cuộc biểu tình, những đêm văn nghệ. Chúng ta coi tổ chức là một bộ môn không cần phải học, ai nói cũng được, ai làm cũng được. Thực ra thì nó là một môn thuộc tâm lý xã hội học, nhưng [vì những lý do sẽ bàn ở đoạn dưới] nó không được phát triển ở nước ta. Do đó, văn hóa căn bản của chúng ta vẫn là "một văn hóa lẻ loi", chúng ta không cảm thấy nhu cầu phải sinh hoạt trong một tổ chức, chúng ta nhìn các tổ chức một cách khinh khi. Chúng ta không ý thức được khó khăn của việc thành lập, duy trì và phát triển của một tổ chức, nhất là một tổ chức chính trị.

Liên hệ giữa tổ chức và văn hóa là một điều rất ít được nói đến trong các giới chính trị, và ngay cả trong các giới trí thức Việt Nam. Cho nên ít người hiểu rằng văn hóa tổ chức là những kiến thức về bản chất cuộc sống của một tổ chức. Nó cũng là cách suy nghĩ và ứng xử trong khuôn khổ của một tổ chức, khiến con người không quên vai trò thành viên có nhiệm vụ bảo vệ và phát triển tổ chức của mình. Một tổ chức là một thực thể riêng, có trí khôn, những mục tiêu và những yêu cầu riêng, khác với những thành viên của nó. Những vấn đề của một tổ chức khác với những vấn đề cá nhân và gia

đình về tầm vóc, và bản chất.

Muốn kết hợp thành tổ chức phải biết vượt trên cá nhân mình, chấp nhận hy sinh và hệ lụy của tổ chức để xây dựng một lực lượng có khả năng thực hiện những việc lớn. Đây là những đức tính mà chỉ có những người rất thức thời, sáng suốt, có tầm vóc, được đào luyện trong một văn hóa tổ chức mới có được. Thiếu văn hóa tổ chức thì không thấy có nhu cầu tham gia tổ chức, và nếu có tham gia cũng thiếu phần xạ tổ chức - phản ứng tức khắc và tự nhiên trong sự chấp nhận những hệ lụy cần thiết cho sự hữu hiệu của tổ chức - đặc biệt là biết kiềm chế tự ái để tôn trọng kỷ luật đoàn thể, chấp nhận và thi hành đúng đắn những quyết định của đa số, và tránh những cử chỉ, hành động, thái độ gây bất hòa, chia rẽ, trong tổ chức. Thiếu văn hóa tổ chức thì không hiểu sự phức tạp của tổ chức, và nhất là không ý thức được nguyên do căn bản tại sao người Việt Nam yếu kém về tổ chức, tại sao (nói theo Nhóm CH-I) tổ chức không được đặt lên hàng đầu của các "giá trị tiêu chuẩn" của xã hội Việt Nam, và người Việt Nam không ý thức rằng mình bị tâm lý vô tổ chức chi phối nặng đến mức nào.

Rõ ràng rằng vì thiếu năng khiếu về tổ chức nên, đến nay, Việt Nam vẫn chưa có được một mặt trận dân chủ có tầm vóc để đương đầu hữu hiệu với cộng sản. Cũng rõ ràng rằng thiếu tổ chức là một vấn đề văn hóa. Nhưng có một vấn đề nữa liên hệ mật thiết với tổ chức, đó là vấn đề phát triển. Điều này được nghiên cứu rất tường tận trong *Chính Đế Việt Nam*. "Chính Đế" là vấn đề chính, và vấn đề chính của Việt Nam là vấn đề *phát triển* - hiện đại hóa - và loại bỏ cộng sản chỉ là bước đầu của tiến trình này. Cũng như trong sự thành lập một mặt trận có tầm vóc, nó đòi hỏi phải có một sự vận động quần chúng, nghĩa là *tổ chức*. Và văn hóa thiếu tổ chức là một trở ngại lớn trong việc giải quyết vấn đề.

Một di sản của lịch sử

Tại sao người Việt thiếu kinh nghiệm, khả năng, quan niệm và quan tâm về tổ chức ? Đây là một vấn đề lịch sử liên quan đến di sản văn hóa của người Việt, đặc biệt là trong thời gian 200 năm qua. Cho nên phải cứu xét kỹ và vô tư những biến chuyển của văn hóa Việt Nam trong thời gian này.

Văn hóa của một nước biểu thị những "giá trị tiêu chuẩn" của giới thống trị của nước đó. Việt Nam đã qua ba giai đoạn lịch sử : vương quyền độc lập, bảo hộ Pháp và cộng sản. Người dân Việt Nam đã sống dưới ba văn hóa : Khổng giáo, thực dân Pháp và độc tài kiểu mác-lê. Những chuyển biến liên quan đến sự kiện này rất lớn và rất nhiều. Nó đã được anh Kiểng và Nhóm CH-I cứu xét rất tường tận trong những tác phẩm đã nêu trên. Bài này chỉ đề cập đến những chuyển biến liên quan nhiều hơn cả đến khía cạnh tổ chức, và, đặc biệt, những ảnh hưởng của nó đến sự thiếu năng khiếu về tổ chức của người Việt Nam.

Trước hết là Khổng giáo. Theo anh Kiểng, "*Khổng giáo là một văn hóa vô tổ quốc*". Do đó, nho sĩ là kẻ không có tổ quốc, họ phủ nhận quốc gia và khước từ mọi nhiệm vụ đối với cộng đồng, họ chỉ mưu lợi cho mình và sống trung thành với nghề sĩ, nghĩa là nghề đi học với làm quan. "*Những nhà nho không có tổ quốc, vì họ chỉ biết tới các tổ nghề, nghĩa*

là các thánh hiền của họ, và người tuyển dụng họ, nghĩa là nhà vua" (TQAN, tr. 346-347).

Nhận xét của anh Kiểng quá gắt gao, nhưng, về nội dung, phải công nhận rằng nó đúng, nhưng chỉ thật đúng về Khổng giáo từ cuối triều Tự Đức. Trước đó, quốc gia Việt Nam, dưới các chế độ quân chủ, vẫn là những quốc gia có tổ chức, có văn hiến, đủ sức mạnh để chống lại xâm lăng từ phương Bắc, như dưới các triều Lý, Trần, Lê, và bành trướng về phương Nam, như dưới các chúa Nguyễn. Đó là vì mục tiêu chính của Khổng giáo là tạo dựng quốc gia ổn định, có trật tự, quy củ. Phương tiện dùng để đạt mục tiêu này là đạo lý. Nếu mọi người trong một nước chấp nhận và tôn trọng đạo lý này thì tạo được một quốc gia-xã hội có tổ chức.

Trong đạo lý Khổng giáo, khái niệm "vua" chiếm một địa vị then chốt. Nói theo Nhóm CH-I, nó là bảo đảm cho sự vững chắc, "tín hiệu tập hợp" của toàn bộ cơ cấu quốc gia, xã hội, vua là thiên tử, đại diện của Trời, quyền hạn vô biên, địa vị bất khả xâm. Với điều kiện là ông phải làm đúng vai trò của mình : ông ta phải là một người đức độ, sáng suốt, công bằng, bảo vệ được an toàn cho đất nước, phúc lợi cho dân ; ông là một đấng công, minh. Một ông vua như vậy được dân chúng tin cậy, chấp nhận. Giữa vua và triều đình - những kẻ vua dùng - và dân có một "tình trạng thăng bằng" (nói theo Nhóm CH-I). Cho nên, vấn đề yêu nước được giải quyết ổn thỏa bằng cách đồng hóa "Ái Quốc" với "Trung Quân", như Nhóm CH-I nhận xét ; cơ cấu căn bản của xã hội là làng mạc tự trị ; bộ máy hành chính của triều đình - chế độ quan trường - bao trùm lên trên các tổ chức quần chúng. Quốc gia Việt Nam theo Khổng giáo là một quốc gia có tổ chức, đã có nhiều thời kỳ thịnh vượng để lại nhiều thành tích. "Xưa kia, khuôn khổ Khổng-Mạnh của chúng ta, tuy đã thất bại trong nhiều lãnh vực, nhưng ít ra đã đào tạo được lớp người thấm nhuần đạo quân tử, có tâm lý của người trưởng thành và tinh thần trách nhiệm của người lãnh đạo. Tất cả các truyền thống tốt đẹp đã sụp đổ cùng một lúc với uy quyền chính trị của Việt Nam" (CĐVN, tr. 84).

Tổ chức quốc gia Việt Nam theo mô hình Khổng giáo, nặng về khía cạnh đạo lý, chỉ có đủ mạnh để đương đầu với mọi tình thế trước khi va chạm với văn minh phương Tây, nhưng, sụp đổ vào giữa thế kỷ 19 dưới sự tấn công của Pháp.

Sự sụp đổ này khởi đầu dưới triều vua Tự Đức và hoàn tất vào cuối thế kỷ 19. Tóm tắt, vua Tự Đức và triều đình của ông không làm trọn nhiệm vụ của họ - canh tân để giữ nước - nên đương nhiên mất sự sùng bái của dân chúng. Vua không còn là tượng trưng của chủ quyền quốc gia nữa. Vua, then chốt của quốc gia, không còn nữa. Điều này quá rõ ràng sau khi Trung Quốc ký hiệp ước Thiên Tân (1885) nhượng quyền phong vương Việt Nam cho Pháp. Từ đó vua Việt Nam do Pháp chọn. Trong mắt người Việt Nam, ông ta không phải là vua của Việt Nam. Việt Nam không có vua nữa. Trung quân không còn là "giá trị tiêu chuẩn" và "tín hiệu tập hợp" của người dân yêu nước muốn hướng về "Tổ Quốc" nữa. "Ái Quốc" thành một câu hỏi : "Quốc là gì ?", "Tổ Quốc ở đâu ?" thay vì là một tín hiệu. Xã hội Việt Nam sụp đổ vì, trong thực tại, "Trung Quân" thành một danh từ vô nghĩa. Cho nên "Ái Quốc" và "Tổ Quốc" cũng thành những danh từ vô nghĩa.

Sự mất vua kéo theo sự sụp đổ hoàn toàn của tổ chức xã hội truyền thống Việt Nam. Về phương diện tổ chức chính trị hành chính, nó tạo ra một khoảng trống. Chính quyền bảo hộ Pháp lấp khoảng trống này với một tổ chức của họ.

Nhóm CH-I đã phân tích rất tường tận tác động của chế độ bảo hộ Pháp trên xã hội Việt Nam về phương diện tổ chức. Xã hội đó được phác họa như sau :

"Ngoài một hệ thống hành chính, thời kỳ thống trị của Đế quốc Pháp để lại cho ta một xã hội hoàn toàn vô tổ chức. Chính cái tổ chức, có vẻ chặt chẽ, của các làng mạc của chúng ta ở miền Bắc cũng bị lung lay đến tận gốc rễ. Ngoài tổ chức gia đình ra, người dân Việt Nam, lúc bấy giờ, không còn biết một tổ chức xã hội hay chức nghiệp nào nữa. Song song với một xã hội vô tổ chức và rời rạc, một hệ thống hành chính chuyên phục vụ quyền lợi của kẻ thống trị" (CĐVN, tr. 345).

Riêng về chế độ quan trường - tổ chức chính trị hành chính - dưới thời Pháp thuộc thì :

"Khi còn là một bộ phận của chế độ quân chủ chuyên chế, các tệ đoan của quan trường không phát triển được nhờ quyền hành rất rộng và hình phạt cấp thời của nhà vua. Khi người Pháp đến, chế độ quan trường được giữ lại, vì một sự tính toán khôn khéo, nhưng không còn sự chế ngự tự nhiên như xưa nữa. Các nhược điểm của quan trường đương nhiên nảy nở và sự tham nhũng và hà hiếp dân chúng đã lên đến mức độ tột cùng. Người Pháp không có lý do gì mà tẩy trừ tình trạng đó, vì chủ trương của họ là để cho những người họ dùng không được lòng dân-chúng. Và làm lợi cho dân chúng không phải là mối lo âu của thực dân.

Vì vậy cho nên, tính cách quan liêu, phục tùng hèn hạ kẻ trên, và hà hiếp khinh miệt kẻ dưới là nhược điểm không thể cải bỏ được của lớp người tai mắt trong thời kỳ thực dân" (CĐVN, tr. 86) ["lớp người tai mắt" được giáo sư Nguyễn Ngọc Huy gọi là "lớp người ưu tú"...].

Về tổ chức quần chúng, Nhóm CH-I viết :

"Sở dĩ chúng ta mất ý thức quần chúng và không quan niệm được tính cách cần thiết của sự tổ chức quần chúng trong đời sống của quốc gia, vì trong gần một trăm năm, chúng ta đã sống trong chế độ thống trị của Đế quốc, trong đó tổ chức quần chúng bị tuyệt đối cấm đoán... nhà cầm quyền Pháp cai trị xứ này cần gì đến tổ chức quần chúng. Ngược lại họ cần phải cấm đoán mọi hình thức tổ chức quần chúng để giữ cho nhân dân sống rời rạc và không đoàn tụ được... Nhiệm vụ của bộ máy hành chính của Pháp... chỉ là bảo vệ công cuộc trị an, để cho quyền lợi kinh tế của Pháp được bảo đảm. Vì vậy cho nên, các tổ chức quần chúng đối với người Pháp dưới chế độ Pháp thuộc không thể sinh sống được", CĐVN, tr. 319).

Chế độ bảo hộ Pháp kết thúc năm 1945, nhưng ảnh hưởng tai hại của nó vẫn tiếp tục lâu dài sau đó : tâm lý cầu an, thờ ơ với những vấn đề hệ trọng của đất nước, tránh tập hợp, tránh giao lưu với những người "có vấn đề" với chính quyền, chỉ lo cho bản thân và gia đình, vẫn chi phối không những số đông, và ngay cả "lớp người tai mắt". Tình trạng này không những được duy trì, mà còn trầm trọng hơn dưới chế độ cộng sản.

Anh Kiểng đã nhận xét rằng chủ nghĩa cộng sản "chỉ là một cải tiến của Khổng giáo". Nó đã được hưởng ứng và thành công vì nó "rất phù hợp với văn hóa Khổng Mạnh mà chúng ta đã thấm nhuần và trân trọng trong suốt lịch sử" (TQAN, tr. 236-237). Nói như vậy đúng, nhưng nó chỉ thật đúng từ hai khía cạnh : tính cách chuyên chính của các chế độ Khổng giáo, và tinh thần phục tùng quyền lực của giới nho sĩ quan trường Khổng giáo, đặc biệt là dưới Pháp thuộc. Xét về phương diện tổ chức thì chế độ cộng sản Việt Nam lại là kết tinh của những gì xấu nhất của Khổng giáo lẫn chế độ Bảo hộ Pháp.

Nếu ta xét thời gian 1945-1975 về phương diện tổ chức, điều nổi bật là : ưu tiên của tất cả các phe, cộng sản, chống cộng sản, tất nhiên là nhu cầu quân sự, trong đó kỷ luật chiếm hàng đầu. Phe nào huy động được dân chúng sẵn sàng chấp nhận kỷ luật hơn thì phe đó được thế mạnh hơn. Điều này tùy thuộc "tín hiệu tập hợp". Nhờ lỗi lầm lớn của cựu hoàng Bảo Đại, chính phủ De Gaulle, và chính phủ Truman, phe cộng sản dành được danh nghĩa tranh đấu cho độc lập, "giá trị tiêu chuẩn" cao nhất, có công dụng "tín hiệu tập hợp" rất hiệu nghiệm đối với nhân dân Việt Nam thời đó. Họ đã triệt để khai thác yếu tố này, và đó là lý do chính đưa họ đến chiến thắng năm 1975. Gần đây, có nhiều người đã hết mình theo cộng sản trong thời gian chiến tranh lên tiếng giải thích rằng ý chí độc lập làm cho họ mù quáng và bị lãnh đạo cộng sản lừa gạt, cho dự "một cuộc lên đồng tập thể" (theo Dương Thu Hương) để thực hiện mưu đồ của họ, hoặc Việt Nam "không hề được giải phóng và thống nhất", đó chỉ là "một cuộc ăn cắp khổng lồ" (theo Bùi Tín).

Từ 1975 đến nay, mục tiêu thực của đảng cộng sản Việt Nam rất rõ ràng : đó là bám chặt quyền lực để thụ hưởng. Bằng cách áp đặt lên nhân dân Việt Nam một chế độ chuyên chính, bạo tàn, hiểm độc, vô đạo, hơn cả các chế độ Khổng giáo và bảo hộ Pháp nhiều. Nói cho đúng, chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay là một chế độ "thực dân bản xứ" (nói theo Bửu Sao), nhưng lại độc hiểm, tàn ác, bất nhân, triệt để, và hữu hiệu hơn thực dân hơn Pháp nhiều trong việc đàn áp dân chúng. Họ hữu hiệu hơn nhờ áp dụng những kỹ thuật tinh vi của cộng sản Liên Xô. Cơ quan an ninh của họ là một hệ thống khủng bố mà người Việt Nam nào cũng sợ. Trong một tác phẩm được phổ biến rộng rãi, *Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội*, ông Nguyễn Văn Trấn, một cán bộ cộng sản kỳ cựu, tiết lộ rằng ngay cả chủ tịch nước Tôn Đức Thắng cũng sợ "chúng nó".

Có một điều rất đặc biệt mà, theo tôi biết, chưa ai đề cập đến khi nói về cộng sản Việt Nam. Đó là không những họ thẳng tay tiêu diệt những đảng phái, đoàn thể đối lập, phân hóa và cô lập hóa tất cả các tổ chức không chấp nhận quan điểm cộng sản, mà còn cô lập hóa ngay cả đến từng cá nhân. Nhóm CH-I đã nhận diện đặc thù đó như sau :

"...không bàn nói đến sự tổ chức quần chúng chặt chẽ như một tổ chức quân đội theo lối cộng sản. Mục đích của cộng sản vượt xa sự đưa quần chúng vào khuôn khổ một lối sống tập thể, bởi vì cộng sản nhắm, trước tiên, mục tiêu chặt đứt hết dây liên hệ của người dân, trên các lãnh vực gia đình, xã hội và tôn giáo, thay thế vào đó bằng những

dây liên hệ duy nhất của đảng, để biến người dân thành một bộ phận hoàn toàn dễ điều khiển của một bộ máy chung mà họ là những người xử dụng" (GDVN, tr. 315).

Phần II : Làm thế nào ?

Khoanh tay chờ đợi ?

Qua trình bày ở trên, ta thấy rõ rằng, trong tình trạng hiện nay, tổ chức một mặt trận dân chủ là một chuyện vô cùng khó khăn. Không những người tổ chức phải tụ tập được một số người hiểu rõ gánh nặng di sản văn hóa mà các chế độ Khổng giáo và thực dân Pháp để lại, mà còn phải sẵn sàng điều chỉnh tư tưởng và hành vi của mình, cùng vượt qua những chướng ngại mà chế độ cộng sản dàn ra để chặn đường họ. Những người đã nghiên cứu kỹ vấn đề đều công nhận sự khó khăn này.

Anh Kiểng công nhận như sau :

"Tất cả người Việt chúng ta, dù ở trong hay ngoài nước, dù ở lứa tuổi nào vẫn bị nhiễm độc nặng nề vì nền văn hóa Khổng Mạnh được du nhập vào nước ta với cái nội dung còn tồi tệ hơn nguyên bản của nó ở Trung Quốc... Cái di sản hai ngàn năm đó vẫn khống chế chúng ta. Chúng ta phải ý thức điều đó thì mới có hy vọng rũ bỏ được nó và tiến xa" (TQAN, tr. 371).

Nhóm CH-I nhận định như sau :

"Với thời gian, các dây liên hệ về tôn giáo, văn hóa và xã hội đã ăn sâu vào tiềm thức của các dân tộc cùng một xã hội. Vì thế cho nên không có lầm lẫn nào to tát cho bằng sự tin tưởng rằng trong một vài thế hệ hay một vài thế kỷ có thể thay đổi được tất cả tư tưởng của một dân tộc" [người viết bài này nhấn mạnh] (GDVN, tr.74).

Một câu hỏi rất chính đáng được đặt ra ở đây : "Nếu như vậy, chúng ta đành khoanh tay, đợi cả thế kỷ nữa mới thấy bóng dân chủ ở Việt Nam hay sao?". Xin trả lời rằng : "Không đến nỗi như vậy". Trước hết, vấn đề ở đây không phải là thay đổi "tất cả tư tưởng của một dân tộc", mà chỉ là khai thông một chướng ngại về khiếm khuyết văn hóa do lịch sử để lại. Thứ đến, nếu lịch sử tạo ra những thế kẹt, lịch sử cũng dành cho ta những lối ra. Gần đây, những biến chuyển Liên Xô và Đông Âu cho ta thấy rằng các chế độ cộng sản có vẻ vững chắc vẫn có thể sụp đổ dễ dàng, nhanh chóng, và nhường chỗ cho chế độ dân chủ.

Chế độ cộng sản Liên Xô sụp đổ từ trong - implosion - do kết quả của một sức ép tập hợp lại của hai áp lực : áp lực từ trong và áp lực từ ngoài. Áp lực từ trong là áp lực của các đoàn thể và cá nhân Xô Viết, đặc biệt là từ ngay trong hàng ngũ đảng cộng sản Liên Xô, của những phần tử ý thức được sự cần thiết của thay đổi. Áp lực từ ngoài là áp lực của các cường quốc dân chủ cùng áp lực của dư luận dân chủ của các nước đó. Cần nói rằng áp lực này là áp lực được duy trì liên tục và qua thời gian dài. Riêng về các nước cộng sản Đông Âu, có thêm một điều kiện : sự yểm trợ của cường quốc bao bọc các nước đó không còn nữa.

Ở đây tôi xin bổ túc với hai chuyện cá nhân.

1. Tháng 8 năm 1988. Trên đường từ Singapore về Montréal, tôi ghé London thăm một người bạn Anh thân làm

ở tuần báo *The Economist*. Ông ta vừa đi một vòng quan sát Đông Âu về, đã viếng thăm tất cả các nước cộng sản trong vòng một tháng. Ông ta nói với tôi : "Chỉ có Poland chắc chắn sẽ thay đổi. Hungari có thể lung lay, nhưng ở Bulgari, Tiệp Khắc và nhất là Đông Đức cộng sản còn vững lắm". Tôi nói với ông ta : "Chúng mình già rồi. Nhưng ráng sống 20 năm nữa để chờ xem cộng sản sụp đổ. Tôi cá với anh rằng việc này sẽ xảy ra trong thời gian đó...". Nhưng ngay năm sau, 1989, bức tường Berlin bị đập phá, rồi tất cả các nước chư hầu Nga sụp đổ, và đến năm 1990 ngay cả Liên Xô và Đảng Cộng Sản Liên Xô cũng bị giải thể... Có một chi tiết khác cũng đáng ghi là : lúc ở nhà ông bạn ở London, tôi có gặp một cặp vợ chồng trẻ người Tiệp Khắc vừa vượt biên được tạm trú ở nhà ông ta. Họ bỏ trốn Tiệp Khắc vì nghĩ rằng ở lại trong xứ để tranh đấu cho tự do dân chủ chẳng có ý nghĩa gì cả vì chính quyền cộng sản còn rất vững và không có dấu hiệu gì cho thấy rằng họ sắp sụp đổ cả !

2. Đầu năm 1948, trong khi chờ đợi vào Đại Học London, tôi theo học một lớp bổ túc Anh ngữ ở City of London College. Ở đó tôi quen với một người Tiệp Khắc, cháu của ông Masaryk, tổng trưởng ngoại giao (không cộng sản) trong chính phủ "liên hiệp" Quốc-Cộng Tiệp. Tháng 2-1948, cộng sản đảo chánh, ông Masaryk nhẩy cửa sổ tự vận. Người bạn Tiệp của tôi phải bỏ học về xứ vì bị cắt chuyển ngân, và gia đình đang còn ở Tiệp Khắc. Người đó chịu "an phận", chấp nhận không hoạt động chống chính quyền, dạy tiếng Anh cho mấy ông cán bộ cộng sản cao cấp, và được để yên. Năm 1989, sau khi cộng sản Tiệp sụp đổ, người đó viết cho tôi một bức thư ngắn, trong đó có câu : "Tôi không ngờ mà được có ngày hôm nay. Tiệp Khắc được giải phóng sau 40 năm chịu đựng chế độ cộng sản !".

Chế độ cộng sản được thay thế bởi một chính phủ do ông Vaclav Havel cầm đầu. Ông này là nhân vật lãnh đạo danh tiếng của tổ chức "Hiến Chương 77", phong trào tranh đấu đòi dân chủ Tiệp Khắc. Phong trào này đã có từ nhiều năm, và dù bị chính quyền cộng sản đàn áp vẫn tồn tại và gắn bó với nhau, đủ điều kiện để thay thế chế độ cộng sản sụp đổ.

Phải có một tổ chức sẵn sàng tiếp thu

Kinh nghiệm Tiệp Khắc cho ta thấy rằng, muốn duy trì và khai thác tình thế mới mở đường cho sự thiết lập một chế độ tự do dân chủ để tiếp thu ngay chế độ cộng sản đã sụp đổ, phải có sẵn một tổ chức tự do dân chủ có đủ điều kiện, sẵn sàng đảm nhiệm chính quyền và hướng dẫn dân chúng. Cùng với kinh nghiệm Liên Xô và các nước cộng sản Đông Âu khác, nó cho thấy rằng có ba điều kiện căn bản tổ chức trên đây phải thỏa mãn :

1. Có một ban lãnh đạo có uy tín và bản lĩnh - có lẫn tài cùng đức -, quyết tâm và nhứt trí,
2. Có chủ thuyết và chương trình hành động thích hợp,
3. Có khả năng huy động quần chúng.

Trong mấy chục năm qua, thành thực mà nói, các giới chống cộng Việt Nam, trong cũng như ngoài nước, chưa có một đảng, tổ chức, đoàn thể nào thỏa mãn đầy đủ ba điều kiện nói trên. Như đã trình bày rất rõ ràng, lý do chính là trong một thời gian dài, khả năng tổ chức không được phát

huy, nun đúc, không được xếp vào hàng những "giá trị tiêu chuẩn" ưu tiên trong văn hóa Việt Nam. Đó là một di sản của ba chế độ Khổng giáo, bảo hộ Pháp và cộng sản. Di sản này tuy không phải là lỗi của riêng ai cả, nhưng là một chương ngại ghê gớm cho sự tập hợp người Việt trong sự loại bỏ chế độ cộng sản để xây dựng một xã hội tự do dân chủ tiến bộ. Ghê gớm đến nỗi có người cho rằng viễn ảnh thiết lập dân chủ "rất đen tối", và, như thế : "*Cuộc đấu tranh của chúng ta còn có ý nghĩa gì không ?*" (Nguyễn Ngọc Tấn, "Cơ hội nào cho Nguyễn Gia Kiểng ?", *Thông Luận*, tháng 11-2007).

Câu hỏi trên đây đã được trả lời ở đoạn trên, và những dữ kiện đã nêu ra cho phép kết luận rằng nếu cộng sản dùng "cỗ máy thời gian" để "bám trụ vĩnh viễn", như Nguyễn Ngọc Tấn nhận xét, thì "cỗ máy thời gian" cũng có thể đưa đến sự giải thể của chế độ đó, như lịch sử đã chứng minh. Và, vì vậy, những người tranh đấu cho tự do dân chủ phải lo tổ chức để có thể thích ứng kịp thời và hữu hiệu khi cơ hội đến với họ.

Cụ thể, phải thỏa mãn ba điều kiện nêu trên. Nhưng, trước tiên, phải có một cái nhìn, một lối suy tư và một thái độ hoàn toàn mới về vấn đề Việt Nam. Phải thành thực công nhận rằng người Việt Nam nào cũng bị một khuyết tật tâm lý chi phối nặng nề, có thể nói rằng làm cho họ vô dụng về phương diện xã hội : cá nhân tính quá mạnh mà tinh thần tập thể quá yếu. Cho nên mỗi người phải làm một cuộc suy xét và tự vấn triệt để, tìm hiểu vấn đề, và quyết tâm khống chế khuyết tật đó để có thể tham gia hữu hiệu vào những hoạt động tập thể. Đây là điều kiện tiên quyết : ai tự hào rằng mình đang tranh đấu để đem lại tự do dân chủ cho Việt Nam mà không chấp nhận điều này là không ý thức được rằng mình làm chuyện dở chơi.

Chỉ sau khi thấu hiểu vấn đề và quyết tâm điều chỉnh tư tưởng, thái độ và hành vi mới bắt tay vào việc tổ chức được, vì có sáng suốt, thiện chí, và thực tâm thì mới đáp ứng được những đòi hỏi căn bản của công việc này. Trước tiên là tuyển chọn một ban lãnh đạo có uy tín và bản lĩnh, có cả tài lẫn đức, quyết tâm và nhứt trí. Người đứng đầu ban lãnh đạo này tất nhiên phải là một người hết sức tài ba và đức độ vì, như thế mới điều khiển êm thấm được một ban lãnh đạo gồm những người có bản lĩnh, và giữ được kỷ luật và đoàn kết trong hàng ngũ của tổ chức.

Thứ đến là việc soạn thảo một chủ thuyết và một chương trình hành động. Với một ban lãnh đạo có bản lĩnh, mới nhìn qua thì vấn đề này có vẻ không khó. Nhưng, thực ra, thì ngược lại, vì phải làm sao cho chủ thuyết và chương trình hành động này thích hợp để đáp ứng được điều kiện thứ ba, là huy động quần chúng, điều kiện căn bản trong một cuộc tranh đấu dân chủ mà thắng bại không do ở bạo lực mà do ở sức mạnh phát từ ý nguyện của đa số nhân dân biểu hiện qua số phiếu.

Những người được giao nhiệm vụ dự thảo chủ thuyết và chương trình này phải khách quan nhận định lại tình thế và quốc nội - hoàn cảnh địa dư chính trị Việt Nam - để điều chỉnh lại các mục tiêu chiến lược và chiến thuật tranh đấu để thích nghi với thực tế để có hiệu quả. Ở đây, có hai điều phải chú ý :

1. Những "giá trị tiêu chuẩn" được lựa chọn phải là những

"tín hiệu tập hợp" quần chúng. Những "tín hiệu" (mục tiêu, khẩu hiệu) của các thời trước 1975 - "độc lập", "chống Pháp", "chống Mỹ", "diệt cộng" - nay không còn hiệu nghiệm nữa vì nó không còn hấp dẫn đối với quần chúng và hết thích hợp với tình thế. Phần khác, "tự do dân chủ", "tôn trọng nhân quyền, dân quyền" chưa phải là "tín hiệu tập hợp" vì tuy nó được nhận là những "giá trị tiêu chuẩn", nhưng chỉ trong một giới rất hạn chế, chưa được phổ cập để huy động quần chúng, lớp người quyết định.

2. Tiêu chuẩn và chương trình phải làm sáng tỏ rằng nó nhằm đưa đến sự xây dựng một xã hội mới trong đó những nguyện vọng, nhu cầu của những giới đã bị thiệt thòi nhất được điều chỉnh lại trong một "tình trạng thăng bằng" mới, giữa các thành phần thống trị và bị trị, giữa nhu cầu của tập thể và nhu cầu cá nhân, giữa đòi hỏi của tương lai và hiện tại.

Như nói ở đoạn trên, vì cuộc tranh đấu hiện nay là một cuộc tranh đấu dân chủ, tổ chức được lập lên phải có không những sự yểm trợ, mà sự tham gia của quần chúng, đặc biệt là quần chúng trong nước. Như vậy, lãnh đạo, và những lý thuyết, chương trình, khẩu hiệu của tổ chức phải được quần chúng biết đến, chấp nhận và sẵn sàng theo. Tổ chức phải có những người được giao phó nhiệm vụ tìm ra những phương thức để làm "tín hiệu tụ hội" để tập hợp quần chúng. Kế đến là phải có người đi vào quần chúng để huy động họ. Rõ ràng rằng chỉ có những người trong nước mới làm được việc này. Cho nên phải có một sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức ở ngoài nước và tổ chức ở trong nước.

Một điều kiện cuối cùng phải cần thỏa mãn để tránh cho dân chủ Việt Nam "một tương lai vô cùng mờ mịt" vì đảng cộng sản luôn luôn có sẵn một đội ngũ cán bộ hùng hậu chọn từ trong "những bộ mặt hăm tài của đất nước" để thay thế nhau sử dụng "cỗ máy thời gian" để đè bẹp những khao khát dân chủ của nhân dân Việt Nam (Nguyễn Ngọc Tấn). Do đó, những người tranh đấu cho dân chủ phải kiên trì, sẵn sàng chấp nhận một cuộc đấu tranh không những có thể kéo dài đến hết đời mình, mà còn tiếp tục qua thế hệ khác. Một điều đáng mừng là hiện nay có một số người thuộc loại này đang hoạt động như vậy.

Trường hợp của Liên Xô, một đại cường quốc có vẻ hùng cường, vững chắc ghê gớm trong 70 năm, đã sụp đổ trong có một năm, và của các nước cộng sản Đông Âu, với những bộ máy đàn áp tinh vi, sụp đổ chỉ sau có mấy tuần, là một niềm hy vọng cho những người tranh đấu cho tự do. Nó cho thấy rằng "cỗ máy thời gian" không cho các chế độ cộng sản thoát một quy luật về xã hội: sinh, trưởng, suy, tử. Phật giáo có khái niệm "vô thường". Khổng giáo có cảnh báo: cùng thì phải biến để thông, nếu không thì không cứu. Cộng sản do một tập đoàn lãnh đạo quá tham quyền và lợi, chỉ biết có bạo lực, không chịu thông, nên sẽ không cứu được. Và nếu nó thông, thì nó hết là "*những bộ mặt hăm tài của đất nước*" (theo Nguyễn Ngọc Tấn). Cho nên những người tranh đấu cho tự do dân chủ cần kiên trì tranh đấu cho đến ngày cộng sản hoặc biến hoặc sụp. Tương lai dân chủ Việt Nam không đến nỗi quá đen tối như có người dự đoán.

Tôn Thất Thiện (Ottawa, 06-2008).

Hãy lên tiếng bảo vệ những tù nhân lương tâm người Thượng

Đàm So

Từ sau ngày 30-4-1975 dân chúng miền Nam Việt Nam quần quai hốt hoảng lo sợ vì ruộng bở, bắt bớ người không cần lệnh tòa án hay bằng chứng phạm pháp của chính quyền cộng sản. Lực lượng công an, công cụ trấn áp và bảo vệ chính quyền cộng sản quy tụ quanh mình những tay anh chị giang hồ, những thành phần bất hảo trong xã hội hay những người lợi dụng thời thế, nịnh bợ làm chỉ điểm để làm công việc bắt nhân tàn ác này. Những thù oán cá nhân trong làng trong huyện được dịp leo thang và là nguyên nhân làm tan nát chia cách bao gia đình đang sống trong hạnh phúc, nhiều khi sự ty hiềm ganh ghét cũng đưa không ít người vào trại cải tạo, một nhà tù khắc nghiệt trá hình. Muốn đưa ai vào tù công an ấp hoặc công an xã chỉ cần gởi cho người đó một giấy mời lên cơ quan làm việc, lẩn đi ra khỏi nhà đó của nhiều người đôi khi là lẩn chia tay cuối cùng với gia đình vợ con. Phương châm của chính quyền thời bấy giờ là «thà bắt lầm còn hơn bỏ sót».

Người Thượng trên Tây Nguyên cũng là nạn nhân của những đợt truy quét bắt bớ này. Nhưng khác với cộng đồng người Kinh, trong cộng đồng người Thượng không có thành phần chỉ điểm, ngược lại đợt bố ráp truy bắt những trí thức người Thượng được tổ chức quy mô và có chiến lược. Những người có tên có mặt trong những đợt đấu tranh với chính quyền miền Nam dưới lá cờ Fulro và những công chức Thượng trong chế độ miền Nam đều được «mời lên làm việc». Cùng lúc, chính quyền tổ chức công tác dân vận nhằm bôi nhọ, chỉ trích, bài bác chủi bôi nhọ những người này kèm theo những hăm dọa bắt bớ nếu ai còn liên hệ với họ. Cuộc dân vận tuyên truyền bôi nhọ còn được tổ chức trong các làng xã người Kinh, để rồi sau đó khi nghe đến tổ chức Fulro, mọi người nghĩ ngay đến một toán quân phi, cướp bóc và giết người man rợ. Người Kinh ở các thành phố xa lại càng tin hơn và không ít người đã đem thành kiến này theo mình vượt biển khơi tìm một vùng đất mới.

Trong những lần lấy cung tra hỏi người Thượng, nhiều cán bộ cộng sản đã đánh thẳng tay nhiều hơn sự thẳng tay, đá thẳng chân nhiều hơn sự thẳng chân, vì đối tượng của họ không cùng nòi giống người Kinh, khác văn hoá và ngôn ngữ giúp họ dễ đánh mạnh hơn. Người Thượng bị tra đánh dã man gấp nhiều lần so với người Kinh, nhiều khi trò tra tấn không chỉ để lấy cung nhưng để thỏa mãn sự tàn ác với người không cùng cộng đồng với mình. Mỗi ngày đúng vào một giờ nào đó chúng kéo lê thân xác mất hồn của tội phạm lên đưa bồn bằng bạo lực. Khi trò chơi đã nhàm chúng viết một tờ tự khai nhận tội và ra lệnh cho khối thịt bầm tím rã rượi vì đòn tra còn thở thoi thóp nằm trên nền nhà ký hay lẩn tay xác nhận biên bản. Nhiều người Thượng đã tiểu tiện, đại tiện trong quần và hỗn vĩa đều bay mất khi nghe tiếng mở khoá buồng biệt giam vang lên đúng giờ lên lấy cung. Tiếng rú đau đớn của những nạn nhân vang dội xuống các buồng giam khác như

những vết dâm vô hình vào chính những tội nhân không có tội đang chờ tới phiên mình. Một sự sợ hãi hoang mang bao trùm giết dần mòn và làm tê liệt ngay cả những người dũng cảm nhất. Phương châm của công an cộng sản lúc bấy giờ là "không có, đánh cho có. Có, đánh cho thừa".

Sau thời gian lấy cung thường được làm tại địa phương, tù nhân người Thượng được áp tải gởi đến những trại cải tạo. Không cần viết ra đây vì không người Việt nào không nghe biết đến hình thức tù đầy khổ cực dưới hình thức trại cải tạo: Những trại nổi tiếng như K4 ở Long Khánh, Z30D ở Hàm Tấn, Suối Máu, Bàu Lâm... Trên Tây Nguyên cũng có trại cải tạo nổi tiếng khắc nghiệt là T20. Người "bị cải tạo" phải làm việc 10-12 giờ một ngày và chỉ được ăn hai bữa với hai bát cơm không. Nói là cơm vì là từ ngữ thông thường nói về một lần ăn trong ngày nhưng thực tế là khoai mì, bo bo, bắp v.v. Qua những thành quả của nó người ta có thể nói đó là một lò giết người tập thể, họ dùng sự thiếu dinh dưỡng, bệnh tật ốm đau và tai nạn thay cho những phát súng tử hình hay hơi ngạt để không bị kết tội giết tù nhân. Nhiều nơi cán bộ cộng sản lừa những tội nhân của họ vào những bãi mìn trước đó của quân đội Việt Nam Cộng Hòa cài để bảo vệ đồn bót của mình. Những người sống sót ra khỏi trại cải tạo đã không ít người bị ám ảnh suốt thời gian còn lại trên đời bởi những cơn điên loạn sợ hãi.

Những năm đầu sau ngày giải phóng và tập trung những người thuộc diện "nguy quân, nguy quyền" vào các trại cải tạo, gia đình họ chưa biết chồng con anh em mình ở trại nào để đi thăm nuôi. Khi đoàn tù nhân không có tội này đi làm rẫy thường được bà con đi ngang qua ném cho vài điều thuốc lá, vài trái chuối hay vài chiếc bánh. Họ có thứ gì cho thứ đó, vì cho những người này cũng như cho chính người thân của mình. Nhiều người không có thân nhân đi cải tạo nhưng cũng không bỏ lỡ những dịp này để bày tỏ sự ngưỡng mộ, thông cảm và biết ơn những tấm thân gầy guộc trong lớp áo vải bằng bao cát tự may kia đã từng cầm súng bảo vệ miền Nam trước cuộc xâm lấn của cộng sản miền Bắc. Viết dài dòng về những chuyện dã man trong những trại cải tạo để nói lên rằng trong cùng hoàn cảnh đó, số phận người Thượng còn tệ hại hơn người Kinh gấp vài chục lần.

Người Thượng vào trại cải tạo coi như đã chết vì họ không bao giờ được thăm nuôi hay được gặp thân nhân. Người Thượng ít khi đi xa, xa lắm là từ làng ra chợ của người Kinh để trao đổi mua sắm lương thực gạo muối. Làm sao gia đình có thể tìm đến những trại cải tạo xa xôi ngoài Bắc để thăm thân nhân của mình? Đường xa tốn nhiều tiền, tiếng nói bất đồng gây khó khăn trong giao tiếp, đường đi không biết nên hầu như không ai có ý nghĩ sẽ đi thăm nuôi chồng con của mình. Chính quyền cộng sản như thấy được hiệu quả của việc cắt đứt liên lạc này nên đã ra công lùng bắt những đối tượng nghi ngờ sách động, cầm đầu và đưa đi thật xa. Sau những đợt biểu tình ôn hòa những năm 2001 và 2004 của người Thượng đòi quyền tự do tín ngưỡng, đòi tôn trọng nhân quyền, đòi đất để canh tác chăn nuôi, đòi tôn trọng văn hoá truyền thống của mình, rất nhiều người đã bị công an bắt cóc trên đường đi, ban đêm ulla vào nhà bịt mắt dẫn đi, bố ráp khắp nơi ngoài đường trên rẫy, khủng bố mọi nơi và tất cả bị đưa đi thật xa

nơi họ sống sau những phiên tòa xử tội vàng với những bản án đã viết sẵn. Con số tù nhân người Thượng bị bắt nay đã vượt quá 300 người. Với người Thượng, đưa vào những trại cải tạo xa xôi coi như bị kết án lưu đày biệt xứ. Chính quyền đã đã tâm cắt đứt mọi liên lạc với gia đình của những người này : cha còn sống nhưng con đã để tang, chồng còn đấy nhưng vợ coi như ở góa. Những tù nhân lương tâm này đã chịu đau khổ trong sự chia cách gia đình vợ con và cuộc sống bình yên với ruộng đồng nương rẫy chỉ vì dám lên tiếng hoặc tham gia đề nghị nhà nước cộng sản tôn trọng nhân quyền và tự do tín ngưỡng của đồng bào họ.

Khác với những nhà đấu tranh dân chủ người Kinh, khi ai đó bị bắt, bị giam và đưa ra tòa, hầu như tất cả mọi phương tiện truyền thông đều được sử dụng để kêu gọi vận động thế giới quan tâm và can thiệp cho những chiến sĩ dân chủ này. Còn người Thượng thì cô đơn trong đấu tranh. Sau những lần rầm rộ kéo nhau đến các cơ quan chính quyền địa phương tại khắp nơi trên Tây Nguyên, trong những năm 2001 và 2004, kết quả là hàng chục người bị đánh vỡ đầu sút trán, hàng trăm người bị ruồng bắt đưa vào tù nhưng trên các phương tiện truyền thông của những tổ chức đấu tranh cho dân chủ trong nước cũng như ở hải ngoại chỉ thấy xuất hiện một số bài viết có tính thời sự, số lượng bài viết để bênh vực không đếm hết trên đầu ngón tay.

Những tổ chức nhân quyền trên thế giới, những đảng phái tranh đấu dân chủ trong và ngoài nước Việt Nam, hãy can thiệp và lên tiếng bênh vực những người tù lương tâm gốc Thượng này được đối xử như là con người.

Nhà nước cộng sản dùng tưởng rằng cứ tiếp tục đối xử tàn nhẫn với cộng đồng người Thượng như bao lâu nay, họ sẽ giết chết những người cầm đầu hay nghi ngờ cầm đầu và phong trào đấu tranh sẽ bị dập tan từ trong trứng nước. Chính quyền cộng sản đã lằm và lằm to. Họ không biết rằng chính sách đàn áp bắt bớ đã và đang dồn người Thượng vào một cuộc đấu tranh khác và một ngày nào đó tất cả cộng đồng người Thượng sẽ cùng đứng lên đòi công bằng và tự do. Sự khác biệt ngôn ngữ với người Kinh và cách sống đặc thù gắn gũi với núi rừng của người Thượng sẽ là cản trở lớn cho chính quyền cộng sản trong việc kiểm soát. Với người Thượng đó là điều kiện thuận lợi để nuôi dưỡng và tổ chức những cuộc đấu tranh. Thử hình dung một ngày nào đó tất cả người Thượng đều đồng thanh nói : chúng tôi không hiểu tiếng Kinh và bất hợp tác với chính quyền trong mọi việc. Hay bi đát hơn là một ngày nào đó người Thượng rủ nhau lui vào rừng sâu lập làng sinh sống riêng biệt không sống chung với người Kinh nữa...

Để tránh những đổ vỡ lớn trong tương lai, chính quyền cộng sản hãy mau trả tự do cho những người Thượng bị bắt giam từ những đợt biểu tình đòi tự do và nhân quyền. Càng được trả tự do nhanh, sự oán hận trong lòng người Thượng sẽ mau nguội ngoai để cả hai bên cùng đối thoại tìm một giải pháp thích ứng giải quyết những đòi hỏi của người Thượng. Trong thời gian chờ được trả tự do, nhà nước phải đưa số người này về gần quê quán để gia đình vợ con họ có thể gặp nhau. Sự trừ trừ gian xảo và ngoan cố hay tiếp tục đàn áp sẽ dẫn đến bế tắc. Đùng dồn người Thượng vào ngõ cụt.

Đăm So (North Carolina)

An ninh chính trị... những điều chưa nói hết

Nguyễn Thượng Long

Ngày 29 tháng 4 năm 2008. Vào buổi sáng, có một số gương mặt dân chủ, dân oan và gia đình các nạn nhân người Thanh Hóa bị Hải quân Trung Quốc bắn giết trên biển đã tìm đến chợ Đồng Xuân - Hà Nội tổ chức một cuộc biểu tình ôn hòa lên án nhà cầm quyền Trung Quốc chính trị hóa đuốc lửa Olympic và bầy tỏ chủ quyền của dân tộc mình đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Gần đây tôi thấy một số người lập luận việc những người biểu tình bị đàn áp là đúng! Họ đưa ra những lập luận mới nghe tưởng là rất thuận tai. Nào là... việc rước đuốc là hoạt động văn hóa quốc tế. Đuốc lửa Olympic là phi chính trị. Bảo vệ việc rước đuốc không đồng nghĩa là bảo vệ Trung Quốc! Trên thế giới đuốc đi tới đâu cũng được bảo vệ rất kỹ càng! Nào là... Việt Nam phải làm thế để nay mai cũng sẽ giành được quyền đăng cai những sinh hoạt quốc tế quan trọng. Bình tĩnh lại mà xem xét, tôi thấy có điều gì không ổn. Với một nhóm người đứng xa đuốc lửa tới hơn 2.000 km thì lập lý kể trên là rất khiên cưỡng. Những người đến chợ Đồng Xuân lúc đó họ không hề làm điều gì có thể thay đổi được những thời khắc Sài Gòn ngập trong rừng cờ đỏ Trung Quốc cỡ lớn. Một Sài Gòn tràn ngập người Hoa đến từ Hoa Lục mà trong tay họ là bản đồ Trung Quốc với cả hai nhóm đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

Buổi sáng ngày 29 tháng 4 năm 2008, chúng ta chỉ còn giữ được bầu trời. Nhiều đường phố Sài Gòn thân yêu đã bị Hán hóa đến tuyệt đối. Chính vì vậy không có gì phải ngạc nhiên khi người Việt Nam đã được vinh danh huy chương bạc đón rước đuốc Olympic Bắc Kinh 2008. Tất cả những gì đã diễn ra chỉ gọi lên sự nhói đau trong lòng người Việt Nam. Vậy chúng ta nghĩ gì đây về việc người Hán ở Đài Loan, người đồng bào cùng huyết thống với những người rước đuốc lại dứt khoát cấm cửa với ngọn đuốc này? Nghĩ gì đây việc sinh viên Việt Nam phan phác với biểu ngữ "Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam" giữa đường phố Băng Cốc? Tại sao chúng ta lại quá lo lắng cho tình hữu nghị, quá lo lắng cho ngọn đuốc trong tay người hàng xóm đầy tham vọng đến thế? Thử hỏi chỉ một nhóm nhỏ người Việt Nam ôn hòa lại là một mối đe dọa ghê gớm với đuốc lửa Olympic được hay sao? Vì lý do gì mà đến nỗi cơ quan an ninh phải ra tay quyết liệt như vậy? Cú xuống tay quá cỡ đó đã làm xuất hiện kiệt tác ảnh "siết cổ" hoàn hảo không kém gì kiệt tác ảnh "bịt miệng" cha Lý ngày nào.

Thử hỏi nay mai các nguyên thủ quốc gia ra nước ngoài, họ sẽ vấp phải những khó chịu đến thế nào trước những panô cỡ lớn in hình ảnh vòng tay an ninh đang siết chặt quanh cổ sinh viên Nguyễn Tiến Nam trước cửa chợ Đồng Xuân? Vào những ngày đó, với lý do vì những bài viết của tôi gần đây, cơ quan an ninh yêu cầu tôi ngày ngày phải làm việc với họ. Cuộc làm việc của một người chủ trương dùng ngòi bút để phê phán những sai lầm của chế độ với những người có chức năng bảo vệ đảng, bảo vệ chính quyền không dễ là một cuộc làm việc bình thường, không hứa hẹn một điều gì là suôn sẻ. Rất may tôi làm việc với những người không đến nỗi nào. Trước họ tôi luôn giữ được những nguyên tắc tư tưởng của tôi. Người làm việc với tôi cũng hết sức thoải mái bảo vệ những nguyên tắc làm việc

của họ. Thực ra những vấn đề mà tôi nêu ra trong hai bức thư Hà Tây 3 và Hà Tây 4 có gì là phạm hủy ghê gớm lắm đâu. Trong thư Hà Tây 3, tôi muốn tôn vinh thái độ sống thẳng thắn và tôi đưa ra những góc nhìn khác về một số sự kiện và con người của quá khứ. Thư Hà Tây 4, tôi muốn thượng tôn lòng nhân ái, để cao tình người với nhau. Đố ai chỉ ra được dòng nào, chữ nào tôi kêu gọi lật đổ chính quyền, lật đổ chế độ.

Đợt thẩm vấn này... Nói thẩm vấn có thể là hơi nặng nề. Đợt làm việc bất đắc dĩ này chỉ kết thúc sau khi các ngày lễ trọng 30-4 và 1-5 đã thành công tốt đẹp. Người ta lo ngại sự có mặt của tôi một ông già cả đời chỉ luẩn quẩn với sách vở và những bực giảng vừa giáo điều vừa buồn tẻ sẽ làm hỏng đi những gì thiêng liêng của những ngày đại lễ. Chính vì vậy, quỹ thời gian sống của đời tôi lại vô tình mất thêm 5 ngày tự do. Tôi nhớ lúc kết thúc buổi làm việc cuối cùng tôi buột miệng nói với hai viên sĩ quan an ninh tuổi đã tầm tầm:

"Đời tôi, đời các ông, thậm chí hết đời con chúng ta nữa... chắc chắn chúng ta không được chứng kiến những phần lãnh thổ thiêng liêng của Tổ Quốc đã mất vào tay người Trung Quốc sẽ trở về với đất mẹ Việt Nam. Có lẽ phải đến đời các cháu chắt của chúng ta mới có thể được chứng kiến chuyện đó. Tôi nghĩ rằng, chúng ta có thể không để lại được cho hậu thế những gì là lớn lao ví dụ một bình quân GDP cao ngất ngưỡng như người Mỹ, người Nhật đã làm được cho dân tộc của họ. Nhưng, rõ ràng chúng ta cũng quá nhiều điều kiện để lại cho con cháu những giá trị tinh thần như những gì mà các bậc Minh Vương, Tiên Đế của Đại Việt đã để lại cho chúng ta. Việc có những người Việt Nam bằng xương bằng thịt ôn hòa đứng trước cửa chợ Đồng Xuân với biểu ngữ trong tay "Hoàng Sa, Trường Sa là của người Việt Nam" giữa lúc ngọn lửa Bắc Kinh 2008 bùng bùng cháy cách xa hơn 2.000 km sẽ là một gia sản tinh thần không thể đo đếm được bằng tiền để lại cho hậu thế. Bức ảnh đó sẽ được con cháu chúng ta trình trọng đặt lên mặt bàn của cuộc tranh đấu với người Tàu trong tương lai. Ngày đó người Việt Nam chúng ta có quyền nói với họ: Không phải chỉ có một mình cụ Lê Dũng - người phát ngôn của bộ ngoại giao CHXHCNVN là lo lắng cho sự mất còn biển đảo đất đai của chúng tôi, còn nhiều lắm những nỗi lo lắng cho giang sơn quốc thổ của tổ tiên chúng tôi".

Viên sĩ quan an ninh lớn tuổi nhún vai: *"Tôi nghĩ những người hiểu biết, những người có đức văn hóa nhất định khi làm việc gì, nói gì, viết gì... rất cần phải biết "trông trời, trông đất, trông mây", phải biết chọn điểm rơi, điểm dừng cho hợp lý ông Long ạ. Nếu ông tiếp tục chọn sai thời điểm, tần suất phải làm việc với cơ quan an ninh sẽ nhiều hơn đấy. Nếu ông vẫn tiếp tục đứng sai vị trí "đón bóng", chắc chắn ông sẽ bị thổi phạt việt vị trong khi ông là một tiền đạo tấn công!"*

Thực ra những gì mà người sĩ quan đó vừa nói là không sai, nhưng có thể sẽ phải tranh luận dài dài. Tôi cảm ơn và tôi rất biết những gì đã diễn ra ở Sài Gòn và Hà Nội vào buổi sáng 29 tháng 4 năm 2008 là một dẫn chứng rất đắt giá cho sự tổn tại của một triết lý bất thành văn lúc này! Xin thưa đây không phải là điều 69 của Hiến pháp, không phải là món cao lương mỹ vị

quyền con người, không phải là "sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật..." mà lại là :

- Nếu anh chống lại tôi, tôi sẽ tiêu diệt anh !

- Nếu anh chống lại chế độ mà tôi có nhiệm vụ bảo vệ, tôi cũng sẽ tiêu diệt anh !".

Nếu thực sự tiêu chí này được thượng tôn ở Việt Nam, việc thẩm định nó, mổ xẻ nó xin dành cho các nhà đạo đức, các triết gia, các học giả, các nhà làm luật, các chính khách khả kính... Còn tôi phải chờ đến lúc hồi hưu rồi mới dám nhận mình là người ủng hộ tiến trình dân chủ hóa đời sống chính trị xã hội ở Việt Nam... Điều đó nói rằng, tôi vẫn là con người trần gian. Đã là con người trần gian, để tồn tại được tôi và bạn bè tôi sẽ phải điều chỉnh. Nhưng chắc chắn rằng đây là những điều chỉnh để được làm con người đích thực và xứng đáng. Tôi từ chối những điều chỉnh hạ nhục phẩm giá con người như thói hèn nhát, xu thời, thói cơ hội, trở cờ, bảo hoàng để được sống sót. Nếu tôi là loại người đó tôi tin rằng ông cũng khinh tôi.

Trong lúc viên sĩ quan hối hả hoàn tất các hồ sơ văn bản để trả lại tự do cho tôi sau gần 5 ngày bị buộc làm việc, tôi lơ đãng nhìn ra khoảng trời bát ngát ngoài ô cửa sổ mà trong lòng nặng trĩu những ưu phiền.

Người đời nhiều khi thường xao nhãng việc trả lời cho chính mình những câu hỏi dạng : Mình là ai ? Mình từ đâu đến ? Mình đang đứng ở đâu ? Mình sẽ đi đâu ? Về đâu ?

Ngày 29 tháng 4 năm 2008, những người đi đàn áp biểu tình, họ cũng đã quên những tự vấn như vậy. Có thể họ còn quá trẻ lại không thuộc bài lịch sử đã học để quên mất mảnh đất mà họ đang đứng là mảnh đất hơn 60 năm về trước các chiến sĩ tự vệ sao vuông thành Hoàng Diệu chỉ bằng dao bầu, gạch đá đã quần nhau với giặc Tây xung quanh những dãy bàn bán thịt. Nơi đó đã từng là những chiến lũy tạo ra từ bàn ghế, sập gụ, tủ chè, hoành phi, câu đối của nhân dân và thấp thoáng trong chiến lũy đó là bóng dáng các cảm tử quân ôm bom ba càng sẵn sàng lao vào xe tăng địch thể quyết tử cho tổ quốc quyết sinh, để giữ từng tấc đất cho chúng ta ngày hôm nay. Sự hy sinh hào hùng của những con người đó không phải để có những hình ảnh phản cảm đã diễn ra vào buổi sáng buồn bã 29 tháng 4 năm 2008 này.

Xin đừng ngụy biện đàn áp là để bảo vệ ngọn đuốc Olympic. Bảo vệ được lúc đó ở cách xa hơn 2.000 km bằng hành động siết cổ sinh viên Nguyễn Tiến Nam, túm tóc sinh viên Quỳnh, giật tóc, khóa chân thầy giáo Vũ Hùng, lôi kéo cựu hiệu trưởng trường Đảng Vi Đức Hồi, đè ngựa nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa trước chợ Đồng Xuân... Họ thực sự là những "Hồng vệ binh gốc Việt" và chợ Đồng Xuân, địa danh bất tử của Hà Nội 36 phố phường, đã vụt trở thành một China Town hoàn toàn xa lạ trong con mắt những người được chúng kiến. Còn đâu nữa những hòa thanh hào hùng :

Hà Nội chấy khời lửa ngập trời.

Hà Nội ẩm ẩm ẩm rung sông Hồng reo !

(Nguyễn Đình Thi, *Người Hà Nội*)

Mãi phiêu lãng trong những ám tượng hoàng hôn, tôi giật mình trước lời nhắc nhở của viên sĩ quan an ninh : "Ông Long

à ! Chúng ta đều đã có tuổi. Chúng ta không chỉ sống vì chúng ta, chúng ta phải sống vì con, vì cháu, vì người thân trong gia đình của mình nữa ông Long ạ. Hôm nay chúng ta dừng ở đây, ông ký và ghi rõ họ tên vào các trang này". Khác với các anh em trẻ, tôi vui vẻ cầm bút và đặt lên những chỗ cần thiết dòng tên và chữ ký của tôi. Người ta muốn hiểu ngọn ngành về tôi, tôi chẳng việc gì mà phải giấu giếm họ. Vừa ký tôi vừa nói với viên sĩ quan : "Tôi rất biết ông vừa nhắc nhở tôi điều gì. Thưa ông, tôi luôn dạy học trò tôi, dạy con, dạy cháu tôi và nhắc nhở các em tôi : Sống ở đời, trước khi là một con người chính trị, một doanh nhân, một nghệ sĩ hay một nhà khoa học... hãy là một con người nhân văn, một công dân tốt đã. Nếu đường lối giáo dục đó là sai, là có tội với chế độ này, xin các ông một đề nghị : Ai có tội thì người đó phải chịu tội. Chúng ta đang sống ở thiên niên kỷ thứ ba, đang sống ở thế kỷ 21 rồi. Xa lắm rồi cái thời của Nguyễn Trãi với cuộc tàn sát cả ba họ chỉ vì những nghị án của một con người. Tôi nghĩ rằng xã hội văn minh không có lối hành xử thấp kém như thế". Trả lại viên sĩ quan an ninh những gì mà ông ta kỳ khu nghiên cứu về tôi, tôi lặng lẽ rời trụ sở ra về trong cảm hứng buồn man mác của câu thơ :

Người ra đi đâu không ngoảnh lại

Sau lưng thêm nắng lá rơi đầy

(Nguyễn Đình Thi, *Đất nước*)

Mấy ngày sau, một lần dạo phố Hà Đông tôi vô tình gặp Vũ Hùng với chiếc đầu cạo trọc lóc và một sống mũi hơi gồ lên vì một vết xước nhỏ. Tôi hỏi : "Sao lại xuống tóc thế này ? Mũi làm sao lại xước xác thế kia ?". Vũ Hùng bảo : "Cháu cắt tóc để công an không có chỗ mà túm". Tôi hỏi thực hư thế nào. Không trả lời tôi, Hùng chìa cho tôi xem tờ "Thư tố cáo".

Tôi giật mình thấy thư này Hùng gửi toàn các địa chỉ của các tổ chức nhân quyền thế giới và khu vực. Đọc kỹ những tố cáo của Hùng, tôi thực sự bất ngờ và thất vọng. Hóa ra những ngày đó, phòng Vũ Hùng phải làm việc với cơ quan an ninh chỉ cách phòng làm việc của tôi vài ba căn phòng. Những gì đã xảy ra đối với Hùng làm tôi thực sự bị sốc. Đây không phải là làm việc mà là chửi nhau, là sỉ nhục người được triệu tập và cuối cùng là hành hung người được triệu tập. Đây không hề là cảm hóa, là thuyết phục, là tranh luận gì hết.

Xin dừng lại đôi chút về nhân thân của Vũ Hùng : Vũ Hùng là một thầy giáo dù chưa già thì cũng đâu có còn quá trẻ so với mấy tay an ninh nọ. Vũ Hùng đi biểu tình là để thể hiện thái độ yêu nước của mình chứ có phải anh ta đi móc túi mọi người ở chợ Đồng Xuân đâu mà mấy người vừa mới chồm tam thập mắng chửi người thầy giáo quá tuổi 40 những câu chửi không hiểu là loại văn hóa gì : "Mày ngu lắm ! Mày không bằng thằng Trội ! Thằng Trội còn biết lo cho vợ cho con, mày là thứ bỏ đi. Thằng Long [*] chửi mày là thằng đầu đất !". Và đỉnh điểm của cuộc làm việc đó là chiếc điều khiển TV bất ngờ bay vào giữa mặt Vũ Hùng để lại bên cạnh sống mũi anh ta một vết thẹo nhỏ. Rất tiếc trong thư tố cáo đó Vũ Hùng không nêu hết những đại từ nhân xưng rất hỗn xược. Nếu Vũ Hùng nêu đúng như những gì anh ta nói với tôi, tôi không biết ngôi trường đào tạo ra những con người như thế nghĩ gì về những sản phẩm của mình. Có lẽ

cuộc vận động "hai không" chưa bám rễ được ở ngôi trường đã đào tạo ra những chiến sĩ an ninh chính trị dạng này.

Tôi nghĩ rằng những nắm đấm đã từng giáng vào mắt kỹ sư Nguyễn Phương Anh ở Hữu Lũng - Lạng Sơn, những ngón vặn sườn bẻ cổ Lê Thanh Tùng rồi nhét vội nhét vàng vào xe cảnh sát mà tôi tận mục sở thị lần Nguyễn Khắc Toàn mời tôi đến nhân ngày anh ta tổ chức gặp gỡ anh em dân chủ và giờ đây là những cú siết cổ Nguyễn Tiến Nam, những cú giạt tóc sinh viên Quỳnh, khóa căng, ném khiến TV vào mặt Vũ Hùng và hất ngã ngửa nhà văn Nguyễn Xuân Nghĩa trước chợ Đồng Xuân... sẽ không đem lại lợi lộc gì cho nhân dân Việt Nam, những người ngày đêm lao động vất vả để gom góp những đồng tiền thuế nuôi nấng họ. Đảng Cộng Sản Việt Nam, thể chế chính trị của đảng mà họ có nhiệm vụ bảo vệ cũng chẳng hề mạnh mẽ gì hơn nhờ những ngón nghề hạ cấp như thế.

Riêng với tôi, tôi không nghĩ 100% nhân viên an ninh đều là những người như vậy. Tôi có nhiều mối quan hệ với họ từ rất lâu rồi. Có người là học trò cũ của tôi, có người tôi vô tình mà phải tiếp xúc với họ. Làm việc với họ, tôi chưa bao giờ phải đánh mất những giá trị mà tôi theo đuổi. Ngược lại họ cũng không dễ dàng từ bỏ những nguyên tắc và nhiệm vụ của họ. Vậy mà cuộc làm việc của chúng tôi vẫn đi đến kết cục có lợi cho tất cả mọi người. Tất cả là nhờ chúng tôi có chung một nội hàm là những giá trị nhân văn, là những định chế tình người. Họ luôn thức tỉnh ở tôi năng lực tự điều chỉnh. Tôi không ngừng nhắc nhở họ giữ gìn âm đức cho cháu con. Cùng nói với nhau về cái mong manh lắm của thân kiếp con người giữa một cõi đời đầy bất trắc và điêu bạc này. Giờ đây, có những nhân viên an ninh tuổi đời không bằng con nhỏ của tôi, không bằng những học sinh cũ của tôi mà lại tôi là thằng này thằng nọ! Tôi không quan tâm và không quá bất ngờ. Tôi không phải là nạn nhân đầu tiên, cũng không phải là nạn nhân cuối cùng của những lời thị phi, miệt thị sau lưng. Tôi đã từng có không ít những học sinh ngoan ngoãn và thành đạt. Có người là ân nhân của tôi. Tôi tôn trọng họ. Ngày nay tôi gọi họ là những người bạn. Tôi cũng không thiếu những loại học sinh như loại :

*Sợ thấy không bằng sợ giặc
Yêu chúa không bằng yêu thân*

(Ngô Văn gia phái, *Hoàng Lê Nhất Thống Chí*)

Chắc chắn tôi không quên những gì mà tôi mới nói với viên sĩ quan an ninh chính trị của một tỉnh bạn : Tôi sẽ không bao giờ hạ mình làm việc với những con người như vậy. Đây là một trong những nguyên tắc sống của tôi.

Lẽ ra tôi có thể dừng bài viết ở đây. Bất ngờ tôi nhận được điện thoại gọi về của bà vợ tôi. Vợ tôi bảo : "Anh ở đâu về nhà ngay, con mới về". Tôi biết, lại có chuyện rồi đây. Con tôi ở xa và đang rất vất vả một lương kỹ sư còn nuôi cả nhà bốn miệng ăn mà phải về lúc này là có chuyện rồi đây. Gặp tôi, con tôi nói : "Con đang học (con giai tôi là Nguyễn Thượng Thanh, 35 tuổi, phó giám đốc Trung tâm Dự báo khí tượng thành phố Bắc Ninh, đảng viên Đảng Cộng Sản Việt Nam đang dự lớp chính trị nâng

cao) thì nhận được điện thoại của một nhân vật nào đó tên là Dương của PA 38 Hà Tây gọi tới. Anh ta đe dọa tương lai chính trị của con sẽ chẳng ra gì nếu cứ để bố tiếp tục viết bài phê phán chế độ như thế. Anh ta còn yêu cầu con phải về gặp anh ta. Con đã kịch liệt phản đối và nói : "Việc tôi khuyên bố tôi là chuyện tình cảm gia đình chúng tôi. Tôi đề nghị các anh sống và làm việc theo Hiến pháp và Pháp luật".

Gặp con sau nhiều tháng ngày xa cách tôi hỏi hỏ han về sức khỏe và việc học hành của hai đứa cháu nội tôi, hỏi han con cháu tôi từ đồng bằng sông Cửu Long ra Bắc suốt 8 năm nay thất nghiệp không sao xin được việc làm. Tôi động viên con tôi : "Bố đã nói với con nhiều lần rồi. Con phấn đấu để làm một người cộng sản là lý tưởng của con, bố không can thiệp. Bố chỉ khuyên con rằng điều quan trọng hơn, là hãy phấn đấu để trở thành một người chân chính. Hãy là một con người nhân văn, một công dân tốt. Những gì đang diễn ra giữa PA 38 Hà Tây với



gia đình chúng ta là rất đáng buồn, là những thử thách rất gay gắt". Tôi cho con tôi đọc lại đơn xin tự ứng cử Đại Biểu Quốc Hội 12 của tôi viết ngày tranh cử. Đơn viết đó có một trích đoạn nói về gia tộc mà tôi rất muốn các con tôi ý thức được gia tộc chúng tôi đã sống và chết như thế nào :

"Lần đó mẹ tôi (tức là bà nội của các con tôi) kể : Vào một ngày cuối đông rét mướt năm 1928, không biết điều gì đã xảy ra mà sau chuyển công cán với các quan đầu tỉnh cả quan Tây và quan An Nam trở về, ông nội của các con là cụ nghị Nguyễn Mộng Lại (Trình Tiết, Đại Hưng, Mỹ Đức, Hà Tây - ông nội tôi là dân biểu của nghị viện Bắc Kỳ) cho gọi toàn bộ con cháu đến và căn dặn : "Ta một đời đi làm việc công, cũng một đời chỉ lo lợi ích cho ba họ. Ta chẳng màng điều gì cho riêng mình mà ta cũng chỉ là chiếc gai trong con mắt của người cầm quyền. Ta tuy đi đó đi đây, lên xe xuống ngựa mà vẫn sống một đời người nghèo (Người đời thường gọi ông tôi là cụ Chánh cố tức là cụ Chánh nhưng sống rất nghèo). Ta chẳng có gì để lại cho con cháu ngoài những đau xót mà ta nhìn thấy ở chốn quan trường. Nay ta muốn nhắc tới con cháu đời đời tiếp nối rằng : chớ có ham hố vòng danh lợi mà nhục nhân, nhục nhả lắm. Ở đời dựng nghiệp là rất cần, song cũng phải biết sống thế nào cho đúng nghĩa làm người lại ngàn lần cần thiết hơn".

Nghe ông cụ nói những điều như thế, các bác, các chú biết đó là điều chẳng lành, không ai bảo ai tất cả cùng òa khóc. Buổi đó cha các con (tức là ông nội các con tôi ngày nay) vừa tròn 8 tuổi".

Tiền con tôi ra về, tôi nói : Số phận chúng ta nằm chung trong số phận của cả dân tộc. Rất may chúng ta còn có nhiều người tốt, còn có công luận, còn có dư luận, còn có áp lực của luật nhân quả. Nếu không chúng ta khó có thể sống sót nổi với những thử thách góm ghiec như thế này.

Hà Đông, ngày 20 tháng 5 năm 2008
Nguyễn Thượng Long

[*] Thăng Long : tức là tôi, thấy giáo về hưu 62 tuổi, tác giả bài viết này.

Hòa Giải và Hòa Hợp của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên là gì ?

Diệt Hoàng

Có lẽ chúng ta đã nghe qua ít nhất là một lần về các cụm từ "hòa giải" hay "hòa hợp" dân tộc... kể cả từ chính quyền Việt Nam lẫn những người đấu tranh cho dân chủ.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, một tổ chức đối lập với Đảng Cộng Sản Việt Nam ra đời sớm nhất sau ngày 30-4-1975, đã lấy "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" cùng với "Dân Chủ Đa Nguyên" và "Đấu Tranh Bất Bạo Động" làm thành ba tiêu chí (lập trường) chủ đạo cho các hoạt động của tổ chức mình.

Trong ba lập trường chủ đạo đó, hai vấn đề "Dân Chủ Đa Nguyên" và "Đấu Tranh Bất Bạo Động" đã được đa số người Việt trong cũng như ngoài nước chấp nhận rộng rãi, chỉ còn lại vấn đề "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" là vẫn còn gây ra một số tranh cãi xung quanh các câu hỏi như: "Người Việt có nhu cầu hòa giải và hòa hợp với nhau không?", "Tại sao lại phải hòa giải và hòa hợp?", "Hòa giải và hòa hợp là như thế nào?", "Có phải như thế là thỏa hiệp với cộng sản hay không?"...

Là một thành viên của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, tôi xin đưa ra vài chia sẻ cũng như sự nhìn nhận của mình về vấn đề đang vẫn còn gây tranh cãi này và mong rằng được mọi người tiếp tục thảo luận và bổ túc để cùng tìm ra tiếng nói chung, nhằm mục đích tránh khỏi sự hiểu nhầm giữa những cụm từ tuy được sử dụng rộng rãi nhưng lại vì những mục tiêu hoàn toàn trái ngược nhau.

1. Người Việt chúng ta có nhu cầu Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc không ?

Có lẽ đa số chúng ta đều cho là có ! Tôi cũng cho là như vậy.

Đây là vấn đề thuộc về lịch sử, bắt nguồn từ cuộc phân tranh Trịnh-Nguyễn, đất nước ta đã hình thành hai nhà nước đối địch với nhau dưới thời phong kiến nhà Hậu Lê và kéo dài suốt 200 năm. Dù muốn hay không thì từ đó người Việt đã hình thành những mặc cảm, phân cách, kỳ thị giữa hai miền là Đàng Trong và Đàng Ngoài. Tiếp theo sau đó là cuộc kháng chiến thành công của người nông dân "áo vải cờ đào" Nguyễn Huệ, rõ ràng là tư duy của một người nông dân như Nguyễn Huệ không thể nào dung hòa với chế độ phong kiến đã có bề dày lịch sử hàng ngàn năm, vì thế triều đại của ông đã nhanh chóng sụp đổ.

Tiếp theo đó là 400 năm trị vì của triều Nguyễn xuất thân từ Đàng Trong cũng đã gặp không ít sự chống đối và sự bất phục của giới sĩ phu Bắc Hà. Tiếp đến là sự đô hộ của thực dân Pháp, với phương châm "chia để trị", người Pháp đã chia Việt Nam thành Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ với những bộ máy cai trị và do vị trí địa lý khác nhau cũng đã tạo những tính cách khác nhau giữa những cư dân ba miền đất nước.

Sau thời kỳ Pháp thuộc là thời kỳ nội chiến giữa miền Bắc cộng sản với miền Nam cộng hòa. Thời kỳ này tuy ngắn ngủi nhưng với sự trợ giúp rất nhiệt tình của hai khối "cộng sản"

và "tư bản" nên cuộc chiến tranh đã trở nên vô cùng khốc liệt, với ba triệu người bỏ mạng của cả hai phía. Sau biến cố 30 tháng 4-1975, với chiến thắng của quân đội cộng sản, một lần nữa hố ngăn cách giữa những người Việt hai miền Nam Bắc lại được đào sâu bởi những cuộc trả thù báo oán không đáng có của những kẻ chiến thắng, và kết quả là gần hai triệu người đã bỏ nước ra đi. Sự việc chưa dừng lại ở đó mà vẫn tiếp diễn theo chiều hướng xấu sau khi chính quyền Việt Nam "đổi mới", một giai cấp giàu có mới nổi lên nhờ đặc quyền đặc lợi và tham nhũng đã làm cho hố cách biệt giàu nghèo giữa người Việt tăng lên ; rồi do tư duy toàn trị và bất khoan dung mà chính quyền đã tạo ra nhiều hố ngăn cách với các tôn giáo và các tiếng nói đối lập không được công nhận. Không những thế, một vấn đề cũng rất nghiêm trọng mà các chính quyền tương lai phải rất khó khăn mới có thể giải quyết được những hậu quả của những mâu thuẫn do chính quyền cộng sản gây ra, như giết dây và dàn dựng những biến cố để tạo ra sự nghi kỵ, thậm chí căm thù giữa một số người Kinh với người Thượng trên Tây Nguyên cũng như giữa người Kinh với các dân tộc thiểu số anh em khác...

Đây là các vấn đề vừa là lịch sử vừa là hiện tại, và sự mâu thuẫn ngăn cách giữa những cộng đồng người Việt là có thật. Chính quyền cộng sản đã không những không làm cho các xung đột này bớt đi mà còn muốn làm cho chúng trầm trọng thêm. Một ví dụ mới nhất và dễ thấy nhất là việc chính quyền cộng sản Việt Nam đã xúi giục người Kinh đang sinh sống và làm ăn trên Tây Nguyên tấn công người Thượng khi họ xuống đường biểu tình đòi tự do tôn giáo và trả lại đất đai trong các năm 2001 và 2004 vừa qua. Lý do để chính quyền cộng sản làm những việc vô đạo này nằm trong một lý luận rất đơn giản là tạo ra một tâm lý nghi kỵ giữa người Việt và người Việt nhằm gây chia rẽ, mất đoàn kết và do đó không ai có thể thể ngồi lại với nhau bất cứ vì lý do gì để chế độ cộng sản được tồn tại lâu dài.

Chính vì vậy người Việt Nam rất cần Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc để xây dựng một ý thức quốc gia mới, một quốc gia hòa bình, nhân ái và đoàn kết. Trước mắt Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc là để mọi người Việt Nam trong cũng như ngoài nước đồng thuận với nhau trong việc dân chủ hóa đất nước và sau đó một chính quyền dân chủ tương lai phải làm được công việc "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" đầy khó khăn này để mọi người Việt nhìn nhận tổ quốc Việt Nam như là một mái nhà chung, một tương lai chung. Nếu không có sự đồng thuận đó chúng ta không thể xây dựng được dân chủ.

Vì mục đích cuối cùng là xây dựng một ý thức quốc gia mới nên Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã đặt mục tiêu «Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc» thành một trong ba tiêu chí chính của tổ chức mình.

2. Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc là thế nào ?

Người Việt mình (nói chung) vẫn có một tính cách cần

thay đổi đó là hời hợt trong suy xét và thiếu độc lập trong suy nghĩ nhưng lại hay chỉ trích nhau về câu chữ. Tôi tin rằng vẫn có người cho rằng "Hòa giải" cũng chính là "Hòa giảng" và vì thế họ chụp mũ những người kêu gọi hòa giải là thỏa hiệp và đầu hàng cộng sản. Theo tôi "Hòa giải" hoàn toàn khác. Hòa là "cùng", giải là "giải quyết", hòa giải có nghĩa là cùng giải quyết các vấn đề khúc mắc để có thể tiến đến cùng hợp tác (hòa hợp) với nhau.

Như vậy Hòa Giải và Hòa Hợp của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên chính là một đòi hỏi rất chính đáng, nghiêm chỉnh và dứt khoát đối với nhà cầm quyền cộng sản. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên yêu cầu chính quyền Việt Nam phải giải quyết (hòa giải) các vấn đề của lịch sử và hiện tại, công nhận những sai lầm đã gây ra cho nhân dân Việt Nam trước đây, cũng như trao trả lại các quyền tự quyết cho dân tộc. Khi các vấn đề đã được giải quyết một cách thỏa đáng thì chỉ khi đó mới có thể bắt tay làm việc cùng với nhau (hòa hợp dân tộc). Nếu Đảng Cộng Sản Việt Nam chấp nhận "hòa giải" như vậy thì mới đúng với lập trường "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Chính quyền Việt Nam cũng luôn kêu gọi "hòa hợp dân tộc" (chứ họ không kêu gọi "hòa giải") nhưng đó là theo một nghĩa hoàn toàn khác, tức là "Các ông/bà phải tuân phục chúng tôi" theo kiểu trịch thượng và ban ơn. Đó hoàn toàn khác với lập trường "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Tập hợp Dân Chủ Đa Nguyên không dừng lại ở chỗ xem mình là "tiếng nói của lương tâm" mà luôn phấn đấu và cố gắng để trở thành "giải pháp cho tương lai của Việt Nam". Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên không dừng lại ở chỗ đấu tranh để Việt Nam có dân chủ mà còn mong muốn đem lại một nền dân chủ thật sự cho xã hội Việt Nam. Vấn đề Hòa Giải và Hòa Hợp sẽ là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu mà Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên sẽ theo đuổi trong tương lai, sau khi Việt Nam có đa đảng cho dù Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên có thể là đảng cầm quyền hay là đảng đối lập.

Điều quan trọng nhất là Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên sẽ theo đuổi mục đích Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc với tất cả sự thành tâm, tôn trọng mọi sự khác biệt và không vì một lý do riêng tư nào.

Trong Dự Án Chính Trị của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên (2001), phần III : "Đồng thuận nền tảng cho một cố gắng quốc gia mới" đã minh định rất rõ lập trường này :

"Thực thi hòa giải dân tộc không phải chỉ đơn thuần là một tình cảm mà còn đòi hỏi những biện pháp cụ thể. Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ đặt con người tự do làm đối tượng phục vụ cao nhất.

- Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ coi đa nguyên như một giá trị tuyệt đối. Đa nguyên về mọi mặt tâm linh, văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội.

- Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ chế tài nghiêm khắc mọi ngôn ngữ và thái độ xúc phạm với mọi sắc tộc, mọi cộng đồng, mọi tín ngưỡng, mọi quan điểm.

- Ngược lại nhà nước sẽ khuyến khích và giúp đỡ tận tình mọi sáng kiến và cố gắng đem mọi người Việt Nam thuộc mọi vùng, mọi sắc tộc, mọi tôn giáo, mọi nhân sinh quan,

mọi chính kiến đến gần nhau hơn trong tinh thần tôn trọng mọi khác biệt.

- Nhà nước Việt Nam tương lai sẽ phải phục hồi danh dự cho những người đã bị hạ nhục, phải bồi thường thiệt hại, dù chỉ là một cách không đầy đủ, cho những nạn nhân. Xóa bỏ hận thù có nghĩa là sẽ không có những vụ án chính trị, ngược lại sẽ có một đạo luật cấm nhà nước truy tố bất cứ ai vì chức vụ mà họ đã giữ, trừ khi họ đã vi phạm một cách rất nghiêm trọng ngay chính những luật lệ đương hành lúc họ tại chức. Mọi công dân có quyền tố cáo những hà hiếp mà mình đã là nạn nhân, và nhà nước sẽ xử lý những tranh tụng đó như những tranh tụng giữa những công dân bình đẳng trước pháp luật".

3. Kết luận

Qua những phân tích (không đầy đủ) trên tôi hy vọng là đã giải đáp được những thắc mắc xung quanh vấn đề "Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc" của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Đây là một vấn đề rất lớn và rất quan trọng trong việc đấu tranh cho dân chủ cũng như trong việc xây dựng một nền tảng dân chủ thật vững chắc cho tương lai. Nếu không nắm vững và hiểu thấu lập trường này của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên thì nếu chính quyền cộng sản có sụp đổ và một thể chế khác được dựng lên thì dân chủ đích thực cũng sẽ không đến với toàn thể nhân dân Việt Nam. Khi mỗi người Việt trong khối 85 triệu người vẫn còn ảm ức, cay cú hay oán giận chính quyền hoặc những thành phần khác trong xã hội thì chúng ta không thể đồng thuận được với nhau. Và như vậy làm sao dân tộc Việt Nam có thể trở thành một khối đoàn kết toàn dân để xây dựng lại đất nước Việt Nam thân yêu của chúng ta ? Làm sao để mỗi người trong chúng ta thấy được rằng đất nước Việt Nam là một niềm tự hào, một tương lai chung, một mái nhà chung ?

Hiện tại cứ nhìn vào thực trạng xã hội Việt Nam thì ai ai cũng bức xúc và xót xa. Đạo đức, niềm tin của người dân Việt Nam bị băng hoại và xói mòn nghiêm trọng. Làm sao để khắc phục được vấn đề này ? Chỉ có Hòa Giải và Hòa Hợp một cách thành tâm và trong sáng mới mong hàn gắn được những đổ vỡ trong quá khứ và hiện tại.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên đã, đang và sẽ tiếp tục vận động cho lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc đầy khó khăn, nhưng không thể lẩn tránh được. Nếu mỗi người trong chúng ta đều muốn mọi người Việt Nam nhìn nhau trong mắt và nhận nhau là anh em thì phải hiểu và ủng hộ lập trường Hòa Giải và Hòa Hợp Dân Tộc của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên. Đó là lý tưởng của đời mình.

Việt Hoàng (Moskva)

"Quốc gia Việt Nam phải được quan niệm như là một không gian liên đới và một dự án tương lai chung. Trong quan niệm này, nhà nước chỉ là công cụ để thực hiện một đồng thuận dân tộc, đúc kết của những nguyện ước cá nhân được phát biểu một cách tự do. Nhà nước ấy phải ở trong và ở dưới quốc gia, và phải xuất phát từ chọn lựa tự do của dân chúng".

(Thành Công Thế Kỷ 21, trang 133)

Thấy gì qua nhãn quan của một "nhà" dân chủ gạo cội

Mưu Hà

Gần đây, tờ báo điện tử *Đàn Chim Việt* vừa đăng bài "Về tình hình dân chủ Việt Nam" của ông Vũ Thư Hiên phát biểu tại cuộc Họp Mặt Dân Chủ năm 2008 vừa qua tại Paris. Tác giả đã có ý rào đón trước khi phát biểu là không có ý định "tuyên truyền" dân chủ mà đây chỉ là ý kiến cá nhân qua một số nhận định nhận xét cố gắng khách quan của ông.

Theo thiển ý của tôi thì cho dù mục đích của ông là không có ý định như thế, nhưng một khi tác phẩm nào đó đã đưa ra phổ biến thì sẽ có tác dụng xấu hoặc tốt theo cảm nhận của độc giả, như vậy nó chính là tuyên truyền, chỉ có mức độ tuyên truyền có khác nhau do nội dung bài viết mà thôi. Ngay cả đến ý kiến góp ý hay phê bình, tự trong nó đã có tính tuyên truyền, có nghĩa là tìm sự phản ứng của đối tượng (độc giả), nhất là một người có tên tuổi khá nổi tiếng như tác giả. Bởi vậy việc viết bài để phổ biến luôn luôn phải hết sức thận trọng vì ý nghĩa và tác dụng tuyên truyền của nó. Tuy nhiên cũng phải thông cảm cho ông là bài phát biểu được bó hẹp trong khuôn khổ "Cuộc họp mặt dân chủ", nay được xé rào đem phổ biến rộng thì khó tránh khỏi những sai biệt giữa ý định của tác giả và cảm nhận của người đọc nó.

Qua bài phát biểu, ông Vũ Thư Hiên điểm lại và nhận xét đánh giá tình hình dân chủ. Ta thấy nổi lên một bức tranh khá trung thực về tình hình phong trào dân chủ hiện nay. Đa phần những ý kiến nhận xét của ông, nhất là đặc điểm thứ ba là rất xác đáng trong việc nhận xét về lớp "dân chủ" đi trước, cho thấy sự đuối sức, cầm chừng, tự an ủi của lớp dân chủ đi trước, trước những diễn biến và trào lưu dân chủ mới. Nhưng có lẽ lý do lạc lối, bế tắc không xác định được phương hướng và mục tiêu đấu tranh, không tự lột xác để thích nghi hay làm nên một cuộc cách mạng ngay chính trong lòng phong trào dân chủ là nguyên nhân chính cho lớp dân chủ tiền bối buông xuôi.

Chính cái lối mòn do họ tạo ra đã và đang dẫn dắt thế hệ đi sau theo vết xe đổ chứ không ai khác, khi mà mục đích đấu tranh theo kiểu "đăng ngọn" của họ đã ngấm vào thế hệ đi sau, rằng đấu tranh chỉ giải quyết những bức xúc bất công có tính cục bộ nhất thời, coi đối tượng chính là tầng lớp dân oan, là chống độc tài tham nhũng, là đòi tự do báo chí là mục tiêu dân chủ, mà không đi tìm triệt để, tận gốc rễ của vấn đề dân chủ, để có phương hướng cách thức đúng đắn trong việc thực hiện dân chủ hóa đất nước.

Ngoài những nhận xét chí lý của tác giả, có một vài điểm mà tôi cho rằng không thể xem nhẹ bởi tính chất hệ trọng của nó, bởi tôi cho rằng đây không chỉ là ý kiến của ông Vũ Thư Hiên, mà có nhiều người, nhiều

tổ chức dân chủ đã và đang có quan điểm như vậy. Sau đây tôi xin trình bày và phân tích quan điểm phản biện của tôi đối với các ý kiến của ông Vũ Thư Hiên. Nếu có điều gì thất thố mong các bậc tiền bối cũng nhận ở kẻ hậu sinh này lời thứ lỗi chân thành nhất.

Tổ chức mạnh, trụ cột và "văn hóa tổ chức" !

Quan trọng và có tính tất yếu. Việc ông Vũ Thư Hiên trong phần cuối bài nói về "những phương thức đấu tranh mới". Thực sự và thực trạng hiện nay chẳng có phương thức gì mới cả, thậm chí theo quan điểm của tác giả, nếu phong trào dân chủ vẫn cứ tình trạng nhiều tổ chức đáng phái nhỏ lẻ, tự nguyện bảo nhau dàn hàng ngang theo kiểu "dở giảng dở đèn" này còn dài lâu mới tới đích được, khi mà nó chẳng theo một qui luật nào, cũng như thực tiễn khách quan nó đã từng xảy ra trong bất kỳ cuộc cách mạng nào.

Không trụ cột có tính thủ lĩnh chỉ huy khởi xướng khác nào ra trận có quân mà không có tướng chỉ huy, khác gì như rấn mất đầu ? Không tập hợp được sức mạnh tập thể có khác gì trăm con suối tự tìm cho mình con đường riêng để chảy ra biển mà không cần tụ họp về một dòng sông, để rồi biết chảy đến bao giờ mới ra được biển lớn đây ? Nhiều tổ chức lẻ tẻ, lỏng lẻo, hình thức, mà làm lên cuộc cách mạng, phé truất tên độc tài có sức mạnh về mọi mặt có lẽ chỉ nằm trong mơ mà thôi !

Ông Vũ Thư Hiên viết rằng : *"Trong giai đoạn mới này, lý thuyết lối mòn kiểu không có một tổ chức mạnh để lãnh đạo đấu tranh thì cuộc đấu tranh sẽ là vô ích đã không còn chỗ đứng, bị hoàn toàn phá sản. Lý thuyết tôn sùng "văn hóa tổ chức" nhập cảng từ hải ngoại đã không tìm được khách hàng trong nước. Trong thư của anh Nguyễn Minh Cần gửi cuộc Họp Mặt Dân Chủ năm 2008, lý thuyết này đã được mổ xẻ đến nơi đến chốn. Nó, xét cho cùng, chỉ là cái dùng để che giấu ý đồ của vài "lãnh tụ" muốn đặt tổ chức của mình lên trên tất cả, là cao vọng áp đặt một nền độc tài không có chính quyền trong một tổ chức"*.

Đại ý ông cho rằng lý thuyết "lối mòn" theo quan điểm nếu không có tổ chức mạnh trụ cột dẫn dắt phong trào dân chủ sẽ là vô ích. Không riêng gì của ông Vũ Thư Hiên, quan điểm đi ngược lại qui luật và mất dân chủ trầm trọng này, về sự không cần thiết có một tổ chức trụ cột, vì nó là sự bịp bợm, chẳng qua chỉ là sự che giấu ý đồ "lãnh tụ", là một nhận định ấu trĩ sai lầm, là không thực tiễn và logic.

"Văn hóa tổ chức" là một nếp suy nghĩ rất hay, rất đáng được nhân rộng ra bởi tính văn hóa của nó. Một

tổ chức được sinh hoạt có nề nếp có văn hóa rõ ràng hơn hẳn một tổ chức luôm thuộm, theo cảm tính vô văn hóa. Chúng ta sẵn sàng chấp nhận các nền văn hóa có tính tích cực và hiện tại trong nước đã nhập cảng rất nhiều thứ từ hải ngoại về trong rất nhiều lĩnh vực !

Nhưng riêng thứ "văn hóa tổ chức" thì ngay cả hải ngoại còn chưa làm được, thì làm sao quá cảnh về được quốc nội ! Đặc biệt chứ a có một tổ chức mạnh, trụ cột thì lại càng không thể tạo dựng được môi trường trong nước. Vậy mà ông Vũ Thư Hiên lại cho rằng điều đó bị hoàn toàn "phá sản" ! Có chăng chủ trương thì đúng nhưng việc đưa chủ trương đó vào thực hiện lại là điều không đơn giản, chỉ mang tính hình thức đại cương, nên chủ trương đó bị "phá sản" mà thôi. Hay nói đúng ra là chưa thực hiện đúng chủ trương đó, nên chưa có kết quả, chứ nó chưa bị "phá sản" vì nó đã được thực hiện đâu ?

Về vấn đề tổ chức và tổ chức trụ cột, chúng ta cũng biết là các tổ chức chính trị ra đời là do tính tất yếu, nhằm đáp ứng nhu cầu trong việc giải quyết các mâu thuẫn xã hội. Vì vậy nó không thể và không áp đặt được dưới bất kỳ hình thức nào cho dù rất mong muốn điều đó. Việc tổ chức nào đó có qui mô và tầm vóc hoạt động to hay nhỏ, mạnh hay yếu là do tự thân sự vận động của tổ chức đó có đúng và đáp ứng với nhu cầu đòi hỏi hay không. Nếu không, nó cũng chịu chung số phận có tính qui luật là : phát triển - tồn tại - hay đào thải.

Nếu thích nghi với môi trường nó sẽ phát triển nhanh hay chậm do điều kiện hoàn cảnh. Một tổ chức có phát triển được hay không to hay nhỏ, mạnh hay yếu hoàn toàn phụ thuộc vào những yếu tố quan trọng và cần thiết, như yếu tố con người, yếu tố chủ trương đường lối nó có phù hợp với yêu cầu của thời đại hay không !

Một tổ chức đúng và mạnh, là một tổ chức có tổ chức chặt chẽ và phát triển, có tính qui mô tầm cỡ, luôn chủ động trong các hoạt động, qui tụ được nhiều thành viên, có nhiều ảnh hưởng đến xã hội.

Một tổ chức không phát triển được mà chỉ tồn tại lay lắt cũng từ đó mà ra. Nó là giai đoạn duy trì sự sống trong điều kiện thụ động. Một tổ chức bị đào thải bởi nó đi ngược lại quá trình phát triển, đi ngược lại nhu cầu xã hội hoặc không đáp ứng được yêu cầu của thời đại. Nó là giai đoạn cuối cùng của sự tan rã.

Bởi vậy việc thấy được cần phải có tổ chức trụ cột là rất đúng đắn, nhưng làm thế nào để có tổ chức trụ cột mới là điều quan trọng và hết sức khó khăn. Đây cũng chính là điểm yếu nhất của phong trào dân chủ hiện nay. Ở đây tôi chỉ nhấn mạnh đến yếu tố qui luật. Nếu mổ xẻ những vấn đề trong quá khứ và hiện nay, do không có tổ chức đầu đàn, phong trào dân chủ luôn luôn thụ động, không có chủ trương đường lối, kế hoạch v.v. để đối phó với chế độ độc tài cộng sản Việt Nam.

Chỉ lấy một ví dụ ngay như việc đối phó với nghị quyết 36/CT của họ mà hải ngoại còn lúng túng, trong khi nếu có một tổ chức trụ cột thì việc đó trở lên quá dễ dàng.

Thủ lĩnh

Yếu tố "lãnh tụ" cũng vậy, chỉ vì hoạt động dân chủ có tính hình thức khiến cưỡng, nên nhiều người, nhiều tổ chức đã áp đặt một loại hình văn hóa "tự phong". Có nghĩa là chỉ cần ai đó có hoạt động tích cực, hay tư tưởng hơn người một chút, họ sáng tác ra những mô hình tổ chức, viết ra kịch bản một văn kiện chính trị và có sự tham gia bàn bạc của một số người nhất định, rồi tự phong cho nhau những chức vụ thủ lĩnh, phó thủ lĩnh v.v. Họ không biết rằng quá trình "nổi trội" của vai trò thủ lĩnh phải được sự "tâm phục khẩu phục" thật sự của tối thiểu là bao nhiêu, thông qua sự bầu chọn dân chủ thực sự dưới bất kỳ hoàn cảnh nào.

Vai trò "thủ lĩnh" rất quan trọng, tự thân con người đó có đảm đương được vai trò và vị trí "lãnh đạo" của mình hay không, nó đòi hỏi năng lực và những tố chất của cá nhân người đó, Nó thể hiện năng lực và sẽ được chọn lọc trong quá trình hoạt động. Đồng thời vị trí thủ lĩnh đó sẽ được phát triển qua lăng kính qui mô hiệu quả của tổ chức. Nếu gượng ép, tự phong, nó sẽ chỉ tồn tại và bị chết yểu theo năm tháng mà thôi !

Nhân tố "thủ lĩnh" là hết sức quan trọng, đó là người phải có đủ tầm đủ tài thao lược. Có tư tưởng lớn đúng đắn, tác động đến các thành viên, có tầm nhìn và những tố chất hết sức cần thiết trong việc vạch ra đường lối chủ trương. Vai trò "đầu đàn" cũng tuân theo qui luật trong các hiện tượng tự nhiên, trong sự sắp xếp của tạo hóa, của con người đối với vạn vật. Một đoàn tàu mà không có cái đầu tàu liệu có vận hành được không. Một con vật mà mất đầu liệu có sống được chăng. Một bầy đàn sống theo bản năng còn có con "đầu đàn" hướng hồ xã hội loài người... Việc cần phải có một tổ chức trụ cột, một thủ lĩnh là yếu tố quyết định làm nên cuộc cách mạng.

Nhưng việc tìm ra một "thủ lĩnh" không nên gượng ép, bởi nhân tố thủ lĩnh, do tự thân của mỗi cá nhân có nổi trội, có thể hiện được hay không lại do quá trình vận động của cá nhân và sự tự nguyện của mọi người tin tưởng lựa chọn lên. Việc tìm và đề ra tiêu chuẩn, tiêu chí thủ lĩnh cũng vậy, đòi hỏi thủ lĩnh đó phải thực sự có "chất lượng", chứ không nên gượng ép hay bị tệ tồn sùng cá nhân, theo tước vị danh xưng hay theo cảm tính để lựa chọn.

Chính vì tồn sùng "lãnh tụ" coi lãnh tụ là giá trị tuyệt đối là kiểu mẫu, đã giết chết tư tưởng biện chứng, một tư tưởng luôn cần phải có để xem xét cân nhắc bất cứ vấn đề gì ! Người ta quá tin vào sự hoàn hảo của nhân vật "nổi tiếng" để đặt trọn niềm tin mù quáng của mình vào người đó rồi khi nhận ra sự thật thì hối cũng không kịp. Cứ nghĩ là ông A, bà B là người đã có thâm niên, đã từng trải trong đấu tranh dân chủ, vào tù ra khám

nhiều năm thì phải hiểu biết, nắm vững kiến thức chính trị, chắc chắn con đường họ đi, quan điểm đường lối của họ là đúng 100%, đã vô tình tạo nên "lối mòn" nguy hiểm cho thế hệ sau đi theo. Đây là một thực trạng phổ biến hiện nay của phong trào dân chủ cần phải khắc phục.

Sự tôn sùng nhân vật "nổi tiếng" cũng có nguyên nhân từ cái tệ xã hội. Cùng một lời nói, nếu được thốt ra từ kẻ trí cả có tước vị, có học hàm thì được coi là lời vàng ý ngọc. Còn bình dân dù câu nói có hay, có tính triết lý bao nhiêu, chẳng qua chỉ là lời bọt bèo ! Sau manh áo rách cơ hàn, luôn ẩn chứa một trái tim vàng, một ý tưởng vĩ đại. Có ai biết được ẩn chứa trong viên đá là viên ngọc sáng ! Ai ơi xin chớ coi thường những kẻ tầm thường. Ngọc chỉ lộ dạng khi nó cần lộ dạng, chứ bình thường nó chỉ là viên đá... Hãy chịu khó nhìn kỹ từng viên đá khi thấy tia sáng từ bên trong phát ra... chứ đừng quá lảng nghe tiếng sấm sùng !

Thế nào là hoàn thành sứ mệnh lịch sử ?

Một vài quan điểm của ông Vũ Thư Hiên chỉ là phát biểu cá nhân nhưng cũng phản ảnh tình hình ngộ nhận khá phổ biến hiện nay. Hiện nay quan điểm này là một thực trạng nổi lên ở những lớp người đi trước, cho rằng họ "đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử". Đây là quan điểm thỏa mãn tự bằng lòng, tự ru ngủ rất đáng trách. Cái gánh nặng non nước mà lịch sử trao cho, phải được thực hiện trọn vẹn, đi đến cái đích cần đến do lịch sử giao phó, thì lúc đó mới gọi là hoàn thành được. Cái gánh "nợ non nước" không biết thế hệ trước đã gánh được đến đâu, còn bao xa nữa mới đến được đích dân chủ, vậy mà họ đã tự cho là hoàn thành sứ mệnh lịch sử !

Ngay cả những người cả đời phấn đấu, cho đến khi nhắm mắt xuôi tay. Cái mục đích phấn đấu chưa đạt được, nhiệm vụ chưa hoàn thành cũng không dám nhận là "Hoàn thành sứ mệnh lịch sử" mà chỉ dám nhận "Sự nghiệp còn dang dở". Huống chi cái gánh nặng đó, chưa có một chuẩn mực nào làm thước đo cho quãng đường đó. Hay có khi lại trút cái gánh nặng đó còn nặng nề hơn cho thế hệ đi sau...

Ngay đến cả việc nhận thức đúng sai, những nhận thức cơ bản của một nền chính trị chân chính của thế hệ đi trước, ngoài việc những kẻ dẫn dắt dân tộc đi lầm đường lạc lối phải chịu trách nhiệm trước lịch sử, trước nhân dân, thì phải nghĩ thế nào về những người có tri thức, có lương tri, có tư tưởng chính trị, đã không thoát ra được tầm ảnh hưởng của thế cuộc để có cái nhìn thời đại, có tầm suy nghĩ nhân văn, hòa mình vào trong dân chúng, ví mình như một hạt cát nhỏ bé để có sự sáng suốt tinh táo, để nhận ra chân giá trị của vấn đề ở bất kỳ tầm vóc nào !

Ngay cả đến vấn đề muôn thuở là dân chủ cũng còn khá nhiều điều để nói. Thế nào là khái niệm dân chủ ? Qua nội dung bài viết của tác giả, tôi tin rằng việc hiểu dân chủ của ông vẫn còn chưa thật thấu

đáo. Đây là tình trạng chung chứ không có gì ông Vũ Thư Hiên. Bởi chưa xác định được vấn đề dân chủ một cách cụ thể và thấu đáo nên đã dẫn đến "chệch hướng" hàng loạt các tư duy, quan điểm, chủ trương đường lối của nhiều người và nhiều tổ chức.

Rõ ràng thế hệ những "nhà" dân chủ đi trước đã chưa làm tròn trách nhiệm của lịch sử giao phó. Con đường dân chủ vẫn còn quá gập ghềnh, quá nhiều việc phải làm, nếu không muốn nói con đường các cụ đang đi, còn tạo ra một lối mòn nguy hiểm cho thế hệ sau đi theo. Bản thân các bậc tiền bối đã không rút ra bất cứ được bài học kinh nghiệm nào để truyền lại, dìu dắt bồi dưỡng cho thế hệ sau, theo qui luật "tre già măng mọc". Một nhiệm vụ mà bất cứ thế hệ nào đi trước cũng phải lo tính đến. Nhưng cho đến nay theo nhận biết và mong muốn của tôi (luôn mong tìm được sự dìu dắt, bồi dưỡng của các bậc tiền bối) đã không có được sự kế thừa đó ở lớp người kế tiếp.

Việc tác giả dùng từ "trùm chần" đối với thế hệ đi trước là một thực trạng, nếu không thì một rào chắn qui định cho mình một sân chơi riêng của thế hệ đàn anh, đang là hiện trạng buồn cho phong trào dân chủ. Đáng nhẽ thế hệ sau phải nhận được rất nhiều từ sự dìu dắt, bồi dưỡng, hướng dẫn từ bài học kinh nghiệm đầy quý báu và bổ ích từ thế hệ tiền bối mới phải, mới đúng !

Chúng ta trong mỗi thế hệ có quyền phán xét và trách cứ thế hệ đi trước, cũng như phải dành cho con cháu chúng ta cái quyền trách cứ chúng ta nếu chúng ta không làm tròn bổn phận. Nếu cứ ngại va chạm, ngại phạm huý động chạm đến các cụ như nếp nghĩ cổ hủ xưa, sẽ không bao giờ đất nước tiến lên được. Ngay cả đối với cá nhân tôi, khi thẳng thắn nêu lên vấn đề tế nhị này, cũng phải suy nghĩ đắn đo rất nhiều. Nhưng cuối cùng nhân việc ông Vũ Thư Hiên nêu vấn đề này tôi cho rằng đã đến lúc phải nêu ra sự thật đó, để không những các bậc tiền bối mà ngay cả lớp người hiện tại, và ngay bản thân tôi cũng vậy, cần nhìn thẳng vào sự thật để rút ra bài học và điều chỉnh quan điểm tư tưởng sao cho có lợi cho phong trào dân chủ cho đất nước và nhân dân.

Trên đây là một vài ý kiến cá nhân tôi muốn bày tỏ nhân bài viết của ông Vũ Thư Hiên, mà tôi cho rằng rất cần thiết trong bối cảnh phong trào dân chủ hiện nay. Con đường vận động và đấu tranh dân chủ hiện đang cần sự điều chỉnh cần thiết, để làm sao thúc đẩy phong trào dân chủ đi lên, và điều quan trọng là đi đúng hướng, để mau đến cái đích cần phải đến, là dân chủ hóa đất nước.

Như Hà (Hà Nội, ngày 20/5/2008)

Là một kết hợp hoàn toàn hướng về tương lai, Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên qui tụ những người Việt Nam thuộc đủ mọi lứa tuổi, mọi quá khứ chính trị, mọi cương vị, trong cũng như ngoài nước.

Hấp tấp mở rộng Hà Nội gấp ba, đổ vỡ gấp sáu

Tiến Hồng

Trong khi tình hình lạm phát phi mã ngày càng gia tăng, đi kèm với lãi suất không kìm hãm, thị trường chứng khoán xuống tới mức kỷ lục 440 điểm báo hiệu viễn ảnh kinh tế đen tối đang bao trùm và khiến người dân khốn đốn, vậy mà nhà cầm quyền cộng sản lại quyết định dứt điểm mở rộng Hà Nội hơn gấp ba (từ 921 km² lên 3.334 km²) trong phiên họp quốc hội ngày 29-5-2008, với 92,9% (!) đại biểu bấm nút tán thành, và nghị quyết sẽ có hiệu lực từ ngày 1-8-2008 để có thời gian chuẩn bị kế hoạch, ngân sách (1).

Đây sẽ là một ngày lịch sử mà quốc hội bù nhìn phải lãnh trách nhiệm vì hậu quả của nó sẽ không thể lường. Đây cũng là một quyết định đi ngược với ý kiến của người dân đã được thể hiện trên nhiều báo như *Vietnamnet*, *Tuổi Trẻ*, *Lao Động*, *Việt Báo*... đi kèm một số bài viết (2) trong đó có bài của ông Võ Văn Kiệt viết ngày 30-4-2008 đăng trên nhiều báo ngày 5-5-2008: "Mở rộng Hà Nội không thể chỉ là một cảm tính".

Thực ra số đại biểu không đồng tình với nghị quyết này không nhỏ. Người ta đã thấy những ý kiến phản biện qua phiên họp của ủy ban pháp luật (3), qua phiên họp của quốc hội ngày 19-5 (4) để cuối cùng phải hoãn biểu quyết ngày 22-5 "để có thời gian cho các cơ quan hữu quan tiếp thu, giải trình và chỉnh lý". Nhưng ngày được dời lại quá sát nút (29-5), và khi đảng đã quyết thì... phải theo thôi!

Việc làm hấp tấp này thể hiện ngay trong tiến trình thông qua. Ngày 27-3-2008, ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội "nhất trí" với nhiều lo lắng khi thông qua việc sáp nhập Hà Tây (2.200 km², 62% là đất nông nghiệp với 2,6 triệu dân...), trong khi Hà Tây chưa biểu quyết đồng ý (5)! Mặt trận tổ quốc được hỏi ý kiến cũng sửng sốt, lo lắng, băn khoăn khi miễn cưỡng đồng ý mở rộng Hà Nội (6). Trong phiên họp này, giáo sư Phan Đình Diệu tuyên bố: "*Thay đổi to lớn có nên quyết định đột ngột hay không? Mọi vận động đều phải có quá trình tiến hóa để thích nghi về xã hội, môi*



Địa đồ trung tâm thành phố Hà Nội hiện nay với làn ranh mở rộng diện tích

trường... Tiến một ít nhưng đổ vỡ ít thì dễ sửa chữa, ham một bước tiến thật lớn nhưng nếu đổ vỡ sẽ khó khắc phục". Ông cũng nói: "*Một thành phố không phải cứ tách riêng các khu hành chính, đại học, khoa học... riêng ra mới là tiện đâu, mà chính sự liên kết hữu cơ, đan xen nhau mới tạo thuận lợi. Nước ta dù công nghiệp hóa nhưng vẫn nên giữ một nền nông nghiệp truyền thống, giữ một thành phố có màu xanh ruộng đồng xung quanh có lẽ cũng là niềm tự hào. Hà Nội đâu nhất thiết phải là New York, Washington mà hãy mãi mãi là Hà Nội*". Chắc chắn lời tiên tri và nhận định của ông nêu trên là có cơ sở. Kinh nghiệm trong những lần thay đổi liên miên quy hoạch và địa giới Hà Nội đã biến Hà Nội thành miếng da lừa do những yếu kém về quản lý và tham nhũng đã là một trong những yếu tố củng cố niềm tin này.

Từ quy hoạch vùng đến năm phương án mở rộng Hà Nội

Theo ông bộ trưởng nội vụ Trần Văn Tuấn, trong phiên họp quốc hội ngày 19-5-2008, chủ trương quy hoạch vùng thủ đô và dự án mở rộng Hà Nội đã có từ 2003 theo tinh thần quyết định 15 (15-12-2000) của bộ chính trị muốn có một thủ đô là đầu não chính trị, hành chính, văn hóa, kinh tế, giao dịch xứng tầm quốc tế và phù hợp với đà gia tăng dân số dự kiến. Nói tóm lại, phải có một thủ đô thật to và đa chức năng (chủ yếu phải là đầu tàu về kinh tế).

Trong thực tế, ban chỉ đạo (do bộ xây dựng chủ trì) đã mời chuyên viên Pháp về quy hoạch vùng Ile-de-France đóng góp xây dựng quy hoạch vùng thủ đô theo kiểu mẫu trên. Kết quả cụ thể là quyết định ngày 5-5-2008 của thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng phê duyệt quy hoạch vùng thủ đô với Hà Nội và 7 tỉnh (trong đó có Hà Tây), gấp 13 lần thành phố Hà Nội hiện hữu!

Ở đây, Hà Tây là một thành phần của quy hoạch vùng chứ không phải bao gồm trong Hà Nội mở rộng được đề nghị thêm vào sau này. Tôi

cũng chưa nhận định phê bình về quy mô quá lớn của vùng thủ đô theo khuôn mẫu Ile-de-France. Tuy nhiên, theo mô thức này, vai trò phát triển kinh tế, giáo dục không nằm trong thủ đô tự hữu mà nằm trong các đô thị vệ tinh thuộc vùng thủ đô (khu La Défense, Nanterre...). Paris vẫn là Paris muôn thủa chứ không mở rộng dù dân số có gia tăng. Vấn đề giao thông được giải quyết chủ yếu bằng hai vòng đai.

Ông Nguyễn Văn Thuận, chủ nhiệm ủy ban pháp luật cũng đi theo hướng này : *"Chính phủ nên chỉ đạo Hà Nội và các địa phương có liên quan thực hiện tốt quy hoạch vùng (vừa được thủ tướng chính phủ phê duyệt). Đến một thời gian nhất định sẽ tiến hành việc xem xét, quyết định điều chỉnh địa giới".* Ông cũng cho rằng : *"Thống nhất với chủ trương mở rộng Hà Nội nhưng quốc hội đề nghị chính phủ phải nghiên cứu và trình ra một đề án khả thi với những giải pháp, lộ trình rõ ràng, cụ thể, kể cả việc dự kiến nguồn lực về con người và tài chính cho việc thực hiện đề án, để bảo đảm sau khi được quốc hội quyết định thì có thể thực hiện được ngay".* Ông Thuận đã gián tiếp bác bỏ đề án mà chính phủ đưa ra để biểu quyết.

Vấn đề mở rộng Hà Nội chỉ được nghĩ tới vào đầu năm 2005 khi bộ chính trị yêu cầu chính phủ đưa ra các phương án. Nhưng dự án mở rộng đến mức nuốt trọn Hà Tây chỉ được ban chấp hành trung ương đảng thông qua vào đầu năm (28-1-2008). Trước đó, ít ra từ cuối năm 2007, khi ông Dũng đồng ý với đề nghị của giới lãnh đạo Hà Nội sáp nhập Hà Tây, giới đại gia bất động sản đã cho các tay chân đi sục sạo mua đất ở Hà Tây để thủ lợi. Người nông dân chẳng hưởng lợi gì mà còn hại về sau này. Dự án này chỉ là một trong năm phương án mà bộ xây dựng đã đề ra (7).

Các đại biểu quốc hội đã chỉ được chọn phương án mở rộng tối đa Hà Nội bao trùm trọn Hà Tây (phương án 1) mà không được tham khảo để có thể chấp nhận một phương án tương đối vừa tầm sức, khả thi như phương án 3 (nếu chủ trương mở rộng là chính đáng). Theo phương án này, mở rộng Hà Nội gồm thành phố Hà Đông, hai huyện Đan Phượng, Hoài Đức (Hà Tây) và Mê Linh (Vĩnh Phúc) với diện tích là 1.260 km². Dân biểu Nguyễn Ngọc Đào trong phiên họp ngày 19-5-2008 cho rằng mở rộng Hà Nội 1,5 lần là "hợp ý đảng (!), lòng dân" có lẽ muốn đề cập đến phương án này. Ông Đào nói "hợp lòng dân" thì có thể đúng phần nào chứ "hợp ý đảng" thì sai rồi! Đảng chỉ muốn

có thủ đô thật to, thật vĩ đại thôi, để hơn anh hơn em, chứ đâu cần biết có cần to không, nếu to mà không đẹp thì sao, to mà không làm được và nếu to quá, vượt khả năng của nó thì cuối cùng nó sẽ phình bụng rồi ngắc ngoải !

Trong buổi họp báo ngày 14-5-2008, thứ trưởng bộ xây dựng Trần Ngọc Chính cho biết số dĩ các phương án 3, 4 và 5 bị loại vì mở rộng theo các phương án này sẽ không có diện tích đất dự trữ ! Còn phương



án 2 - được lọc lựa chung cục cùng phương án 1 - chủ yếu lấy diện tích đất Hà Tây gồm thành phố Sơn Tây, huyện Ba Vì, Phúc Thọ, Thạch Thất, Đan Phượng, Hoài Đức, bổ sung thêm thành phố Hà Đông, huyện Quốc Oai và bốn xã của huyện Lương Sơn (Hòa Bình), là nơi có nhiều quỹ đất thuận tiện cho phát triển, nhưng phần đất còn lại của tỉnh Hà Tây (sáu huyện) là khá nhỏ.

Cũng nên biết đường nét chính trong phương án 1 (8) được ban chấp hành trung ương đảng thông qua và coi là phương án tối ưu. Theo phương án này, ranh giới Hà Nội mới bao gồm Hà Nội hiện tại, mở rộng thêm tỉnh Hà Tây, huyện Mê Linh (Vĩnh Phúc) và bốn xã thuộc huyện Lương Sơn (Hòa Bình). Diện tích tự nhiên 334.470 ha, dân số 6.232.940 người, có 29 đơn vị hành chính quận, huyện. Thủ đô mở rộng được dự kiến trên đà dân số gia tăng đến năm 2030 (10 triệu người) và 2050 (15 triệu người, trong đó có 4 triệu nông dân), sẽ biến nội đô Hà Nội thành vùng đô thị bảo tồn, xây dựng các thành phố vệ tinh với chức năng nhất định. Thành phố Hòa Lạc trở thành trung tâm hành chính, khu công nghệ cao. Thành phố Xuân Mai trở thành trung tâm đào tạo đại học. Thành phố Sơn Tây chuyên về ngành nghề cổ truyền, cây ươm... Đô thị hàng không : Nội Bài- Mê Linh-Sóc Sơn... Dự kiến nâng cấp sân bay Nội Bài và dự trữ không gian cho sân bay thứ hai tại Trầm Cốc, huyện Ứng Hòa. xây dựng các khu du lịch sinh thái tại Ba Vì, Hương Sơn, Cổ Loa...

Mặc dù đưa ra đường hướng quy hoạch tổng thể như thế, nhưng cuối cùng chính phủ cũng chỉ coi đó là tiền đề để mời các chuyên gia quốc tế trong tháng 6 sắp tới nghiên cứu giúp hoàn thiện và đệ trình phê duyệt năm 2010 nếu quốc hội thông qua ! Nói cách khác, cho đến năm 2010, cũng chưa có quy hoạch thực sự trong khi đã quyết định mở rộng. Bởi vì ông bộ trưởng xây dựng nói quốc hội phải quyết định mở rộng trước thì bộ xây dựng mới thực sự quy hoạch !

Chúng ta sẽ thấy những hậu quả tai hại không lường của quan niệm sai lầm trên không lâu đâu. Bởi vì không biết chắc sẽ xây cái gì trong hai năm sắp tới thì dựa trên cơ sở nào để lập ngân sách.

Thực chất của quyết định mở rộng Hà Nội hơn gấp ba và hệ quả. Ai gánh chịu ?

Những bất cập của quyết định mở rộng Hà Nội hơn gấp ba có thể tóm tắt như sau :

- Không phải mở rộng Hà Nội gấp ba là giải quyết được vấn đề giao thông ách tắc, ô nhiễm. Quỹ đất cho hệ thống giao thông thiếu nhưng là do không tận dụng phương cách lập các vòng đai ngoại thành như các thành phố lớn khác. Chính lối quản lý, quy hoạch để cho phát triển bừa bãi các khu công nghiệp và hàng trăm khu đô thị mới không có những hạ tầng cần thiết đi kèm (như chợ, trường học...) đã làm cho vấn đề trở nên khó khăn hơn. Nhưng không thể giải quyết vấn đề bằng cách lấy đất nơi khác. Phải giải quyết nó bằng quản lý tốt. Quản lý hiện nay không tốt thì mở rộng càng lớn càng làm khó giải quyết hơn.

- Vấn đề thiếu quỹ đất cho các dự án quốc gia. Đây là lý do chính mà chính quyền đưa ra để biện minh cho quyết định mở rộng gấp ba. Ông Dũng đã tuyên bố trước khi quốc hội biểu quyết là chọn phương án 1 (thay vì các phương án khác) hầu "có quỹ đất lớn để xây một đô thị hiện đại bên cạnh một đô thị cổ kính trong tương lai" (1).

Mọi người chắc đều nhận thấy tính chất hoang tưởng trong lập luận này. Và trong một bài viết về chống lạm phát (9), tôi đã chứng minh con người hoang tưởng và gian dối nơi ông Dũng. Một mặt, các đô thị vệ tinh theo quy hoạch vùng có thể nằm trong địa giới các tỉnh liên hệ thuộc vùng. Tại sao phải để cho các đô thị đó nằm trong Hà Nội? Khu công nghệ cao ở Hòa Lạc thì cứ để nó ở Hà Tây, có sao đâu, tại sao lại thêm cho nó chức năng khu hành chính cho Hà Nội vì làm như thế là biến đổi hoàn toàn cơ cấu điều hành và ngân quỹ đầu để dài thọ. Khu đại học Xuân Mai cũng vậy. Trong mọi trường hợp, không có lý do gì chính đáng để sáp nhập toàn bộ một tỉnh có diện tích hơn gấp hai mình, với cơ cấu nông nghiệp chiếm 62% và một truyền thống lịch sử đặc thù chỉ vì để "có quỹ đất lớn", quỹ đất dự trữ !

Vì nghĩ đến một dự án quá lớn lao, xây một đô thị hiện đại bên cạnh một đô thị cổ kính trong tương lai, là biến đổi hoàn toàn cơ cấu của một thành phố, với trăm ngàn khó khăn và đòi hỏi phương tiện ngân sách trong khi hiện tại thành phố đó chưa giải quyết được những khó khăn tự hữu, khả năng quản lý quá yếu kém với ngân sách thâm thủng trên 6%, lại thêm phải đương đầu với lạm phát phi mã mà chính quyền ngày càng chứng tỏ bất lực. Làm sao ông Dũng nói chính phủ sẽ chăm lo cho nông dân, người vùng sâu vùng xa khi họ bị mất đất rồi không biết sinh sống ra sao ?

Dân biểu Nguyễn Ngọc Đào trong phiên họp quốc

hội ngày 19-5-2008 đã tuyên bố thẳng thừng là mở rộng như phương án 1 chỉ có lợi cho các đại gia bất động sản chứ không có lợi cho người nông dân. Ông Nguyễn Thế Thảo, chủ tịch ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, trong buổi họp ngày 27-3-2008 (5), đã nêu lên năm khó khăn chính trong việc mở rộng như : phạm vi quản lý quá rộng, địa bàn vùng sâu vùng xa nhiều hơn, thu nhập bình quân đầu người sẽ giảm, hộ nghèo tăng lên, nguồn lực đầu tư cho phát triển tăng đòi hỏi năng lực quản lý tốt và đặc biệt là khó khăn về sắp xếp, kiện toàn tổ chức. Nếu ông Thảo biết thêm rằng hiện ông đã không thể quản lý tốt thành phố trong phạm vi của mình với biết bao vấn đề cần giải quyết thì tại sao chỉ vì "nhiều dự án của Hà Nội phải "mượn đất" của các địa phương khác mới triển khai được" mà ông lại đề nghị sáp nhập toàn một tỉnh lớn hơn gấp hai để rồi phải lo sợ ? Hiện nay, cán bộ đang lo chạy giữ chỗ, giữ chức và có số sẽ phải gánh 15 ông phó ngồi chơi xơi nước ! Và trình độ của các cán bộ này thì quá thấp kém, đa số chỉ nghĩ cách tham ô nhờ đảng làm ô dù.

Chúng ta sẽ chứng kiến, với thời gian, những khó khăn, thiệt hại lớn lao cho nhân dân và đất nước mà dự án hoang tưởng mở rộng Hà Nội gấp ba đem lại, để rồi nó sẽ không bao giờ thành hiện thực như giới lãnh đạo đảng cộng sản mong ước, để rồi nó sẽ phải làm lại như bốn lần đã qua ! Bởi trước hết, nó đã "không hợp lòng dân" như dân biểu Dương Trung Quốc đã mạnh mẽ lên tiếng trong phiên họp quốc hội ngày 19-5-2008. Tất cả những ý kiến ghi nhận qua các báo đã cho thấy rõ điều đó.

Và giới lãnh đạo đảng cộng sản sẽ phải trả lời trước nhân dân về nghị quyết sai lầm lịch sử này.

Tiến Hồng (Rennes, 30-5-2008)

(1) *Việt Báo*, 29-5-2008 : "Quốc hội đã thông qua Nghị quyết mở rộng Hà Nội".

(2) *Tuổi Trẻ*, 5-5-2008 : "Quy hoạch vùng thay vì mở rộng thủ đô". *Vietnamnet*, 18-3-2008 : "Quy hoạch mở rộng Hà Nội và tư duy ao làng" ; 19-3-2008 : "Nhiều nước phát triển không mở rộng thủ đô" ; 16-3-2008 : "Xin đừng để một Hà Nội "loang lổ" ; 21-5-2008 : "Không gian ba chiều"...

(3) *Vietnamnet*, 13-5-2008 : "Ủy ban Pháp luật : Đề án mở rộng Hà Nội thiếu thuyết phục".

(4) *Lao Động*, ngày 20-5-2008 : "Trước quyết định mang tầm vóc lịch sử" , "Nóng, mở rộng Hà Nội".

(5) *Vietnamnet*, 28-3-2008 : "Đồng ý mở rộng Hà Nội nhưng...".

(6) *Vietnamnet*, 25-4-2008 : "Mặt trận Tổ quốc miễn cưỡng đồng ý mở rộng Hà Nội".

(7) *Lao Động*, 15-5-2008 : "Bộ đã từng đề xuất 5 phương án mở rộng thủ đô".

(8) *Việt Báo*, 11-5-2008 : "Diện mạo Thủ đô mới".

(9) *Thông Luận*, 27-4-2008 : "Chống lạm phát : Khi ông Dũng nói dối và hoang tưởng".

3. Miếng ngon xứ Huế

Lê Văn Hào

Cách đây ba năm, nhân dịp Tết con Gà 2005, thành phố Huế đã tổ chức Hội chợ Xuân và cái đỉnh của hội chợ là cuộc hội thảo lớn về văn hóa nghệ thuật ẩm thực Huế truyền thống và hiện đại. Hội thảo đã đúc kết được một nhận định khái quát quan trọng như sau : miếng ngon xứ Huế là sự kết hợp hài hòa tinh hoa các món ngon Mường cổ, Chăm cổ, Việt cổ bên cạnh những món ngon dân gian và cung đình ra đời tại Huế, cùng với nhiều món ngon của cả nước được đưa về Phú Xuân để dâng chúa, tiến vua từ cách đây trên dưới 300 năm.

Lịch sử ẩm thực Huế đã được tiêu biểu bởi ba tên tuổi lớn.

1. Bà *Trương Đăng Thị Bích* (chưa rõ năm sinh, năm mất), con dâu của nhà thơ Tùng Thiện Vương Miên Thẩm, là tác giả một công trình nữ công gia chánh nổi tiếng từ cuối thế kỷ 19 : cuốn *Thực phổ bách thiên* dạy nấu một trăm món ăn Huế dưới hình thức một trăm bài thơ bốn câu bảy chữ cho đến nay vẫn còn lưu truyền rộng rãi.

Một ví dụ cụ thể, bà Trương Đăng Thị Bích dạy làm món chả tôm Huế như sau :

Tôm tươi lột sạch khéo sàng mau

*Rửa vắt khô rồi quết bỏ màu
Nước mắm tiêu hành đường
trứng mỡ*

*Giặt vuông đắp thuẫn
hấp cùng nhau*

2. Người thứ nhì để lại tên tuổi trong lịch sử nghệ thuật ẩm thực Huế là cô *Hoàng Thị Cúc* (1913-1989). Cô đã dành cả cuộc đời mình vào sự nghiệp giảng dạy nữ công gia chánh cho nhiều thế hệ nữ học sinh trường Đồng Khánh và để lại cho đời sau hai công trình quý giá : *Nghệ thuật nấu món ăn Huế, Tập I* (300



Tôm phích bột kem rau quả hình công



Cá hấp ngũ liễu



Chả Phụng hoàng



Lẩu đựng nem
(xếp bằng lá dứa)

món ăn mặn), *Tập II* (125 món ăn chay).

Cô là người đầu tiên đã thống kê khá đầy đủ các thổ sản Huế qua bốn mùa xuân, hạ, thu, đông và đưa ra bốn thực đơn mẫu mực cho mỗi mùa gồm 15 món ăn chọn lọc tiêu biểu.

Xuất bản vào giữa thế kỷ 20, hai công trình của cô đã được Nhà xuất bản Đà Nẵng trân trọng in lại năm 1999.

3. Người phụ nữ thứ ba đã vinh danh nghệ thuật ẩm thực Huế là cô *Hoàng Thị Như Huy*, được mời giảng dạy môn ẩm thực Việt Nam và Huế tại một số nước Tây Âu như Pháp, Bỉ, Ý.

Cô đã được tặng thưởng huy chương ẩm thực quốc tế tại Paris rồi trở thành viện sĩ danh dự của Viện Hàn Lâm Ẩm Thực Pháp.

Năm 2000 cô đã cho công bố cuốn *Miếng ngon ba miền* (Nhà xuất bản Phụ Nữ Hà Nội) và giữa năm 2006, cô lại cống hiến cho công chúng cuốn *Nghệ thuật ẩm thực Huế* (Nhà xuất bản Thuận Hóa - Huế), trình bày ngót 200 món ăn mặn và món ăn chay, làm cho giới nghiên cứu ẩm thực thấy được những cống hiến sáng giá của xứ Huế vào kho tàng văn hóa ẩm thực Việt Nam.

4. Ngoài ra còn có rất nhiều phụ nữ tài hoa khác trong ngành ẩm thực Huế như các bà : Nguyễn Đình Hàm (tức Tôn Nữ Thị Phu), Châu Trọng Ngô (tức Nguyễn Thị Đoàn), Công Tăng Tôn Nữ Kim Bình, Tôn Thất Long (tức Hoàng Thị Khương), Phan Xuân Sanh (tức Mai Thị Trà), Nguyễn Thị Hương Trà, Hoàng Trọng Châu (tức Huyền Tôn Nữ Tuyết Mai), Công Huyền Tôn Nữ Tuyết Mai, Nguyễn Phúc Bửu Tôn (tức Hoàng Thị Như Nguyệt), Công Tăng Tôn Nữ Bội Hoàn...

Samsung : hoàng đế Lee bị truất phế

Một trong những câu hỏi lớn của thời đại này là khi các nước dân chủ đã giàu mạnh thì chúng có thực sự là những chế độ dân chủ không ?

Các nước dân chủ đều là những nước tư bản, thực tế gần như đã chứng minh một cách hiển nhiên như 2 cộng 2 là 4 rằng chủ nghĩa tư bản là một bất buộc cho mọi chế độ tư bản. Vấn đề là kinh tế thị trường tự do, trong trường hợp thành công, tạo ra những công ty rất lớn, kiểm soát và chi phối đời sống của một số đông đảo người và ảnh hưởng đến đời sống của một số người lớn hơn, có khi toàn bộ quốc gia, trong khi những công ty này lại không vận hành theo nguyên tắc dân chủ. Các quyết định lớn trong các công ty này, kể cả quyết định bổ nhiệm các cấp lãnh đạo, đều không phải là kết quả của những biểu quyết dân chủ mỗi người một phiếu, mà do các chủ nhân. Phải chăng một chế độ dân chủ càng thành công thì càng trút bỏ nội dung để chỉ còn là dân chủ trên hình thức ? Chưa có câu trả lời cho câu hỏi quan trọng này, nhưng luật pháp và sự minh bạch từ tự do báo chí và sự phát triển của các phương tiện truyền thông trong các nước dân chủ đang dần dần làm cho câu hỏi bớt phần gay gắt.

Công ty Samsung có số thương vụ 160 tỷ USD, gần 18% GDP của Hàn Quốc và hơn hai lần tổng sản lượng quốc gia của Việt Nam. Samsung hoạt động tích cực trên 58 quốc gia và hầu như hiện diện trong mọi gia đình, qua những máy điện thoại di động, tivi, đồ gia dụng điện tử. Samsung cũng là một công ty xây dựng lớn với các công trường lớn trên nhiều quốc gia. Thế giới biết đến Samsung hơn là biết đến Việt Nam. Dù «chỉ có» khoảng 260.000 công nhân, Samsung ảnh hưởng đến hoạt động của nhiều triệu công nhân khác tại Hàn Quốc và trên thế giới. Một quyết định của Samsung có thể làm thay đổi cuộc sống của hàng trăm triệu người. Samsung mạnh hơn một quốc gia tầm cỡ trung bình trên thế giới.

Đứng đầu Samsung là Lee Kun-hee. Ông lên kế vị cha từ năm 21 tuổi vì Samsung là một công ty gia đình được thành lập cách đây ba phần tư thế kỷ, năm 1938. Trong thời gian trị vì đó, Lee Kun-hee đã rất thành công, số thương vụ được nhân lên gấp chín lần, lợi nhuận được nhân lên gấp 53 lần. Thành tích ngoạn mục nhất của Lee Kun-hee đối với người



Hàn Quốc là đã đưa Samsung qua mặt công ty Sony của Nhật. Thành tích này biến Lee Kun-hee thành một anh hùng dân tộc, bởi vì thắng Nhật luôn luôn là ước mơ chung của người Hàn Quốc. Họ chưa thể quên thời kỳ Cao Ly, tên gọi chung của hai miền Nam (Hàn Quốc) và Bắc (Triều Tiên) bị Nhật chiếm đóng và thống trị.

Nhưng tháng 5-2008 vừa qua, Lee Kun-hee đã phải lên đài truyền hình cúi đầu tạ lỗi với nhân dân Hàn Quốc và từ chức chủ tịch công ty Samsung, rồi sau đó ra đi cùng với vợ và con. Trong bài diễn văn nhận lỗi và từ chức, Lee Kun-hee xin lỗi "đã không đem lại vinh quang cho nhân dân Hàn Quốc qua hào quang của công ty Samsung. Nói vậy mà không phải vậy, Lee Kun-hee đã đem lại vinh quang về cho Hàn Quốc. Ông ta đã phải từ chức và ra đi sau khi bị cáo buộc khai gian thuế trên tài sản cá nhân 4 tỷ USD ngoài Samsung, hối lộ các chính trị gia, mua chuộc các thẩm phán, công chức, và ký giả. Lee Kun-hee cũng bị tố giác đã dàn xếp và chạy chọt cho con mình Lee Jae-yong.

Lee Kun-hee sẽ được thay thế bởi những cấp lãnh đạo chuyên nghiệp cõi mở hơn, vô tư hơn và dân chủ hơn. Các nhà bình luận Hàn Quốc đều nhận định rằng đây là một tiến trình dân chủ hóa không thể đảo ngược được. Tuy vậy ảnh hưởng của Lee Kun-hee không phải là hoàn toàn chấm dứt. Ông vẫn là cổ đông quan trọng nhất của công ty và vẫn là người có uy tín vượt rất xa những người sẽ thay thế ông mà phần lớn do chính ông tuyển dụng, bổ nhiệm và huấn luyện.

Còn Lee Jae-yong ? Người thanh niên trẻ tuổi này tuyên bố là sẽ sang những nước đang phát triển hoạt động để xây dựng cơ sở với quyết tâm trở về trong vinh quang và nắm lại quyền lãnh đạo công ty Samsung một cách minh bạch. Có thể vì ông này tốt nghiệp đại học kinh doanh Harvard, được nhiều nhà kinh doanh Hàn Quốc cũng như trên thế giới đánh giá là rất có tài. Có thể thôi chứ không dễ bởi vì Hàn Quốc ngày nay đã là cường quốc kinh tế thứ 9 trên thế giới và có rất nhiều nhân tài.

Nếu Lee Jae-yong lấy quyết định đầu tư kinh doanh tại Việt Nam thì sẽ là một điều rất đáng mừng.

Nguyễn Sơn Bá (Paris)



Lương thực : một cuộc động đất toàn cầu dữ dội

Trong tháng 4-2008, các hãng thông tấn cho biết có 22 quốc gia chao đảo về cuộc khủng hoảng lương thực, dân đói xuống đường biểu tình. Sang tháng 5, con số các nước chao đảo vì thiếu lương thực là 33, tăng 50%.

Cuộc khủng hoảng lương thực đang gia tăng về cả bề rộng lẫn mức độ nghiêm trọng. Cơ quan Chương Trình Lương Thực của Liên Hiệp Quốc báo động 200 triệu người có thể đói nặng, và cũng có thể chết đói, nếu không có biện pháp cứu trợ khẩn cấp. Không phải là các quốc gia không quan tâm đến lương thực. Nếu có một trường hợp mà sự phòng ngừa quá đáng đưa đến tai họa thì chính là trường hợp này. Tất cả các quốc gia phát triển đều ý thức rằng lương thực là vấn đề vô cùng nhạy cảm và đều chủ trương chẳng thà dư lương thực còn hơn là thiếu lương thực. Họ cũng cố gắng giữ cho giá lương thực ở mức độ thấp. Phương pháp để sản xuất thật nhiều lương thực và giữ giá lương thực ở mức thấp là tài trợ tối đa cho nông nghiệp. Nhiều quốc gia, như Nhật, Nam Hàn, Thụy Sĩ tài trợ nông nghiệp quá 50% trị giá sản phẩm. Châu Âu tài trợ 32,5%, Mỹ 11%.

Các quốc gia phát triển dư lương thực không có nghĩa là thế giới đủ lương thực. Ngay trước cuộc khủng hoảng này, trung bình mỗi ngày trên thế giới đã có 25.000 người chết vì đói, hoặc do hậu quả của sự thiếu dinh dưỡng.

Ba hiện tượng đã phối hợp tạo ra cuộc khủng hoảng : giá nhiên liệu gia tăng đã khiến cho giá thành của thực phẩm gia tăng ; một số diện tích trồng cây lương thực được chuyển sang trồng cây cung cấp dầu thực vật thay thế cho dầu lửa ; và có lẽ quan trọng hơn cả, tăng trưởng kinh tế tại nhiều nước, nhất là Trung Quốc và Ấn Độ, đã khiến một khối người đông đảo tiêu thụ lương thực nhiều hơn trước. Ba hiện tượng này dẫn đến tác động làm tăng giá lương thực và cuối cùng dẫn đến đói cơ và khủng hoảng.

Các nước bị điều đứng nhất dĩ nhiên là những nước nghèo vốn đã thiếu đói, như hầu hết các nước châu Phi đen. Nhưng ngay cả các nước tuy không nghèo lắm, thậm chí còn được coi là đang phát triển mạnh như Trung Quốc, nhưng phải nhập khẩu lương thực cũng gặp khó khăn lớn. Trước hết, họ sẽ phải bỏ ra một số tiền lớn hơn nhiều lần trước đây để mua lương



thực. Giá gạo Thái Lan trên thị trường quốc tế đã tăng gần 300% trong 5 tháng đầu năm 2008. Sau đó là vấn đề phân phối. Tại các quốc gia này đa số các gia đình dùng trên 70% lợi tức cho thực phẩm, người lao động không khác một cỗ máy chạy bằng cơm. Gạo có vai trò tương tự như dầu lửa. Dầu lửa đã tăng vọt và gạo còn tăng giá nhanh gấp hơn hai lần.

Cuộc khủng hoảng này là cơ hội để phát động một suy nghĩ toàn cầu về vấn đề lương thực. Trên ít nhất hai điểm gần như đã có đồng thuận hoàn toàn.

Một là các nước đã phát triển phải bỏ, hay ít nhất giảm tài trợ cho nông nghiệp để đừng bắt chẹt nông nghiệp tại các nước chưa phát triển.

Hai là các nước đang phát triển, như Trung Quốc, phải xét lại chính sách tăng trưởng hướng ngoại tập trung vào xuất khẩu như hiện nay để quan tâm hơn đến thị trường nội địa và nhất là nông nghiệp.

Cuộc khủng hoảng lương thực này không khó khắc phục. Số tiền cần bỏ ra để ngăn chặn nạn đói và cứu 200 triệu người đang nguy ngập chỉ là vài tỷ USD thôi, nghĩa là chưa bằng 1% thiệt hại về tài chính do cuộc khủng hoảng tín dụng tại Mỹ. Tuy vậy cho đến khi lương thực đến được với những người thiếu đói, một số đông đảo người đã bị hy sinh.

Nghiêm Văn Thạch (Paris)

MUA BÁO
Gia nhập HVNHD

ABONNEMENT
Adhésion à VNFraternité

Họ (Nom) :

Tên (Prénom) :

Địa chỉ (Adresse) :

Mã số hành chính (Code postal).....

Thành phố (Ville) :.....

Điện thoại (Tél.) :

Tôi đăng ký (Je m'inscris) (*) :

mua / giá hạn mua báo (35 EUR/năm)

pour un abonnement / réabonnement (35 EUR/an)

gia nhập Hội Việt Nam Huynh Đệ

pour une adhésion à l'Association Vietnam Fraternité

(*) đánh dấu nếu CÓ, bỏ trắng nếu KHÔNG

Cocher pour OUI, en blanc pour NON

Ngân phiếu (Chèque à l'ordre de) : Vietnam Fraternité

Gửi về địa chỉ (envoyer à l'adresse) : 7 Allée Bouleau Carreau -
77600 Bussy Saint Georges - France

Ngày (Date) :

Chữ ký (Signature).....

Tìm đọc Thông Luận trên internet :
<http://www.thongluan.org>

Quan hệ đối đầu mới giữa Mỹ và Nga

Cuộc họp thượng đỉnh giữa hai tổng thống Mỹ (G.W. Bush) và Nga (V. Putin) sắp mãn nhiệm kỳ tại Sochi, một thành phố nghỉ mát miền Nam nước Nga, đầu tháng 4-2008 vừa qua chỉ mang tính lễ nghi. Không một thỏa thuận nào đã được ký kết. Sự khác biệt về quan điểm chính trị giữa Mỹ và Nga trên các dự án chiến lược đã quá lớn để có thể tiến lại gần nhau : mở rộng khối Bắc Đại Tây Dương (NATO) sang các quốc gia Đông Âu cũ gia nhập...

Sự khác biệt này không phải tình cờ. Quan hệ đối đầu trực tiếp mới giữa Mỹ và Nga đã bắt đầu từ khi Mỹ quyết định tấn công Iraq bằng quân sự năm 2003, sự căng thẳng không những ở trong lời nói mà ngay cả trong hành động. Sau khi cảnh cáo Hoa Kỳ và khối NATO, Moskova đã cho thử nghiệm nhiều loại vũ khí chiến lược mới. Nga cũng đã bán rất nhiều vũ khí chiến lược (tàu ngầm nguyên tử, máy bay chiến đấu có khả năng phóng các loại hỏa tiễn tấn công mang đầu đạn nguyên tử...).

Người ta lo ngại nguy cơ chiến tranh lạnh giữa Mỹ và Nga tái diễn, thế giới sẽ sống lại những ngày đầy lo âu trước những biến cố có thể làm nổ lớn sự đối đầu này. Chiến tranh lạnh ở đây chỉ là một cách nói tỉ dụ để diễn tả một tình trạng không thể giao chiến với nhau bằng đủ loại vũ khí giết người hàng loạt, nhưng có thể đấu khẩu hay chọc gậy vào bánh xe của đối phương để hạ nhục. Hơn nữa chiến tranh lạnh chỉ có thể xảy ra giữa hai quốc gia đối nghịch, các quốc gia nhỏ đã vừa nghèo lại vừa đói, chắc chắn sẽ bị gạt ra bên lề xã hội. Ngày nay thế giới đang sống trong hòa bình, các loại chiến tranh hủy diệt lớn trên qui mô toàn thế giới không thể xảy ra.

Thấy gì qua quan hệ này trong những ngày sắp tới ?

Dưới thời tổng thống Putin, Nga đã không tuân thủ các nguyên tắc và giá trị tạo ra dân chủ (tam quyền phân lập, tự trị địa phương, tự do ngôn luận). Có người còn nói Putin đã phát minh ra khái niệm dân chủ chủ quyền, một thứ dân chủ cho riêng mình, và cho rằng dân chủ kiểu Nga hợp với di truyền tử (DNA), v.v.

Khái niệm dân chủ chủ quyền này có thể là bước cần thiết để các quốc gia đã từng sống dưới các chế độ độc tài cộng sản nổi lên đòi dân chủ chủ nghĩa khai phóng có thể là tấm gương cho các nước Việt Nam, Trung Quốc đi theo. Nhưng nếu Nga không chấp hành luật lệ cơ bản, dân chủ nghị viện thực sự không thể bám rễ ở bất cứ nơi đâu. Hiện nay các cấp lãnh đạo Nga thường nghĩ rằng họ có thể thay đổi luật pháp và luật lệ một cách tùy tiện.

Vị tổng thống mới của Nga, ông Medvenev, là một nhà luật học, ông chống lại "sự băng hoại luật pháp" đang lan tràn tại khắp nơi. Ông là người hủy bỏ hợp đồng đã ký thời chính quyền Yeltsin với các xí nghiệp nước ngoài về dự án Sakhaline 2. Ông cũng là người chủ chốt làm áp lực với Ukraine và các nước Tây Âu về khí đốt. Tuy vậy, hai nước Mỹ và Nga cùng có chung quyền lợi nhất định, như chống khủng bố, chống việc khuếch tán hạt nhân. Cả hai đều cần nhau và không muốn phía còn lại biến thành địch.

Lợi dụng giá dầu mỏ lên cao, tổng thống Putin cố gắng hồi phục lại sức mạnh kinh tế và quân sự của Nga trên các

Thời Sự thế giới và Việt Nam

chính trường và diễn đàn thế giới, ông hợp tác và gắn chặt với các quốc gia phương Tây nhưng vẫn đưa ra những điều kiện độc đáo của mình. Dĩ nhiên cách làm này của Putin có tính ích kỷ, đòi hỏi luật chơi dân chủ của G8 phải bị điều chỉnh.

Bây giờ Nga đã có một thứ vũ khí không giết người như sức mạnh quân sự cũ. Đó là năng lượng, lại có hiệu năng ảnh hưởng lớn hơn với các nước tiền tiến.

Hội nghị thượng đỉnh G8 tổ chức tại Hokkaido (Nhật) vào tháng 6 tới giữa các quốc gia giàu có nhất thế giới (Mỹ và các nước tiền tiến dân chủ phương Tây và Nhật) sẽ bảo vệ các luật chơi dân chủ cơ bản và phát minh ra những kỹ thuật mới nhằm thay thế dầu lửa, buộc Nga và các nước sản xuất dầu lửa tôn trọng các luật chơi để kịp giải quyết kịp các bưu điện năng lượng và tài chính.

Nguyễn Minh (Tokyo)

Trung Quốc : hậu quả của trận động đất

Ngày 12-5-2008, một trận động đất dữ dội mạnh 7,9 độ Richter đã xảy ra tại tỉnh Tứ Xuyên (Sichuan), phía tây-nam Trung Quốc.

Sự thiệt hại do trận động đất này gây ra rất khủng khiếp. Hơn 65.000 người đã bị thiệt mạng và khoảng 25.000 người khác bị mất tích. Số người bị thương tật trong trận động đất này cũng lên rất cao, khoảng 400.000 người. Hàng triệu căn nhà đã bị hư hại, nhiều thị trấn bị xóa tên trên bản đồ (Ánh Tú, huyện Thanh Xuyên). Số người phải sống cảnh màn trời chiếu đất khoảng 6 triệu và sẽ còn đông hơn nữa sau những trận dư chấn làm sập những căn nhà còn lại.

Tính đến ngày 5-6-2008, đã có trên 10.000 dư chấn lớn nhỏ được ghi nhận quanh trung tâm địa chấn nằm giữa hai huyện Văn Xuyên (Wenchuan) và Bắc Xuyên (Beichuan). Tuy vậy một số vùng phía tây bắc Trung Quốc (thành phố Hán Trung thuộc tỉnh Thiểm Tây cũng hứng chịu những cơn dư chấn mạnh tới 6,4 độ Richter, làm nhiều người bị thiệt mạng hàng ngàn ngôi nhà khác bị hư hại. Thêm vào đó, nhiều trận bão lớn đã trút xuống khu vực động đất một khối nước khổng lồ khiến lượng nước trên các sông tràn lên hai bên bờ và gây lở đất.

Nguy cơ lớn nhất do trận động đất này gây ra là nạn vỡ đập, đe dọa sự sống của hàng chục triệu người sinh sống trên các vùng hạ lưu. Hiện nay trên 70 đập nước xây dựng quanh trung địa chấn, lớn nhất là đập Đường Gia Sơn, có nguy cơ bị vỡ, hàng chục triệu người sinh sống dưới chân các đập nước được di tản lên các triền núi để lánh nạn. Chỉ riêng trong tỉnh Tứ Xuyên đã có trên 300 đập nước đang trong tình trạng nguy hiểm, có thể bị vỡ bất cứ lúc nào. Riêng đập thủy điện lớn

nhất thế giới, Tam Hiệp, nằm không xa trung tâm địa chấn Bắc Xuyên này bao nhiêu bĩ vỡ, hàng chục triệu người sinh sống ở khu vực hạ lưu có thể bị thiệt mạng bất cứ lúc nào. N.Thêm vào đó nạn đất lở từ các triền núi đổ xuống làm tắt nghẽn các con sông và biến chúng thành những hồ nước khổng lồ. Hiện nay đã có trên 35 hồ nước được hình thành một cách tự phát do đất từ hai triền núi đổ xuống ngăn chặn dòng chảy của các sông ngòi và ngày càng phình to hơn bởi nước mưa, do đó có thể bị vỡ bất cứ lúc nào. Nhiều làng xã và thành phố đã bị chôn vùi dưới lòng nước. Quân đội đã được điều động tới để đặt mìn phá vỡ những nút chặn do đất trượt tạo ra để tránh nạn vỡ đê. Đe dọa lớn nhất hiện nay là hồ Đường Gia Sơn với gần 200 triệu m³ nước nếu bị vỡ thì hàng triệu người sinh sống ở khu vực hạ lưu có thể bị thiệt mạng do nước lũ. Trung Quốc đang trả giá cho tham vọng xây nhiều hồ chứa nước trên thượng lưu các dòng sông để lấy nước tưới cây lương thực.

Trận động đất này là một bất hạnh cho người Trung Quốc nhưng nói cũng là tiếng chuông cảnh báo chính quyền Trung Quốc phải tôn trọng môi trường. Hiện nay dân chúng Trung Quốc đang phải trả một giá rất đắt cho chính sách phát triển bất chấp môi trường. Các nguồn nước bị nhiễm độc do các nhà máy hóa học thải ra. Không khí để thở cũng bị ô nhiễm nặng nề do các nhà máy nhiệt điện chạy bằng than đá thải ra. Hiện nay người ta đang lo sợ phóng xạ từ các lò phát điện nguyên tử do Nga xây dựng tại Tứ Xuyên bị vỡ do động đất gây ra có thể làm chết hay thương tật hàng triệu người.

Nguyễn Văn Huy (Paris)

Trung Quốc : hai vấn đề xã hội nhức nhối

Năm 2008 đối với người Trung Quốc có lẽ là một năm đầy gian nan. Trong tháng giêng, một số mặt hàng thực phẩm xuất khẩu đi khắp thế giới bị nghi ngờ có trộn các nông dược độc hại như các loại bánh xếp, Aspara lẫn bột, cải cuốn... đã bị chặn lại không cho nhập khẩu. Hàng hóa do các công ty thực phẩm lớn của Trung Quốc từ Hồ Bắc đến Sơn Đông đã bị giới thiệu thực tế tẩy chay, làm kinh tế Trung Quốc thiệt hại nặng. Đến tháng hai, trong dịp Tết nguyên đán, trận bão tuyết lớn nhất trong mấy chục năm làm ảnh hưởng nặng đến đời sống của dân Trung Quốc lúc đó đang kéo nhau về quê ăn Tết. Qua tháng ba, triệu chứng lạm phát từ hàng thực phẩm lan qua các mặt hàng dịch vụ buộc ban lãnh đạo Hồ Cẩm Đào - Ôn Gia Bảo tập trung ngăn ngừa. Đến cuối tháng ba, biến động ở Tây Tạng đã làm Trung Quốc bị mất mặt trên khắp chính trường quốc tế. Việc cấm ký giả nước ngoài vào khu vực xảy ra các vụ đàn áp và giết người Tây Tạng biểu tình do các lực lượng công an vũ trang và bộ đội Trung Quốc gây ra gây một làn sóng phản đối trên khắp thế giới. Dân chúng các quốc gia phương Tây trưng biểu ngữ và biểu tình phản đối việc rước đuốc thể vận Bắc Kinh từ châu Âu qua châu Mỹ, châu Úc. Ngay tại hai nước láng giềng của Trung Quốc là Nhật Bản và Đại Hàn, đuốc thể vận chạy ngang thành phố

Nagano (Nhật) và Seoul (Đại Hàn) cũng bị phản đối. Đầu tháng 5, nhiều trận bão cát đã thổi vào thành phố Bắc Kinh khiến giao thông bị tắt nghẽn và không khí bị ô nhiễm. Giữa tháng 5, ngày 12, một trận động đất dữ dội với chấn động 7,9 độ Richter, đã xảy ra tại tỉnh Tứ Xuyên với một vết nứt kéo dài 300 km, làm 70.000 người bị thiệt mạng và 20.000 người mất tích, hơn 45 triệu người mất nhà, sống cảnh màn trời chiếu đất. Thiệt hại tổng cộng do trận động đất này gây ra có thể làm giảm 1% GDP của Trung Quốc.

Điều đáng chú ý là ngay sau trận động đất vừa xảy ra, cặp bài trùng lãnh đạo Hồ Cẩm Đào và Ôn Gia Bảo đã tỏ ra ôn hòa hơn với thế giới chung quanh. Lần đầu tiên chính phủ Trung Quốc đã chính thức yêu cầu các đoàn cứu trợ Nhật và Nam Hàn đến hiện trường giúp tìm kiếm và lấy xác những nạn nhân ra khỏi những đống gạch vụn, cho phép các toán y tế Nhật, châu Âu đến cứu các nạn nhân bị thương tật, nhận tiền cứu trợ của thế giới kể cả từ Đài Loan. Ngày 27-5, Bắc Kinh đã chính thức kêu gọi quân đội Mỹ, Nga, đội tự vệ Nhật dùng máy bay quân sự để chở các loại lều, mền, mùng đến hiện trường Tứ Xuyên. Trung Quốc cần trên 30 triệu tấm lều, nhưng chỉ đủ khả năng cung cấp 600.000 tấm, điều này cho thấy không có quốc gia nào tránh khỏi thiên tai.

Sự thiệt hại do trận động đất này gây ra đã làm lu mờ hình ảnh của đuốc thể vận. Không còn ai chú ý tới ngôn đuốc đang chạy tới đâu. Chỉ còn chưa đầy một tháng rưỡi nữa Thế Vận Hội Bắc Kinh sẽ được khai mạc, có bao nhiêu người Trung Quốc chú ý tới thế vận ?

Nhưng trầm trọng hơn, hiện nay Trung Quốc đang đương đầu với hai vấn đề xã hội nhức nhối : giá bất động sản leo thang một cách quá đáng khiến hố chênh lệch giàu nghèo ngày càng sâu rộng, báo hiệu một cuộc khủng hoảng lớn sắp xảy ra với những hậu quả khó lường được ; kể đến là bộ luật lao động vừa được ban hành có thể giúp gì cho sự phát triển của Trung Quốc.

Đối với nhiều sinh viên tốt nghiệp đại học lên làm việc ở Bắc Kinh, việc có được một ngôi nhà ở Bắc Kinh là một giấc mơ khó thực hiện. Nếu phải trả tiền thuê nhà theo đúng giá thị trường, tổng số tiền lãnh ra của một công nhân viên bình thường chỉ đủ trả tiền thuê nhà. Nhiều người đã phải vay nợ ngân hàng để có đủ tiền thuê nhà và phải làm quần quật suốt ngày để trả nợ, người ta gọi là "phòng nô". Trong khi đó một thiểu số được ưu đãi, phần lớn là con cháu các quan chức trong chính quyền hay giới tài phiệt mới, phô trương sự giàu có một cách thách đố trước một đại đa số nghèo khổ trước mắt. Ban đêm, những thành phố giàu có mới tung hoành trong các trung tâm thành phố lớn, bất chấp sự gièm pha của những thành phần nghèo khó. Theo ước tính của các chuyên gia kinh tế về Trung Quốc, hiện có khoảng 150 triệu đại gia tư sản đồ, với một tổng tài sản lên đến 100 tỷ USD.

Với số tiền này, những đại gia tư sản đồ mua bất cứ cái gì có thể giữ làm tài sản. Chính vì thế giá nhà đất trong các thành phố lớn tại Trung Quốc hiện nay ngang bằng giá nhà đất tại các quốc gia tiên tiến khác trên thế giới. Những chuyên gia kinh tế quốc tế nói giá nhà đất tăng là do tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, do đó số thu của nhà nước cũng đã tăng lên vượt bậc và một số cơ quan đã dùng số tiền này mua bán

nhà đất để kiếm thêm lời. Cũng nên biết Trung Quốc chưa áp dụng chính sách đánh thuế lợi tức nên những thành phần giàu có mới vẫn tự do tác oai tác quái, vì đại đa số là những thành phần được ưu đãi của chế độ.

Từ đầu năm nay, chính quyền Trung Quốc đã ban hành bộ luật lao động mới, được đưa ra quốc hội bàn thảo từ năm 2005, nhằm giải tỏa quan hệ bất bình đẳng giữa giới chủ nhân và thợ thuyền, đồng thời tiêu chuẩn hóa các hợp đồng làm việc để dễ kiểm soát. Trong thực tế, từ hơn 20 năm qua, do nhu cầu sinh kế người lao động Trung Quốc chấp nhận làm việc trong những điều kiện khó khăn để có tiền nuôi gia đình và cũng nhờ đó có mức sống tiện nghi hơn trước. Nhưng hiện nay, do giá cả leo thang mức sống của những thành phần làm công mới này bị sút giảm và họ sẵn sàng làm bất cứ việc gì với bất cứ đồng lương nào để sống. Những người này gọi là "lưu dân" (những người sống lang thang, không có chỗ ở nhất định), chiếm 90% lực lượng lao động đến từ nông thôn, khoảng 20 triệu người. Đây là một ngòi thuốc nổ hay một ngọn núi lửa chỉ chờ bùng phát và gây tác hại.

Kiểm Hương (Nagoya)

Võ Văn Kiệt không còn nữa

Ông Võ Văn Kiệt, cựu thủ tướng cộng sản Việt Nam, đã từ trần ngày 11-6-2008 tại Singapore, vì tuổi cao và tai biến mạch não, thọ 86 tuổi.

Sinh năm 1922 tại Vĩnh Long, ông Kiệt đã tham gia phong trào Thanh Niên phản đế và được kết nạp vào Đảng Cộng Sản Đông Dương năm 17 tuổi (1939). Từ sau ngày đó ông trở thành cấp chỉ huy các chi bộ đảng cộng sản địa phương và trở thành cấp chỉ huy vùng Tây Nam Bộ từ 1946 đến 1954 với các chức vụ tỉnh ủy, phó bí thư và bí thư tỉnh ủy Rạch Giá và Bạc Liêu.

Sau hiệp định Genève 1954, ông Kiệt trở thành một cấp chỉ huy cao cấp từ 1959 đến 1970, ông trở thành bí thư khu ủy Sài Gòn - Gia Định và được vào ban chấp hành trung ương đảng Lao Động năm 1960. Sự nghiệp của ông tiếp tục thăng tiến từ 1973 đến 1975, tức giai đoạn quyết liệt nhất trong việc lấn chiếm miền Nam, ông trở thành ủy viên thường vụ trung ương cục miền Nam. Như chuột lọt vào hũ gạo, từ 1976 ông Võ Văn Kiệt đã lần lượt nắm giữ các chức vụ đẩy quyền lực và quyền lợi nhất miền Nam : phó bí thư thành ủy, chủ tịch thành phố và bí thư thành ủy Sài Gòn, sau đó được bầu vào quốc hội, rồi ủy viên dự khuyết bộ chính trị.

Sự nghiệp của ông đã không ngừng thăng tiến sau 1987, ông đã lần lượt nắm giữ các chức vụ cao cấp nhất trong đảng và nhà nước để rồi trở thành thủ tướng, phó chủ tịch hội đồng quốc phòng và an ninh từ 1991 đến 1997. Sau đó ông về hưu và sống cuộc đời an nhàn tại Sài Gòn với tư cách cố vấn ban chấp hành trung ương đảng cộng sản.

Nói tóm lại cuộc đời và sự nghiệp của ông Võ Văn Kiệt rất là hạnh thông. Từ khi gia nhập đảng cộng sản, cánh cửa danh vọng, quyền lực và quyền lợi đã rộng mở đón ông với tất cả mọi dễ dàng, người ta có cảm tưởng như ông được sinh ra để nắm giữ các chức vụ cao cấp đó.

Thật ra Võ Văn Kiệt là một người khôn ngoan và khéo léo nên đã đạt được tất cả những gì mong muốn. Vào những năm cuối đời, từ 1997 đến 2007, ông còn lên tiếng kêu gọi dân chủ và sử dụng những cụm từ thích hợp với thời đại như hòa hợp, hòa giải dân tộc khiến những người đã từng chống đối ông trước kia ủng hộ.

Với dáng người dễ coi, ít ai nghĩ tới những hành động độc ác của ông trước đó. Cho đến một ngày gần đây người ta vẫn chỉ nhìn thấy ông là một người cõi mờ và bao dung trong khi thực tế không hoàn toàn đúng như vậy. Trong suốt cuộc đời, ông Võ Văn Kiệt đã chỉ biết phục vụ và bảo vệ quyền lợi của đảng cộng sản, với tất cả sự hăng say. Thành quả nổi bật mà ông đã để lại cho đảng cộng sản là tiêu diệt hoàn toàn đối lập dân chủ tại miền Nam và nghị quyết ác ôn 31/CP.

Nhắc lại, trong suốt thời gian cầm quyền sau ngay sau ngày 30-4-1975, với các chức vụ bí thư đảng ủy, chủ tịch ủy ban quân quản thành phố Sài Gòn từ 1976 đến 1987, ông Kiệt đã là tác giả của rất nhiều vụ bắt bớ và giam cầm những thanh niên miền Nam khi gia nhập các đảng chống cộng cuối mà ông đã lập ra để gài bẫy bắt giữ, nhiều người đã bị mang ra pháp trường xử bắn, trong đó nhiều vị lãnh đạo tôn giáo. Trong những năm từ 1979 đến 1983, các nhà tù và trại lao động cải tạo tại miền Nam đầy ắp nạn nhân những tổ chức cuối như Phong Trào Phục Quốc, Mặt Trận Liên Tôn... Chính qua những vụ gài bẫy bắt người này mà dư luận cho rằng Võ Văn Kiệt là một tướng công an. Thật ra ông là cấp chỉ huy của cả ngành công an lẫn an ninh. Ông chính thức là phó chủ tịch hội đồng quốc phòng và an ninh, tiền thân của bộ công an và cục an ninh ngày nay, từ 1992 đến 1997. Dưới sự lãnh đạo của ông, không thành phần chống đối chế độ nào mà không bị dẫn vào nhà tù, những người may mắn hơn phải tìm đường vượt biên. Cũng chính ông Kiệt là tác giả những vụ tổ chức và xua đuổi người Hoa ra khỏi nước để chiếm đoạt tài sản sau 1979. Sau khi nhận thấy chính sách xua đuổi người Hoa là sai, cũng chính ông là người mời gọi tài phiệt gốc Hoa vào Việt Nam đầu tư, dưới chiêu bài đổi mới, vì lúc đó đất nước đang bị cạn kiệt bởi chính sách vơ vét tài sản và xua đuổi người tài ra khỏi nước. Sự giàu có của gia đình ông Võ Văn Kiệt phát triển mạnh trong giai đoạn này vì nắm độc quyền guồng máy kinh tế miền Nam.

Thần tượng của ông Kiệt là Lý Quang Diệu, thủ tướng kiêm chủ tịch Đảng Nhân Dân Hành Động, đó là cũng tên của một đảng do một đệ tử thân cận của ông Kiệt lập ra để ngăn chặn sự xâm nhập của những người chống đối chế độ qua ngã Kampuchia. Chính sách mở cửa về kinh tế và siết chặt về chính trị, do ông Diệu làm có vấn, đã làm cho sinh hoạt kinh tế của Việt Nam khởi sắc, từ đó Lý Quang Diệu trở thành bạn thân của khá nhiều khuôn mặt lớn trong đảng cầm quyền tại Việt Nam. Singapore trở thành địa điểm lui tới của ông Kiệt và những nhân vật cao cấp khác trong đảng cộng sản sau khi về hưu, mà mục đích là để chuyển tiền ra nước ngoài dưới hình thức mua bất động sản và cổ phiếu một cách hợp pháp. Công tác này ngày nay đã hoàn tất, phần lớn tài sản của gia đình ông Kiệt và những nhân vật cao cấp khác trong đảng đang ở nước ngoài, tại châu Âu và Đông Nam Á.

Nguyễn Văn Huy

Tiền sư mấy thằng Mỹ!

Hắn bảo tôi : "Tao phá sản rồi !". Tôi đáp : "Ít ra mày còn có sản để mà phá, thế là may lắm rồi. Như tao đây muốn phá sản cũng chẳng được".

Hắn vắng tục :

- Đ.M. cầm mồm ! Đừng giở cái giọng ba que xỏ lá đó ra, ông đang giận điên tiết lên đây này.

Thôi thì tôi đành nhượng bộ trước bạo lực vậy. Và im lặng nghe hắn giải thích. Từ một năm nay hắn mất gần năm triệu đô vì stock xuống giá. Máy cái building của hắn mất giá hơn 30%, riêng cái mall hắn đang hùn vốn xây dựng thì gần như mất trắng. Hắn đau lắm. "Mẹ cha nó, chỉ trong một năm trời mà mất mẹ hơn mười triệu đô, gần một nửa gia tài xây dựng bằng mồ hôi nước mắt", hắn kết luận.

Không phải tôi vui mừng trước sự đau khổ của hắn. Hắn là một thằng bạn tốt, giàu có mà không đổi bạn như hắn thật là hiếm. Hắn vẫn rất gần gũi với tôi và cũng không keo kiệt như phần lớn những người giàu. Hắn giúp tiền cho nhiều công tác từ thiện ở Việt Nam. Năm trước, khi con tôi vào đại học, hắn tặng cho nó một chiếc Toyota nhỏ còn khá mới. Tuy vậy tôi vẫn có cảm giác như được an ủi trước những gian truân của hắn. Minh nghèo thì ít ra không có cái nhức đầu của người giàu. Cũng không phải là tôi không mất mát gì. Tôi ở một khu nghèo, khá xa trung tâm thành phố và nghe nói cái nhà của vợ chồng tôi đã xuống giá ghê lắm, như mọi căn nhà trong khu này. Nhưng tôi không thấy mất mát gì cả. Cái nhà của tôi chỉ có công dụng duy nhất là để ở, và dù nó lên giá hay xuống giá thì tôi vẫn ở, thế thôi, chẳng thay đổi gì.

Như không dẫn được sự bức tức, hắn nói tiếp :

- Tiền sư mấy thằng Mỹ ! Chúng nó thực là vô tích sự. Thế giới đã có một phân công lao động rõ rệt, cả thế giới lao động sản xuất, còn chúng nó có bốn phận phải mua sắm và tiêu thụ. Chỉ có thế thôi mà chúng nó cũng không làm được. Người ta đã làm đủ cách để chúng nó tiêu thụ. Mua sắm chỉ cần đưa credit card và ký tên, thế là xong, đâu có phải trả tiền để mà tiếc của, có khi chỉ cần vào Internet gõ vài chữ, click vài cái vào mouse là xong, hàng giao tận nhà. Vậy mà nó cũng không làm được

Tôi chợt nghĩ tới một thắc mắc muốn hỏi những người tài giỏi như hắn từ lâu mà chưa có dịp :

- Nhưng nếu nước Mỹ cứ vay tiền mà ăn xài mãi thôi sẽ có lúc phải phá sản. Làm sao có thể tiếp tục như thế mãi được !

- Đó, đó ! Mày cũng ngu như thằng Bush. Ai dám

MỤC LỤC

01. Thấy gì qua một vụ đảo án ?
Thông Luận
02. Giải quyết khủng hoảng căn cước để ra khỏi bế tắc chính trị
Nguyễn Gia Kiểng
06. Chết đói - thiếu đói và cơ hội
Nguyễn Huy Đức
08. Tại sao vẫn thiếu vắng một Mặt Trận Dân Chủ lớn mạnh ?
Tôn Thất Thiện
13. Hãy lên tiếng bảo vệ những tù nhân lương tâm người Thượng
Đàm Sa
15. An ninh chính trị... những điều chưa nói hết
Nguyễn Thượng Long
18. Hòa giải và hòa hợp của THĐCĐN là gì ?
Việt Hoàng
20. Thấy gì qua nhân quan của một "nhà" dân chủ gạo cội ?
Như Hà
23. Hấp tấp mở rộng Hà Nội gấp ba, đổ vỡ gấp sáu
Tiền Hồng
26. Miếng ngon xứ Huế
Lê Văn Hóa
27. Samsung : hoàng đế Lee bị truất phế
Nguyễn Sơn Bá
28. Lương thực : một cuộc động đất toàn cầu dữ dội
Nghiêm Văn Thạch
29. Quan hệ đối đầu mới giữa Nga và Mỹ
Nguyễn Minh
29. Trung Quốc : Hậu quả của trận động đất
Nguyễn Văn Huy
30. Trung Quốc : hai vấn đề xã hội nhức nhối
Kiểm Hương
31. Võ Văn Kiệt qua đời
Nguyễn Văn Huy
32. Tiền sư mấy thằng Mỹ !
Đáy

để cho nước Mỹ phá sản ? Nước Mỹ phá sản thì ai trả những món nợ, ai mua hàng Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ, Nam Hàn... Cả thế giới sẽ phá sản theo. Cho ăn kẹo cũng không thằng nào dám để cho Mỹ phá sản cả. Càng cho Mỹ vay tiền nhiều càng thấy phải cho vay nhiều hơn nữa để Mỹ tiếp tục mua sắm. Bốn phận của mấy thằng Mỹ chỉ là ăn xài thả cửa, mượn tiền của thằng Tàu để mua hàng Trung Quốc và để chế vũ khí thật tối tân, chuẩn bị nện Trung Quốc nếu có ý đồ bành trướng bá quyền. Thằng Bush thiếu vision, dở ẹc. Nó lú mà chú nó cũng không khôn. Đáng lẽ những thằng cố vấn của nó phải mất cho nó.

Hắn ngừng lại mà lúc rồi thở dài :

- Cũng tại tao ham đầu cơ nên mới mắc nạn.

Tôi khoan khoái được giải tỏa khỏi sự ngu dốt và mời hắn ở lại ăn trưa với vợ chồng tôi. Hôm nay nhà tôi có phở.

Hắn đáp :

- Cũng được, nhưng phải nhanh lên. Hôm nay tao đến đây để xem một cái building. Khu này nhà đất đang xuống giá hơn 70%. Lúc này là lúc phải mua.